

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

## **ĐỀ TÀI**

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU  
HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY  
TNHH TIẾP VẬN ĐỎ**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN: NGUYỄN VIỆT THÀNH**

**MÃ SỐ SINH VIÊN: 2154050183**

**KHÓA HỌC: 2021-2026**

**Đà Nẵng, ngày 20 tháng 5 năm 2026.**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

## **ĐỀ TÀI**

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP  
KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG  
TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Hoàng Mỹ**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Viết Thành**

**Mã số sinh viên: 2154050183**

**Khóa học: 2021-2026**

**Đà Nẵng, ngày 20 tháng 5 năm 2026**

**GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Năm học: 2025 – 2026**

**1. Thông tin tác giả thực hiện**

- Họ và tên sinh viên:      Nguyễn Viết Thành
- Chuyên ngành      :      Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo      :      Đại học
- Khóa học      :      2021-2026

**2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp**

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ  
CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ

**3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp**

**4. Các bảng biểu**

**5. Cán bộ hướng dẫn**

- ThS. Phạm Thị Hoàng Mỹ

**6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp**

- 30/05/2026

**7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận**

- 30/05/2026

**Giảng viên hướng dẫn**

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, ngành logistics ngày càng giữ vai trò then chốt trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là trong hoạt động ngoại thương tại Việt Nam. Trong đó, giao nhận hàng lẻ container bằng đường biển là một phương thức vận chuyển phổ biến, phù hợp với những doanh nghiệp có nhu cầu gửi hàng với khối lượng nhỏ, không đủ để đóng nguyên container. Tuy nhiên, vì tính chất chia sẻ và phối hợp giữa nhiều chủ thể, hoạt động này thường tiềm ẩn rủi ro và đòi hỏi quy trình vận hành phải khoa học, đồng bộ và hiệu quả. Nếu quy trình thiếu tính chặt chẽ hoặc phối hợp không nhịp nhàng giữa các bên liên quan, doanh nghiệp rất dễ gặp phải tình trạng chậm trễ, sai sót chứng từ hoặc phát sinh chi phí ngoài kế hoạch.

Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ là một doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực logistics tại thành phố Đà Nẵng, chuyên cung cấp dịch vụ giao nhận, vận chuyển quốc tế, khai thuê hải quan và dịch vụ kho bãi. Trong quá trình thực tập tại đây, em có cơ hội được quan sát và tham gia trực tiếp vào quy trình giao nhận hàng lẻ nhập khẩu bằng đường biển. Từ thực tiễn theo dõi và tìm hiểu một số lô hàng cụ thể, em nhận thấy vẫn còn những hạn chế trong việc tổ chức quy trình, phối hợp với đối tác, xử lý chứng từ và tương tác với khách hàng. Một số bước còn xử lý thủ công, thời gian phản hồi chậm, thiếu các công cụ hỗ trợ hiện đại. Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành mà còn làm giảm mức độ hài lòng của khách hàng.

Trong thời gian được thực tập tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, nhận thấy được tầm quan trọng của nghiệp vụ giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường biển và với mong muốn làm rõ quy trình thực tế, đồng thời đóng góp vào sự phát triển ở mảng dịch vụ giao nhận hàng nhập khẩu tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, em quyết định lựa chọn đề tài: “

Hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ để làm đề tài nghiên cứu cho mình.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### ***a. Mục tiêu tổng quát***

- Phân tích và mô tả hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ
- Đánh giá thực trạng quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ
- Đưa ra giải pháp và kiến nghị để hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ

### ***b. Mục tiêu cụ thể***

Hiểu rõ hơn về quy trình giao nhận hàng hóa bằng đường biển của Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ và từ đó, có những giải pháp và kiến nghị giúp ích cho quy trình ngày một nâng cao hơn. Bên cạnh đó, có thể tận dụng những kiến thức đã học vào thực tế để hiểu rõ hơn về quy trình.

## **3. Đối tượng nghiên cứu**

Hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.

## **4. Phạm vi nghiên cứu**

### ***a. Về không gian***

Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ

### ***b. Về thời gian***

Nghiên cứu tiến hành trên dữ liệu trong ba năm 2024-2026

### ***c. Về nội dung***

Đề tài tập trung nghiên cứu về thực trạng hoạt động giao nhận tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ và nghiên cứu các giải pháp nhằm hoàn thiện giao nhận hàng hóa bằng đường biển.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp phân tích, phương pháp thống kê, phương pháp quan sát trực tiếp, tham khảo ý kiến của các nhân viên Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.

## **6. Kết cấu của báo cáo**

**Chương 1:** Cơ sở lý luận giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển.

**Chương 2:** Thực trạng quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.

**Chương 3:** Một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.

## **LỜI CẢM ƠN**

Đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn đến giáo viên hướng dẫn ThS. Phạm Thị Hoàng Mỹ- giảng viên khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã định hướng và hướng dẫn tận tình để em có thể hoàn thành tốt bài báo cáo này một cách hoàn thiện nhất.

Tiếp đó, em xin cảm ơn đến các quý thầy cô bộ môn trong khoa Kinh tế của Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã tận tâm giảng dạy, truyền đạt những kiến thức bổ ích, góp phần phục vụ cho việc hoàn thiện bài báo cáo thực hành nghề nghiệp này của em.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn đến ban lãnh đạo và các anh chị tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ đã tạo điều kiện thuận lợi cho em được thực tập tại quý Công ty, cung cấp số liệu và giúp em tiếp cận gần hơn với nghiệp vụ giao nhận hàng hóa ở Công ty, để từ đó, em có thể vận dụng các kiến thức ở ghế nhà trường vào thực tiễn, đồng thời cho em thêm nhiều kinh nghiệm thực tế trong môi trường làm việc và cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

**Đà Nẵng, ngày 20 tháng 5 năm 2026.**

**Sinh viên thực tập**

Nguyễn Viết Thành

## MỤC LỤC

|                                                                                                 |             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>                                                                         | <b>i</b>    |
| <b>1. Lý do chọn đề tài .....</b>                                                               | <b>i</b>    |
| <b>2. Mục tiêu nghiên cứu.....</b>                                                              | <b>ii</b>   |
| <i>a. Mục tiêu tổng quát .....</i>                                                              | <i>ii</i>   |
| <i>b. Mục tiêu cụ thể.....</i>                                                                  | <i>ii</i>   |
| <b>3. Đối tượng nghiên cứu.....</b>                                                             | <b>ii</b>   |
| <b>4. Phạm vi nghiên cứu.....</b>                                                               | <b>ii</b>   |
| <i>a. Về không gian.....</i>                                                                    | <i>ii</i>   |
| <i>b. Về thời gian.....</i>                                                                     | <i>ii</i>   |
| <i>c. Về nội dung .....</i>                                                                     | <i>ii</i>   |
| <b>5. Phương pháp nghiên cứu.....</b>                                                           | <b>iii</b>  |
| <b>6. Kết cấu của báo cáo.....</b>                                                              | <b>iii</b>  |
| <b>LỜI CẢM ƠN.....</b>                                                                          | <b>iv</b>   |
| <b>DANH MỤC BẢNG .....</b>                                                                      | <b>ix</b>   |
| <b>DANH MỤC HÌNH.....</b>                                                                       | <b>x</b>    |
| <b>DANH MỤC SƠ ĐỒ .....</b>                                                                     | <b>xi</b>   |
| <b>DANH MỤC BẢNG BIỂU .....</b>                                                                 | <b>xii</b>  |
| <b>DANH MỤC VIẾT TẮT .....</b>                                                                  | <b>xiii</b> |
| <b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN. ....</b> | <b>1</b>    |
| <b>1.1. Khái quát chung về giao nhận hàng hóa.....</b>                                          | <b>1</b>    |
| 1.1.1. Khái niệm về giao nhận hàng hóa.....                                                     | 1           |
| 1.1.2. Đặc điểm của giao nhận hàng hóa .....                                                    | 2           |
| 1.1.3. Phân loại về hoạt động giao nhận hàng hóa .....                                          | 2           |
| 1.1.4. Vai trò của hoạt động giao nhận hàng hóa trong lĩnh vực Logistics ....                   | 5           |
| <b>1.1.5. Khái quát chung về người giao nhận .....</b>                                          | <b>6</b>    |
| 1.1.5.1 Khái niệm về người giao nhận .....                                                      | 6           |
| 1.1.5.2. Vai trò của người giao nhận.....                                                       | 6           |
| <b>1.1.6 Trách nhiệm của người giao nhận.....</b>                                               | <b>7</b>    |

|                                                                                                                                     |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.1.6.1 Khi người giao nhận là đại lý của chủ hàng .....                                                                            | 7  |
| 1.1.6.2. Khi người giao nhận là người chuyên chở .....                                                                              | 8  |
| 1.2. Khái quát chung về nhập khẩu .....                                                                                             | 9  |
| 1.2.1. Khái niệm về nhập khẩu .....                                                                                                 | 9  |
| 1.2.2. Đặc điểm cơ bản của nhập khẩu .....                                                                                          | 9  |
| 1.2.3. Các hình thức nhập khẩu .....                                                                                                | 10 |
| 1.2.3.1. Nhập khẩu trực tiếp .....                                                                                                  | 10 |
| 1.2.3.2. Nhập khẩu gián tiếp (ủy thác) .....                                                                                        | 11 |
| 1.2.3.3. Tạm nhập tái xuất .....                                                                                                    | 11 |
| 1.2.3.4. Nhập khẩu liên doanh .....                                                                                                 | 12 |
| 1.2.3.5. Nhập khẩu gia công .....                                                                                                   | 12 |
| 1.2.4. Vai trò của nhập khẩu hàng lẻ container đối với nền kinh tế .....                                                            | 12 |
| 1.2.5. Nghiệp vụ giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển .....                                                   | 14 |
| 1.2.5.1 Khái niệm và đặc điểm của hàng lẻ .....                                                                                     | 14 |
| 1.2.5.1.1. Khái niệm hàng lẻ .....                                                                                                  | 14 |
| 1.2.5.1.2. Sự khác biệt giữa LCL và FCL .....                                                                                       | 14 |
| 1.3. Quy trình giao nhận hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển ...                                                            | 16 |
| 1.3.1. Khái niệm .....                                                                                                              | 16 |
| 1.3.2. Vai trò .....                                                                                                                | 16 |
| 1.3.3. Các bước trong quy trình giao nhận hàng lẻ .....                                                                             | 16 |
| 1.4. Cơ sở pháp lý về hoạt động giao nhận hàng lẻ container bằng đường biển .....                                                   | 20 |
| 1.4.1. Công ước quốc tế: .....                                                                                                      | 20 |
| 1.4.2. Luật quốc gia .....                                                                                                          | 21 |
| 1.4.3. Hệ thống chứng từ .....                                                                                                      | 23 |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LẺ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ.</b> .... | 26 |
| 2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ ...                                                                           | 26 |

|                                                                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.....</b>                                                                                            | <b>26</b> |
| 2.1.1.1. Thông tin công ty.....                                                                                                                 | 26        |
| 2.1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển .....                                                                                                 | 26        |
| 2.1.1.3. Lĩnh vực hoạt động của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ .....                                                                                  | 26        |
| 2.1.1.4. Tầm nhìn , sứ mệnh và các giá trị cốt lõi.....                                                                                         | 30        |
| <b>2.1.2 Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.....</b>                                                                                   | <b>31</b> |
| 2.1.2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhận sự của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ .....                                                                        | 31        |
| 2.1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban .....                                                                                          | 32        |
| <b>2.1.3. Phân tích nguồn lực kinh doanh giai đoạn 2023 -2025.....</b>                                                                          | <b>33</b> |
| 2.1.3.1. Cơ sở vật chất .....                                                                                                                   | 33        |
| 2.1.3.2. Nguồn nhân lực .....                                                                                                                   | 34        |
| 2.1.3.3. Nguồn lực tài chính .....                                                                                                              | 38        |
| <b>2.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2023-2025 .....</b>                                             | <b>39</b> |
| 2.2.1. Cơ cấu dịch vụ .....                                                                                                                     | 39        |
| 2.2.2. Kết quả kinh doanh từ năm 2023 đến năm 2025 .....                                                                                        | 41        |
| <b>2.3. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ.....</b>                   | <b>42</b> |
| 2.3.1. Sơ đồ về quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ .....                         | 42        |
| 2.3.2. Phân tích các bước trong quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ .....         | 45        |
| 2.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ bằng đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ .....                  | 71        |
| <b>2.4. Đánh giá quy trình thực hiện nghiệp vụ giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.....</b> | <b>73</b> |
| 2.4.1. Kết quả đánh giá .....                                                                                                                   | 73        |
| a) Ưu điểm.....                                                                                                                                 | 73        |
| b) Nhược điểm .....                                                                                                                             | 76        |

|                                                                                                                                                                                |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 2.4.2. Nguyên nhân gây ra .....                                                                                                                                                | 78         |
| Tóm tắt chương 2 .....                                                                                                                                                         | 79         |
| <b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN<br/>QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER<br/>BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ .....</b> | <b>81</b>  |
| 3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ ...                                                                                                        | 81         |
| 3.1.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh .....                                                                                                                         | 81         |
| 3.1.2 Định hướng và mục tiêu phát triển chung.....                                                                                                                             | 81         |
| 3.2. Hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ container bằng<br>đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.....                                                      | 83         |
| 3.2.1. Hạn chế.....                                                                                                                                                            | 83         |
| 3.2.2: Các giải pháp.....                                                                                                                                                      | 84         |
| 3.3. Kiến nghị .....                                                                                                                                                           | 96         |
| Tóm tắt chương 3 .....                                                                                                                                                         | 98         |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                                                                          | <b>99</b>  |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>                                                                                                                                                | <b>100</b> |
| <b>PHỤ LỤC .....</b>                                                                                                                                                           | <b>101</b> |

## **DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                  |    |
|----------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1.1: So sánh sự khác biệt giữa LCL và FCL:.....                             | 15 |
| Bảng 2.1: Biểu số liệu về máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, kho bãi: ..... | 31 |
| Bảng 2.2: Phân loại theo giới tính: .....                                        | 33 |
| Bảng 2.3: Phân loại theo độ tuổi: .....                                          | 33 |
| Bảng 2.4: Phân loại theo trình độ: .....                                         | 34 |
| Bảng 2.5: Cân đối kế toán thống kê một vài số liệu:.....                         | 35 |
| Bảng 2.6: khách hàng của công ty:.....                                           | 37 |
| Bảng 2.7: Đối thủ cạnh tranh:.....                                               | 39 |
| Bảng 2.8: Cơ cấu dịch vụ của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ:.....                      | 45 |
| Bảng 2.9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022-2024:.....                       | 46 |

## **DANH MỤC HÌNH**

|                                                             |    |
|-------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2.1: Logo công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ: .....              | 20 |
| Hình 2.2: Lệnh giao hàng: .....                             | 53 |
| Hình 2.3: Phiếu đóng gói:.....                              | 54 |
| Hình 2.4: Giấy thông báo hàng đến:.....                     | 55 |
| Hình 2.5: Vận đơn: .....                                    | 56 |
| Hình 2.6: Giao diện phần mềm ECUS5: .....                   | 61 |
| Hình 2.7: Thông tin đăng ký tờ khai hải quan điện tử: ..... | 61 |
| Hình 2.8: Thông tin nhóm loại hình: .....                   | 62 |
| Hình 2.9: Thông tin vận đơn .....                           | 63 |
| Hình 2.10: Thông tin về hóa đơn thương mại: .....           | 64 |

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

|                                                                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhận sự của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ:.....                                          | 29 |
| Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cụ thể về quy trình giao nhận nguyên container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ: ..... | 48 |
| Sơ đồ 2.3: Sơ đồ phân luồng giao nhận hàng nhập khẩu: .....                                                         | 59 |

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu dịch vụ năm 2023 của công ty TNHH Tiếp Vận Đò:..... 46

### DANH MỤC VIẾT TẮT

| STT | Ký hiệu chữ viết tắt | Chữ viết đầy đủ                                         |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | CO                   | Certificate of Origin: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa |
| 2   | B/L                  | Bill of lading: Vận đơn                                 |
| 3   | LCL                  | Hàng lẻ                                                 |
| 4   | L/C                  | Thanh toán bằng thư tín dụng                            |
| 5   | LCL                  | Hàng lẻ                                                 |
| 6   | EDO                  | Lệnh giao hàng                                          |
| 7   | EIR                  | Phiếu giao nhận container                               |

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN.**

## **1.1. Khái quát chung về giao nhận hàng hóa**

### **1.1.1. Khái niệm về giao nhận hàng hóa**

Giao nhận hàng hóa (freight forwarding) là một hoạt động thuộc lĩnh vực logistics, bao gồm toàn bộ quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện việc vận chuyển hàng hóa từ nơi gửi đến nơi nhận theo yêu cầu của chủ hàng, thông qua một hoặc nhiều phương thức vận tải, đảm bảo hàng hóa được vận chuyển an toàn, đúng thời gian và đúng địa điểm.

Theo Quy tắc mẫu từ Liên đoàn Hiệp hội các nhà giao nhận vận tải quốc tế - International Federation of Freight Forwarders Associations (viết tắt là FIATA) thì dịch vụ giao nhận hàng hóa được định nghĩa là bất kỳ loại dịch vụ nào liên quan đến vận chuyển, gom hàng, lưu hàng, bốc xếp, đóng gói hay phân phối hàng hóa cũng như các dịch vụ tư vấn hay có liên quan đến các dịch vụ trên, kể cả vấn đề hải quan, tài chính, mua bảo hiểm, thanh toán, thu thập chứng từ liên quan đến hàng hóa (FIATA).

Tại Điều 233 của Bộ Luật Thương mại Việt Nam năm 2005, Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao. Dịch vụ logistics được phiên âm theo tiếng Việt là dịch vụ lô-gi-stíc (Luật Doanh Nghiệp số 36/2005/QH11, 2005).

Trong thực tế, hoạt động giao nhận không chỉ dừng lại ở việc vận chuyển hàng hóa mà còn bao gồm nhiều dịch vụ hỗ trợ khác như: tư vấn vận tải, bảo hiểm hàng hóa, xử lý chứng từ, quản lý rủi ro, theo dõi và cập nhật tình trạng lô hàng. Các doanh nghiệp giao nhận thường đóng vai trò trung gian giữa người gửi hàng và các nhà vận tải (đường biển, đường hàng không, đường bộ...), giúp tối ưu hóa chi phí và thời gian vận chuyển cho khách hàng.

Giao nhận hàng hóa ngày nay đóng vai trò then chốt trong chuỗi cung ứng toàn cầu, là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thương mại quốc tế

ngày càng mở rộng. Đối với hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển, vai trò của người giao nhận càng trở nên thiết yếu do tính phức tạp của quy trình, thời gian vận chuyển dài và yêu cầu chặt chẽ về chứng từ và pháp lý.

### **1.1.2. Đặc điểm của giao nhận hàng hóa**

Hoạt động giao nhận hàng hóa là một dạng dịch vụ đặc thù trong lĩnh vực logistics và thương mại quốc tế. Với tính chất là một loại hình dịch vụ trung gian, giao nhận hàng hóa có những đặc điểm nổi bật như sau:

- Không tạo ra sản phẩm vật chất: Giao nhận hàng hóa không làm thay đổi bản chất hay trạng thái vật lý của hàng hóa. Thay vào đó, nó góp phần gia tăng giá trị hàng hóa thông qua việc thay đổi vị trí địa lý, đảm bảo hàng hóa được vận chuyển từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ một cách an toàn, đúng thời gian và hiệu quả. Đây chính là yếu tố làm gia tăng giá trị sử dụng của hàng hóa trong chuỗi cung ứng.

- Mang tính thời vụ: Giao nhận hàng hóa chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động thương mại quốc tế, vốn có tính biến động theo mùa vụ, chu kỳ kinh tế và nhu cầu thị trường. Do đó, khối lượng công việc và nhu cầu dịch vụ giao nhận thường thay đổi theo từng thời điểm trong năm, phụ thuộc vào hoạt động xuất nhập khẩu và tình hình cung cầu toàn cầu.

- Mang tính thụ động: Hoạt động giao nhận chủ yếu xuất phát từ nhu cầu của khách hàng. Doanh nghiệp giao nhận không chủ động tạo ra nhu cầu mà phải linh hoạt đáp ứng các yêu cầu về thời gian, phương thức vận chuyển, loại hình hàng hóa, chi phí, và các tiêu chí khác do khách hàng đặt ra. Ngoài ra, giao nhận còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên ngoài như quy định pháp luật, chính sách hải quan, quy định vận tải quốc tế, và mối quan hệ với các bên liên quan như hãng tàu, cảng, đại lý...

Với các đặc điểm trên, hoạt động giao nhận hàng hóa đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo dòng chảy thương mại liên tục và hiệu quả, đồng thời đòi hỏi các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này phải có khả năng thích nghi cao, quản lý linh hoạt và cập nhật liên tục các biến động của thị trường và chính sách.

### **1.1.3. Phân loại về hoạt động giao nhận hàng hóa**

Hoạt động giao nhận hàng hóa chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau, và tùy theo đặc điểm, hình thức, phương thức vận chuyển mà có thể được phân chia thành nhiều

loại khác nhau. Theo Nguyễn Hồng Đàm (2003), hoạt động giao nhận vận tải hàng hóa được phân loại dựa trên các tiêu chí như: phương thức vận tải, nghiệp vụ giao nhận, phạm vi hoạt động và tính chất tổ chức thực hiện (Đàm, 2003). Cụ thể:

#### Căn cứ vào phạm vi hoạt động

- Giao nhận hàng hóa quốc tế: Là hoạt động giao nhận phục vụ cho các tổ chức quốc tế hoặc doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia. Việc giao nhận diễn ra dưới hình thức xuyên biên giới, từ cảng biển hoặc cảng hàng không của một quốc gia đến cảng biển hoặc cảng hàng không của một quốc gia khác, có thể bao gồm cả quá trình quá cảnh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và mở rộng giao thương quốc tế, loại hình giao nhận này ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối dòng lưu chuyển hàng hóa giữa các quốc gia và khu vực trên thế giới.

- Giao nhận hàng hóa nội địa: Là hoạt động giao nhận phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp trong phạm vi một quốc gia. Hoạt động này có thể được thực hiện bằng nhiều phương thức vận tải khác nhau như: đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không... với phạm vi vận chuyển từ điểm gửi đến điểm nhận nằm trong lãnh thổ quốc gia đó.

#### Căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh giao nhận

- Giao nhận thuần túy: Là hoạt động giao nhận chỉ bao gồm các nghiệp vụ cơ bản như gửi hàng từ người bán và nhận hàng tại điểm đến từ người mua, không kèm theo các dịch vụ phụ trợ.

- Giao nhận tổng hợp: Là hình thức giao nhận bao gồm đầy đủ các bước trong quá trình vận chuyển hàng hóa, không chỉ dừng lại ở việc gửi và nhận hàng mà còn bao gồm các dịch vụ hỗ trợ như: đóng gói, bốc xếp, kiểm đếm, lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ vận tải và các thủ tục có liên quan khác.

#### Căn cứ vào tính chất tổ chức thực hiện

- Giao nhận riêng: Là hình thức trong đó người gửi hàng (thường là chủ hàng) trực tiếp tổ chức và thực hiện toàn bộ quá trình giao nhận, không sử dụng dịch vụ từ các công ty giao nhận chuyên nghiệp.

- Giao nhận chuyên nghiệp: Là hình thức giao nhận do các tổ chức, doanh nghiệp chuyên kinh doanh dịch vụ logistics đảm nhận. Các đơn vị này có đủ chuyên môn và năng

lực để tổ chức thực hiện toàn bộ hoặc một phần quá trình giao nhận hàng hóa, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí cho khách hàng

Căn cứ vào phương thức vận tải

- Giao nhận bằng đường bộ
- Giao nhận bằng đường sắt
- Giao nhận bằng đường hàng không
- Giao nhận bằng đường biển (bao gồm cả đường biển và đường thủy nội địa)
- Giao nhận bằng đường ống
- Giao nhận bằng vận tải đa phương thức (Multimodal Transport): kết hợp nhiều phương thức vận chuyển khác nhau trong cùng một hành trình giao nhận.

Theo Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ, thuật ngữ “dịch vụ giao nhận hàng hóa” đã được thay thế bằng “dịch vụ logistics”, phù hợp với định nghĩa trong Luật Thương mại năm 2005. Các loại hình dịch vụ logistics được phân loại cụ thể như sau:

- Các dịch vụ logistics chủ yếu:
  - o Dịch vụ bốc xếp hàng hóa, bao gồm cả bốc xếp container.
  - o Dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa, bao gồm kho bãi container, kho xử lý nguyên liệu, thiết bị.
  - o Dịch vụ đại lý vận tải, gồm đại lý thủ tục hải quan, lập kế hoạch bốc dỡ hàng hóa.
  - o Dịch vụ hỗ trợ khác: tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin vận chuyển, xử lý hàng hóa bị trả lại, hàng tồn kho, quá hạn, lỗi mót, tái phân phối hàng hóa, cho thuê và thuê mua container.
- Các dịch vụ logistics liên quan đến vận tải:
  - o Dịch vụ vận tải hàng hải
  - o Dịch vụ vận tải thủy nội địa
  - o Dịch vụ vận tải hàng không
  - o Dịch vụ vận tải đường sắt
  - o Dịch vụ vận tải đường bộ
  - o Dịch vụ vận tải đường ống
- Các dịch vụ logistics liên quan khác:

- o Dịch vụ kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- o Dịch vụ bưu chính
- o Dịch vụ thương mại bán buôn
- o Dịch vụ thương mại bán lẻ (bao gồm quản lý hàng lưu kho, thu gom, phân loại, phân phối lại và giao hàng)
- o Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác

#### **1.1.4. Vai trò của hoạt động giao nhận hàng hóa trong lĩnh vực Logistics**

Hoạt động giao nhận hàng hóa trong xuất nhập khẩu là một cấu phần quan trọng trong chuỗi dịch vụ logistics, đóng vai trò thiết yếu trong việc kết nối và tối ưu hóa hoạt động thương mại quốc tế. Cụ thể, vai trò của dịch vụ logistics trong hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu thể hiện qua các khía cạnh sau:

- Tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa

Dịch vụ logistics hiện đại giúp tối ưu hóa chi phí vận chuyển – vốn là thành phần lớn trong tổng chi phí phân phối. Việc tổ chức vận tải hợp lý, giảm thiểu các chi phí phát sinh như lưu kho, lưu bãi, thủ tục hành chính... góp phần làm giảm giá thành hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường

- Mở rộng thị trường và thúc đẩy hoạt động ngoại thương

Dịch vụ logistics là cầu nối quan trọng giúp doanh nghiệp tiếp cận các thị trường nước ngoài một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Nhờ hệ thống vận chuyển và phân phối chuyên nghiệp, doanh nghiệp có thể giao hàng đúng thời gian và địa điểm, từ đó mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và gia tăng cơ hội xuất khẩu

- Hỗ trợ tiêu chuẩn hóa và hoàn thiện chứng từ thương mại quốc tế

Logistics góp phần cải tiến quy trình xử lý chứng từ, giúp doanh nghiệp chuẩn hóa các loại giấy tờ cần thiết như hóa đơn, vận đơn, tờ khai hải quan... Điều này không chỉ tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn giúp giảm thiểu sai sót và rủi ro pháp lý trong giao dịch quốc tế.

- Tăng cường hiệu quả pháp lý và khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp

Việc thực hiện logistics đúng quy định, đúng quy trình giúp đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu. Đồng thời, logistics hiệu quả giúp

doanh nghiệp tối ưu hóa chuỗi cung ứng, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế trên thị trường

- Gia tăng giá trị gia tăng trong hoạt động kinh doanh giao nhận

Thông qua việc tích hợp nhiều dịch vụ hỗ trợ như đóng gói, phân phối, bảo hiểm hàng hóa, theo dõi vận đơn... dịch vụ logistics không chỉ đơn thuần là vận chuyển mà còn góp phần tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp giao nhận, giúp họ mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả kinh doanh

### **1.1.5. Khái quát chung về người giao nhận**

#### **1.1.5.1 Khái niệm về người giao nhận**

Người ta thường hiểu người kinh doanh dịch vụ giao nhận hay các doanh nghiệp giao nhận là người giao nhận (Forwarder, Freight Forwarder, Forwarding Agent).

Theo Hiệp Hội Giao Nhận Quốc Tế - FIATA thì, “Người giao nhận là người lo toan để hàng hóa được chuyên chở theo hợp đồng ủy thác và hành động vì lợi ích của người ủy thác mà bản thân người giao nhận không phải là người vận tải, người giao nhận cũng đảm bảo thực hiện mọi công việc liên quan đến hợp đồng giao nhận như bảo quản, lưu kho, trung chuyển, làm thủ tục hải quan.v.v.”

Người giao nhận có thể là chủ hàng (khi chủ hàng tự đứng ra đảm nhận công việc giao nhận hàng hóa của mình), chủ tàu (khi chủ tàu thay mặt chủ hàng thực hiện dịch vụ giao nhận), công ty xếp dỡ hay kho hàng, người giao nhận chuyên nghiệp hay bất kỳ người nào khác có đăng ký kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa.

#### **1.1.5.2. Vai trò của người giao nhận**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam, vai trò của người giao nhận ngày càng trở nên quan trọng và không thể thiếu trong chuỗi cung ứng logistics. Cụ thể, vai trò này thể hiện qua các khía cạnh sau:

- Tiết kiệm thời gian và chi phí cho hoạt động sản xuất, kinh doanh

Người giao nhận đóng vai trò là đầu mối chuyên nghiệp trong tổ chức vận chuyển, lưu kho, giao nhận hàng hóa và xử lý thủ tục, giúp các doanh nghiệp sản xuất tiết kiệm thời gian và chi phí. Nhờ sự chuyên môn hóa cao, doanh nghiệp không cần đầu tư vào phương tiện vận tải hay nhân sự chuyên trách mà vẫn đảm bảo quá trình cung ứng diễn ra suôn sẻ. Điều này góp phần giảm chi phí lưu thông, từ đó làm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao

khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, hàng hóa được vận chuyển an toàn, đúng thời gian, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, đồng thời giúp doanh nghiệp tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất – kinh doanh cốt lõi.

- Góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ

Sự phát triển của công nghệ thông tin và phương thức vận tải hiện đại (như container hóa, vận tải đa phương thức) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức vận chuyển hàng hóa trên phạm vi rộng. Người giao nhận chính là nhân tố trung gian giúp tổ chức toàn bộ quá trình vận chuyển xuyên biên giới một cách hiệu quả và tiết kiệm. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể tiếp cận các thị trường xa mà vẫn đảm bảo chi phí vận chuyển hợp lý, mở rộng mạng lưới phân phối và nâng cao sức cạnh tranh toàn cầu.

- Mang lại lợi ích kinh tế – xã hội

Sự phát triển của ngành giao nhận không chỉ mang lại nguồn thu ngoại tệ cho quốc gia thông qua hoạt động xuất nhập khẩu mà còn thúc đẩy đầu tư hạ tầng logistics như cảng biển, kho bãi, tuyến vận tải mới. Đồng thời, dịch vụ giao nhận góp phần đơn giản hóa thủ tục hải quan, chứng từ thương mại và thu hút thêm các đối tác quốc tế.

Ngoài ra, ngành này còn tạo ra nhiều việc làm cho xã hội, từ lao động phổ thông (bóc xếp, vận chuyển, dán nhãn...) đến các vị trí chuyên môn cao (xử lý chứng từ, khai báo hải quan, vận hành thiết bị công nghệ logistics...). Sự xuất hiện của các trung tâm gom hàng, hệ thống kho hiện đại và đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản đã góp phần nâng cao năng suất lao động, hiện đại hóa ngành logistics và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất – thương mại.

### **1.1.6 Trách nhiệm của người giao nhận**

#### **1.1.6.1 Khi người giao nhận là đại lý của chủ hàng**

Trong trường hợp này, người giao nhận thực hiện công việc nhân danh và theo ủy quyền của chủ hàng, do đó phải chịu trách nhiệm về các sai sót trong quá trình thực hiện dịch vụ. Cụ thể:

- Giao hàng không đúng địa chỉ như đã chỉ định.
- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc mua bảo hiểm hàng hóa, mặc dù đã có chỉ dẫn.
- Có thiếu sót trong quá trình khai báo và làm thủ tục hải quan.

- Giao hàng cho người không có thẩm quyền nhận hàng.
- Giao hàng mà không thu tiền từ người nhận (trong các hợp đồng CIF, DAP hoặc COD).
- Tái xuất hàng hóa nhưng không thực hiện đúng quy trình pháp lý hoặc không hoàn tất thủ tục hoàn thuế theo quy định.

Bên cạnh đó, người giao nhận cũng chịu trách nhiệm nếu hành vi của họ dẫn đến tổn thất về tài sản hoặc gây thiệt hại cho bên thứ ba. Tuy nhiên, nếu người giao nhận đã lựa chọn cân trọng các bên thứ ba như hãng tàu, nhà vận chuyển phụ, thì sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với lỗi do các bên thứ ba này gây ra.

Ngoài ra, trong vai trò là đại lý, người giao nhận cần tuân thủ nghiêm túc các “Điều kiện kinh doanh tiêu chuẩn” (Standard Trading Conditions - STC) đã được quy định trong hợp đồng hoặc thông lệ thương mại.

#### **1.1.6.2. Khi người giao nhận là người chuyên chở**

Khi đóng vai trò là người chuyên chở, người giao nhận không còn chỉ là bên trung gian thay mặt khách hàng mà thực hiện dịch vụ logistics. Thay vào đó, họ hoạt động như một nhà thầu độc lập, nhân danh chính mình để cung cấp các dịch vụ vận tải theo yêu cầu của khách hàng và chịu trách nhiệm trực tiếp về việc thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng.

Cụ thể, người giao nhận phải chịu trách nhiệm về hành vi và lỗi lầm của các bên mà họ thuê lại, bao gồm cả người chuyên chở hoặc các đại lý giao nhận khác, như thể đó là lỗi của chính mình.

Trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của người giao nhận trong vai trò người chuyên chở sẽ phụ thuộc vào các quy định pháp luật của phương thức vận tải cụ thể đang được áp dụng. Trong trường hợp này, họ không thu phí hoa hồng như một đại lý mà tính phí trực tiếp dựa trên giá dịch vụ đã thỏa thuận với khách hàng.

Người giao nhận có thể được xem là người chuyên chở không chỉ khi trực tiếp vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện của chính mình (Performing Carrier), mà còn trong những trường hợp họ phát hành chứng từ vận tải dưới tên của mình hoặc có hành vi cam kết rõ ràng hoặc ngụ ý rằng họ sẽ chịu trách nhiệm như một người chuyên chở (Contracting Carrier).

Khi người giao nhận cung cấp thêm các dịch vụ liên quan đến vận tải như: đóng gói, lưu kho, bốc xếp hoặc phân phối hàng hóa, và thực hiện các dịch vụ này bằng phương tiện của mình hoặc có sự cam kết rõ ràng về trách nhiệm vận chuyển, thì họ cũng phải chịu trách nhiệm như một người chuyên chở. Trong các trường hợp này, các "Điều kiện kinh doanh tiêu chuẩn" (Standard Trading Conditions) của doanh nghiệp thường sẽ không được áp dụng, mà thay vào đó là các quy định trong các công ước quốc tế hoặc quy tắc của Phòng Thương mại quốc tế liên quan đến vận tải hàng hóa.

Tuy nhiên, người giao nhận không phải chịu trách nhiệm đối với những tổn thất, mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa phát sinh từ các nguyên nhân sau:

- Lỗi của khách hàng hoặc người được khách hàng ủy quyền.
- Việc đóng gói, ghi mã hiệu không đạt yêu cầu kỹ thuật do khách hàng thực hiện.
- Bản chất nội tại (nội tỳ) của hàng hóa gây ra.
- Tác động của chiến tranh, đình công hoặc các sự kiện chính trị - xã hội đặc biệt.
- Các trường hợp bất khả kháng.

Ngoài ra, người giao nhận không chịu trách nhiệm cho việc khách hàng bị mất lợi nhuận kỳ vọng do chậm trễ giao hàng hoặc giao sai địa chỉ, nếu những thiệt hại đó không bắt nguồn từ lỗi của người giao nhận.

## **1.2. Khái quát chung về nhập khẩu**

### **1.2.1. Khái niệm về nhập khẩu**

Tại Khoản 2, Điều 28 của Luật Thương mại 2005 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2005 đã đưa ra định nghĩa như sau: “Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.” (2005, 2005)

### **1.2.2. Đặc điểm cơ bản của nhập khẩu**

Hoạt động nhập khẩu là một lĩnh vực có mức độ phức tạp cao do phải tương tác với thị trường và đối tác nước ngoài. So với các hoạt động thương mại trong nước, nhập khẩu sở hữu những đặc điểm riêng biệt như sau:

- Chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp lý đa tầng: Do diễn ra trên phạm vi quốc tế, hoạt động nhập khẩu chịu ảnh hưởng của nhiều hệ thống pháp luật, bao gồm luật thương

mại trong nước, các điều ước song phương hoặc đa phương, cũng như những thông lệ quốc tế đã được công nhận rộng rãi.

- Hình thức giao dịch phong phú: Doanh nghiệp có thể tiến hành nhập khẩu qua nhiều phương thức như làm việc trực tiếp với đối tác, thông qua tổ chức trung gian, hoặc tận dụng các sự kiện xúc tiến thương mại như hội chợ, triển lãm.

- Đa dạng phương thức thanh toán quốc tế: Các phương án thanh toán được lựa chọn linh hoạt, phù hợp với tính chất từng thương vụ. Phổ biến nhất là thư tín dụng (L/C), chuyển tiền điện tử (T/T), nhờ thu, hoặc trao đổi hàng hóa ngang giá.

- Sử dụng ngoại tệ mạnh: Thanh toán trong các giao dịch nhập khẩu thường sử dụng những đồng tiền quốc tế có tính chuyển đổi cao như USD, EUR hoặc GBP nhằm đảm bảo giá trị và hạn chế rủi ro tỷ giá.

- Áp dụng điều kiện giao hàng chuẩn quốc tế: Các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms) như FOB, CIF hay CFR giúp xác định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm và chi phí giữa người bán và người mua trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

- Thủ tục phức tạp và thời gian xử lý dài: Nhập khẩu liên quan đến nhiều bước như đàm phán, ký kết hợp đồng, xin giấy phép, mở L/C, làm thủ tục hải quan... Vì vậy, đòi hỏi người thực hiện phải am hiểu quy trình và quản lý chặt chẽ để đảm bảo tiến độ.

- Yêu cầu trình độ chuyên môn cao: Người làm công tác nhập khẩu cần nắm vững kiến thức về thương mại quốc tế, kỹ năng giao tiếp, phân tích rủi ro và xử lý tình huống linh hoạt trước những biến động của thị trường toàn cầu.

- Rủi ro tiềm ẩn lớn: Các rủi ro trong nhập khẩu có thể đến từ biến động giá cả, thay đổi chính sách, sự cố vận chuyển, chậm giao hàng... Vì vậy, việc mua bảo hiểm hàng hóa là giải pháp quan trọng để hạn chế thiệt hại tài chính cho doanh nghiệp.

### **1.2.3. Các hình thức nhập khẩu**

#### **1.2.3.1. Nhập khẩu trực tiếp**

Đây là hình thức mà bên mua và bên bán trực tiếp thực hiện hoạt động giao dịch mua bán với nhau mà không cần thông qua trung gian. Theo đó, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận, thống nhất các điều khoản và ký kết hợp đồng mua bán mà không hề có ràng buộc với bên trung gian.

Hoạt động nhập khẩu theo hình thức trực tiếp được thực hiện khá đơn giản. Người mua muốn thuận lợi ký kết được hợp đồng nhập hàng thì trước hết phải nghiên cứu thị trường và tìm kiếm cho mình đối tác phù hợp. Tiếp đó, họ sẽ tự bỏ vốn, ký kết hợp đồng, chịu mọi rủi ro và chi phí liên quan,...

### **1.2.3.2. Nhập khẩu gián tiếp (ủy thác)**

Nhập khẩu gián tiếp hay còn gọi là nhập khẩu ủy thác được hiểu là hoạt động dịch vụ thương mại theo đó chủ hàng thuê một đơn vị trung gian thay mặt và đứng tên nhập khẩu hàng hóa bằng hợp đồng ủy thác.

Nói một cách dễ hiểu hơn, các doanh nghiệp trong nước có vốn ngoại tệ riêng và có nhu cầu nhập khẩu một loại hàng hóa nào đó, tuy nhiên lại không được phép nhập khẩu trực tiếp, hoặc gặp khó khăn trong quá trình kiểm, giao dịch với đối tác nước ngoài thì sẽ thuê những các doanh nghiệp có chức năng thương mại quốc tế tiến hành nhập khẩu cho mình.

Trách nhiệm của bên nhận ủy thác là phải cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, khách hàng, những điều kiện có liên quan đến đơn hàng được ủy thác, ký kết hợp đồng và thực hiện các thủ tục liên quan đến nhập khẩu.

Với hình thức này, doanh nghiệp thực hiện nghiệp vụ nhập khẩu ủy thác không phải bỏ vốn, không cần xin hạn ngạch cũng như không phải tìm kiếm đối tác, giá cả... Đối lại bên ủy thác sẽ trả phí dịch vụ cho bên nhận ủy thác nhập khẩu.

### **1.2.3.3. Tạm nhập tái xuất**

Tạm nhập tái xuất là hình thức mà thương nhân Việt Nam nhập khẩu tạm thời hàng hóa vào Việt Nam. Nhưng sau đó lại xuất khẩu chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam sang một nước khác. Tạm nhập tái xuất là tiến hành nhập khẩu hàng hóa nhưng không để tiêu thụ trong nước mà để xuất khẩu sang một nước thứ ba nhằm thu lợi nhuận.

Giao dịch này bao gồm cả nhập khẩu và xuất khẩu với mục đích thu lại lượng ngoại tệ lớn hơn số vốn ban đầu đã bỏ ra. Khi tiến hành tạm nhập tái xuất, doanh nghiệp cần tiến hành đồng thời hai hợp đồng riêng biệt, gồm: hợp đồng mua hàng ký với thương nhân nước xuất khẩu và hợp đồng bán hàng ký với thương nhân nước nhập khẩu.

Lưu ý: có trường hợp gần giống như tạm nhập tái xuất, nhưng hàng hóa được chuyển thẳng từ nước bán qua nước mua, không nhập qua Việt Nam. Đó gọi là hình thức chuyển khẩu.

#### **1.2.3.4. Nhập khẩu liên doanh**

Nhập khẩu liên doanh là hình thức các doanh nghiệp trong nước cùng hợp tác thực hiện hoạt động nhập khẩu, trong đó phải có ít nhất một doanh nghiệp có chức năng nhập khẩu trực tiếp. Các bên tham gia sẽ ký kết hợp đồng liên doanh để thỏa thuận về tỷ lệ vốn góp, chia sẻ chi phí, doanh thu và rủi ro.

Doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp sẽ ký hợp đồng mua hàng với đối tác nước ngoài, đồng thời là đầu mối thực hiện các thủ tục liên quan đến nhập khẩu. Hàng hóa nhập về sẽ được phân phối và hạch toán doanh số, thuế theo tỷ lệ vốn góp của từng bên. Hình thức này giúp giảm rủi ro, tận dụng nguồn lực tổng hợp và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế đối với các doanh nghiệp không đủ điều kiện nhập khẩu trực tiếp.

#### **1.2.3.5. Nhập khẩu gia công**

Hoạt động gia công được quy định tại chương 6 của Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BCT năm 2017 hợp nhất nghị định hướng dẫn luật thương mại về hoạt động mua bán quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài. Nhập khẩu gia công là hình thức nhập khẩu theo đó bên nhập khẩu (là bên nhận gia công) tiến hành nhập khẩu nguyên vật liệu từ phía người xuất khẩu (bên đặt gia công) về để tiến hành gia công theo những quy định trong hợp đồng ký kết giữa hai bên.

#### **1.2.4. Vai trò của nhập khẩu hàng lẻ container đối với nền kinh tế**

Nhập khẩu, cùng với xuất khẩu, là hai thành tố quan trọng cấu thành nên hoạt động ngoại thương – một trong những động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng như hiện nay, vai trò của hoạt động nhập khẩu ngày càng trở nên rõ nét và không thể thiếu đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Cụ thể, hoạt động nhập khẩu mang lại nhiều giá trị thiết thực như sau:

- Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước

Một trong những vai trò cơ bản và thiết yếu nhất của nhập khẩu là giúp quốc gia tiếp cận các loại hàng hóa, nguyên vật liệu hoặc công nghệ mà trong nước không có khả năng

sản xuất, hoặc sản xuất không đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất. Trong trường hợp nền kinh tế gặp tình trạng thiếu hụt nguồn cung, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu hoặc nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, thì nhập khẩu chính là công cụ điều tiết quan trọng nhằm đảm bảo ổn định thị trường, cân đối cung cầu và bảo vệ đời sống người dân.

- Góp phần đa dạng hóa thị trường hàng hóa, nâng cao phúc lợi xã hội

Việc nhập khẩu giúp đưa vào trong nước những mặt hàng mới, phong phú về chủng loại, chất lượng và giá cả, tạo điều kiện cho người tiêu dùng có nhiều lựa chọn phù hợp với thu nhập và sở thích cá nhân. Thị trường trong nước vì thế trở nên năng động, hiện đại hơn, đáp ứng các nhu cầu đa dạng, đặc biệt là của tầng lớp trung lưu đang ngày càng tăng nhanh. Điều này góp phần nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện chất lượng sống của người dân.

- Tạo động lực cạnh tranh, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước đổi mới

Khi hàng hóa ngoại nhập gia tăng, đặc biệt là các sản phẩm có chất lượng cao và giá cả cạnh tranh, các doanh nghiệp nội địa phải đối mặt với áp lực lớn để duy trì thị phần. Đây chính là động lực buộc doanh nghiệp phải cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí và cải thiện dịch vụ để tồn tại và phát triển. Như vậy, nhập khẩu không chỉ tạo ra thách thức mà còn mở ra cơ hội để doanh nghiệp nội địa chuyển mình theo hướng chuyên nghiệp hóa và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Góp phần cân bằng cán cân thương mại và hỗ trợ xuất khẩu

Mặc dù nhập khẩu thường được xem là nguyên nhân làm tăng thâm hụt thương mại, nhưng trong nhiều trường hợp, nhập khẩu lại đóng vai trò hỗ trợ hoạt động xuất khẩu. Cụ thể, việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu... phục vụ sản xuất có thể nâng cao năng lực và chất lượng sản phẩm xuất khẩu, qua đó giúp quốc gia gia tăng giá trị thương mại. Ngoài ra, nhập khẩu các yếu tố sản xuất với chi phí thấp từ quốc gia khác còn góp phần giảm chi phí sản xuất trong nước, gia tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực.

- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cao trình độ sản xuất

Thông qua hoạt động nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao, quốc gia có thể học hỏi, tiếp thu và từng bước làm chủ công nghệ hiện đại. Đây là yếu tố then chốt góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật – công nghệ, hiện đại hóa sản xuất và rút ngắn khoảng cách phát triển với các quốc gia tiên tiến. Việc tiếp cận nhanh

hơn với công nghệ thông qua nhập khẩu giúp nâng cao năng suất lao động và cải thiện năng lực đổi mới sáng tạo trong nước.

- Tăng cường uy tín quốc gia và hội nhập quốc tế

Một nền kinh tế có chính sách nhập khẩu linh hoạt, hợp lý và minh bạch sẽ thu hút được nhiều đối tác quốc tế đến hợp tác, đầu tư. Việc duy trì hoạt động nhập khẩu ổn định, hiệu quả không những giúp cải thiện mối quan hệ thương mại với các quốc gia khác mà còn nâng cao uy tín quốc gia trên trường quốc tế. Hơn thế nữa, khi các tiêu chuẩn hàng hóa và quy trình nhập khẩu trong nước tiếp cận được với chuẩn mực quốc tế, quốc gia đó sẽ tiến gần hơn đến mục tiêu hội nhập kinh tế toàn cầu một cách bền vững và có trách nhiệm.

### **1.2.5. Nghiệp vụ giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển**

#### **1.2.5.1 Khái niệm và đặc điểm của hàng lẻ**

##### **1.2.5.1.1. Khái niệm hàng lẻ**

Hàng lẻ, hay còn gọi là LCL (Less Than Container Load), hàng consol hoặc hàng ghép, là thuật ngữ dùng để chỉ những lô hàng có khối lượng hoặc thể tích nhỏ, không đủ để chất đầy một container theo tiêu chuẩn quốc tế. Thay vì thuê nguyên một container (FCL – Full Container Load), các chủ hàng có lô hàng nhỏ sẽ sử dụng dịch vụ gom hàng, tức là kết hợp hàng hóa của nhiều chủ hàng khác nhau vào chung một container để vận chuyển. Hình thức vận chuyển này giúp tối ưu hóa chi phí, đặc biệt đối với những doanh nghiệp có nhu cầu xuất nhập khẩu quy mô nhỏ và vừa.

Theo Phạm Mạnh Hiền (2017), LCL được hiểu là các lô hàng lẻ được đóng ghép chung trong một container, do người gom hàng – có thể là hãng tàu hoặc công ty giao nhận – chịu trách nhiệm xếp hàng vào và dỡ hàng ra khỏi container. Người gửi hàng khi không có đủ lượng hàng để thuê nguyên container sẽ lựa chọn hình thức này. Người gom hàng (Consolidator) có thể là người chuyên chở hoặc người giao nhận, thực hiện việc thu gom các lô hàng nhỏ, kết hợp lại thành một lô hàng hỗn hợp (consolidation/groupage), sau đó xếp vào container để vận chuyển như một lô FCL đến điểm đích.

##### **1.2.5.1.2. Sự khác biệt giữa LCL và FCL**

Trong hoạt động vận tải container đường biển, hai hình thức giao nhận phổ biến là hàng lẻ (LCL) và hàng nguyên container (FCL). Mỗi hình thức có đặc điểm, quy trình và

chi phí khác nhau, ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định lựa chọn phương thức vận chuyển của doanh nghiệp. Bảng dưới đây trình bày chi tiết sự khác biệt giữa hai hình thức này:

**Bảng 1.1: So sánh sự khác biệt giữa LCL và FCL**

| <b>Tiêu chí so sánh</b>          | <b>Hàng lẻ (LCL)</b>                                                                                                                | <b>Hàng nguyên container (FCL)</b>                                                                                    |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Định nghĩa</b>                | Là hình thức vận chuyển trong đó hàng hóa của nhiều chủ hàng được gom lại và đóng chung vào một container.                          | Là hình thức vận chuyển trong đó toàn bộ container được sử dụng để vận chuyển hàng hóa của một chủ hàng duy nhất.     |
| <b>Chủ hàng trong container</b>  | Có nhiều chủ hàng khác nhau.                                                                                                        | Chỉ có một chủ hàng duy nhất.                                                                                         |
| <b>Khối lượng/thể tích</b>       | Nhỏ, không đủ đóng đầy container (thường dưới 15 tấn hoặc 20m <sup>3</sup> )                                                        | Đủ để lấp đầy container (trên 15 tấn hoặc 20m <sup>3</sup> )                                                          |
| <b>Chi phí vận chuyển</b>        | Tính theo CBM hoặc kg, đơn giá cao hơn nhưng tổng chi phí thấp nếu lượng hàng nhỏ. Có thể phát sinh thêm phí gom hàng và chia hàng. | Tính theo từng container. Đơn giá vận chuyển rẻ hơn, nhưng tổng chi phí cao nếu không sử dụng hết thể tích container. |
| <b>Quy trình xử lý</b>           | Phức tạp hơn, nhiều công đoạn (gom hàng, tách hàng)                                                                                 | Đơn giản hơn, ít công đoạn trung gian                                                                                 |
| <b>Thời gian giao hàng</b>       | Dài hơn do phải qua công đoạn gom hàng, tách hàng                                                                                   | Nhanh hơn do không cần gom hàng, tách hàng.                                                                           |
| <b>Mức độ an toàn và rủi ro</b>  | Rủi ro cao hơn do nhiều lần xếp dỡ, nhiều chủ hàng                                                                                  | An toàn hơn, ít rủi ro do chỉ một chủ hàng                                                                            |
| <b>Chi phí logistics bổ sung</b> | Có thể phát sinh thêm: phí CFS, phí chia hàng, lưu kho, chi phí xử lý nhiều lô nhỏ.                                                 | Thường ít phát sinh phí phụ trợ ngoài chi phí vận chuyển chính.                                                       |

Qua bảng so sánh trên có thể thấy, LCL và FCL mỗi loại đều có ưu điểm và hạn chế riêng, tùy thuộc vào quy mô lô hàng, ngân sách, tần suất giao dịch và mức độ kiểm soát logistics mà doanh nghiệp lựa chọn hình thức phù hợp. Việc hiểu rõ sự khác biệt này sẽ giúp các doanh nghiệp tối ưu chi phí, giảm rủi ro và tăng hiệu quả trong hoạt động xuất nhập khẩu.

### **1.3. Quy trình giao nhận hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển**

#### **1.3.1. Khái niệm**

Quy trình giao nhận hàng nhập khẩu lẻ container bằng đường biển là tập hợp các bước nghiệp vụ liên tiếp được thực hiện bởi các bên liên quan (người nhập khẩu, hãng tàu, đại lý giao nhận, hải quan, cảng...) nhằm tiếp nhận, xử lý, thông quan và giao hàng cho người nhận đối với các lô hàng không đủ để đóng đầy một container, nên được ghép chung (consolidation) với hàng của các chủ hàng khác trong cùng một container.

#### **1.3.2. Vai trò**

Quy trình giao nhận hàng nhập khẩu lẻ container bằng đường biển đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm chi phí và linh hoạt cho doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác vận tải biển và thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế.

#### **1.3.3. Các bước trong quy trình giao nhận hàng lẻ**

- ***Bước 1: Ký kết hợp đồng, tiếp nhận thông tin từ khách hàng***

Nhân viên phòng kinh doanh sẽ có nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng có nhu cầu về dịch vụ nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển. Khách hàng của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ chủ yếu là các doanh nghiệp muốn nhập khẩu hàng hóa nhưng chưa có khả năng hoặc kinh nghiệm để nhập khẩu một cách chuyên nghiệp và tiết kiệm thời gian, thường là các đại lý, đối tác lâu năm của công ty.

Sau khi tìm kiếm được khách hàng sẽ tiến hành trao đổi để hiểu rõ yêu cầu về hàng hóa, các điều kiện nhập khẩu sau đó xem xét và báo giá, thời gian vận chuyển, các yêu cầu pháp lý cần thiết, khi thỏa thuận thành công thì hai bên bắt đầu ký kết hợp đồng dịch vụ giao nhận.

- ***Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu***

Sau khi chốt lô hàng lẻ container với khách hàng xong, nhân viên kinh doanh chuyển file hoặc in chứng từ chuyển cho nhân viên chứng từ tiến hành kiểm tra thông tin trên vận đơn có trùng khớp khớp và đầy đủ các thông tin như tên người gửi, tên người nhận, tên

tàu, số chuyến và ngày tàu đến, số cont và số seal, số kiện và chi tiết hàng hóa... Trong trường hợp không trùng khớp với các số liệu giữa các chứng từ với nhau, nhân viên chứng từ sẽ liên lạc với khách hàng để kịp thời bổ sung và thông báo cho công ty điều chỉnh gấp. Nếu khách hàng không bổ sung chứng từ cho công ty kịp thời thì sẽ phải chịu trách nhiệm về các khoản chi phí điều chỉnh phát sinh. Một bộ chứng từ được xem hợp lệ khi các nội dung liên quan đến hàng hóa, điều kiện giao hàng, người bán và người mua, dữ liệu khai báo đều trùng khớp với nhau. Bộ chứng từ nhận được cần kiểm tra chi tiết các nội dung sau:

- Hợp đồng mua bán (Sales Contract) - 1 bản: Kiểm tra tên người xuất khẩu, người nhập khẩu, số ngày hợp đồng, tên hàng hóa, số lượng, đơn vị tính, đơn giá, trị giá, ngoại tệ thanh toán, điều kiện giao hàng.

- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice) - 1 bản: Kiểm tra số và ngày hóa đơn,, các chi tiết như tên hàng hóa, đơn giá, trị giá, đơn vị tính bắt buộc giống trên hợp đồng.

- Phiếu đóng gói (Packing List) - 1 bản: Kiểm tra tên người nhận hàng, người gửi hàng, phải giống tên trên hóa đơn, đơn vị tính, số lượng, trọng lượng tịnh, trọng lượng cả bao bì...

- Vận đơn đường biển (Bill Of Lading) - 1 bản: Kiểm tra tên người nhận hàng, người gửi hàng, tên tàu, số chuyến, cảng xếp, cảng dỡ, tên hàng, số lượng, trọng lượng, ngày xếp hàng lên tàu, ngày tàu đến, số cont, số seal...

Đây là khâu quan trọng vì đây là cơ sở pháp lý cho trường hợp sau này. Nếu chứng từ đồng bộ, chính xác, hợp lý thì sẽ giúp nhân viên giao nhận lấy hàng được nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí lưu kho...

### • ***Bước 3: Khai báo hải quan và phân luồng***

Khi hàng hóa về đến cảng Việt Nam, thì container sẽ được khai thác và chuyển hàng vào kho hàng CFS. Đồng thời công ty Tiếp Vận Đỏ sẽ nhận thông báo hàng đến, cần chuẩn bị các giấy tờ sau để làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng đến: Bill Of Lading, Invoice, Packing List, giấy giới thiệu và các giấy tờ khác có liên quan.

Nhân viên chứng từ của công ty sẽ tiến hành lên tờ khai hải quan cho lô hàng bằng cách sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5-VNACCS đảm bảo nội dung chính xác để truyền dữ liệu lên cơ quan Hải quan, gửi tờ khai nháp để xác nhận rồi đẩy tờ

khai chính thức. Sau khi hoàn tất khai điện tử, ta sẽ nhận được một tờ khai hải quan hàng nhập, in bộ tờ khai ra và nộp thuế tờ khai để có Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền phải có dấu mộc của ngân hàng.

Dựa trên những chứng từ mà khách hàng cung cấp cũng như những thông tin về hàng hóa mà công ty thu thập được như:

- Sales contract (Hợp đồng thương mại)
- Commercial Invoice (Hóa đơn thương mại)
- Packing list (Phiếu đóng gói)

***Quy trình thực hiện khai báo hải quan điện tử gồm 3 bước:***

- Bước 1: Khai báo thông tin chung
- Bước 2: Khai thông tin container
- Bước 3: Khai danh sách hàng

Sau khi truyền tờ khai xong, cầm bộ chứng từ xuống gặp hải quan phụ trách, tùy vào kết quả phân luồng tờ khai sẽ có 3 trường hợp sau đây:

- Luồng xanh: đính kèm chứng từ đầy đủ, khách nộp thuế và lệ phí xong thì có tờ khai thông quan rồi lên kế hoạch giao hàng, giao hàng xong rồi debit các chi phí (các phí dịch vụ đã làm việc trước đó), viết hoá đơn gửi khách hàng thanh toán (thời gian thanh toán tùy theo hợp đồng thường 30-45 ngày).

- Luồng vàng: ra chi cục hải quan nộp tờ khai, hải quan xử lý kiểm tra chứng từ, nếu chứng từ hợp lệ sẽ được thanh lý tờ khai, nếu chứng từ không hợp lệ thì bắt buộc phải khai lại và bổ sung chứng từ cho hợp lệ, khách nộp thuế thông quan và làm lại các bước như luồng xanh trên. Nếu hải quan nghi ngờ cũng có thể chuyển luồng từ luồng vàng sang luồng đỏ để kiểm hóa.

- Luồng đỏ: gửi tờ khai cho khách nộp thuế, ra chi cục nộp hồ sơ, Sếp phân tờ khai đội thủ tục kiểm tra hồ sơ, xong rồi chuyển kiểm hoá thì lại qua sếp phân 2 cán bộ đi kiểm hoá của đội kiểm hoá. Sau khi đưa hồ sơ xong làm lệnh kiểm hoá kho hàng lẻ, hẹn cán bộ kiểm hoá xong thì bấm seal tạm lại nếu hàng cont, hàng lẻ thì đóng gói hoặc dán lại hàng hoá cho gọn gàng, vào kí biên bản kiểm hoá lấy tờ khai thông quan và lên kế hoạch giao hàng như trên

- ***Bước 4: Lấy lệnh giao hàng EDO***

EDO (Electronic Delivery Order) là lệnh giao hàng điện tử được hãng tàu phát hành dưới dạng file PDF thay cho DO giấy truyền thống. Với sự thay đổi này, việc lấy lệnh giao hàng trở nên dễ dàng hơn giúp tiết kiệm thời gian trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Sau khi đã có AN và debit về chi phí LLC, công ty sẽ thanh toán qua hình thức chuyển khoản và cược cont, sau khi kế toán hãng tàu check và xác nhận đã nhận được số tiền, hãng tàu sẽ gửi EDO qua mail cho công ty.

Một số hãng tàu sẽ yêu cầu giấy đăng ký thông tin nhận EDO, số khác sẽ tạo tài khoản riêng cho từng khách hàng trên hệ thống thông tin của hãng hoặc kích hoạt chữ ký số với hãng tàu để nhận EDO sau khi thanh toán tiền lệnh.

Sau khi nhận được EDO, cần kiểm tra các thông tin thể hiện trên lệnh đã đúng hay chưa, đặc biệt cần kiểm tra chính xác hạn lệnh được cấp trên EDO, nếu hạn lệnh vượt quá ngày cần phải gia hạn lệnh đến ngày dự kiến kéo hàng về kho, tránh trường hợp phát sinh những vấn đề khác làm chậm trễ việc đem hàng về.

- ***Bước 5: Làm thủ tục thông quan tại Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng***

Chủ hàng hoặc người giao nhận được ủy thác xuất trình bộ chứng từ hàng nhập tới chi cục hải quan tiến hành thông quan hàng hóa:

- Làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu.
- Nộp thuế nhập khẩu (nếu có)
- Tiến hành kiểm hóa (nếu có)
- Rút tờ khai và thanh lý tờ khai

Sau khi tờ khai được thông quan, viết mail cho kho CFS và các đại lý báo kế hoạch nhận hàng gồm các thông tin và đính kèm theo bộ hồ sơ (giấy giới thiệu xác nhận hàng hóa đã thông quan, do hải quan cấp, mã vạch thông quan, lệnh giao hàng).

Công ty hỗ trợ khách hàng thanh toán các loại thuế/phí: thuế nhập khẩu, thuế VAT, phí THC, phí D/O, phí CFS tại kho. Nếu luồng đỏ, có thể phát sinh chi phí kiểm hóa.

- ***Bước 6: Nhận hàng từ kho CFS và giao cho khách hàng***

Khi hàng cập cảng và được đưa vào kho CFS, Công ty sẽ thông báo cho chủ hàng thời gian dự kiến giao hàng và kiểm tra lại điều kiện kho nếu có yêu cầu đưa về kho riêng. Sau

đó, nhân viên giao nhận sẽ xuất trình vận đơn gốc (B/L) cho hãng tàu để lấy lệnh giao hàng (D/O).

Tiếp theo, công ty tiến hành khai báo hải quan điện tử, nộp thuế nhập khẩu và phối hợp kiểm hóa nếu cần. Sau khi hàng được thông quan, nhân viên mang D/O đến kho CFS để làm thủ tục nhận hàng, kiểm tra mã ký hiệu và số lượng kiện hàng với kho.

Cuối cùng, công ty bố trí xe tải vận chuyển hàng từ kho CFS về kho của khách hàng và hoàn tất quyết toán phí với hãng tàu hoặc đơn vị quản lý kho.

- **Bước 7: Quyết toán và bàn giao chứng từ cho khách**

Sau khi hoàn thành xong mọi công đoạn giao hàng, trả cont rỗng,... nhân viên giao nhận mang hóa đơn liên quan đến lô hàng giao cho bộ phận chứng từ. Bộ phận chứng từ tính toán các chi phí, lệ phí hải quan, phí vận chuyển, phí giám định,.. rồi chuyển sang cho bộ phận kế toán của công ty. Bộ phận kế toán sẽ lập bảng kê thanh toán, phiếu thanh toán kèm theo những hóa đơn có liên quan đến lô hàng: hóa đơn GTGT, Hóa đơn D/O, hóa đơn đóng lệ phí hải quan,... Nhân viên chứng từ sẽ lưu trữ hồ sơ.

#### **1.4. Cơ sở pháp lý về hoạt động giao nhận hàng lẻ container bằng đường biển**

##### **1.4.1. Công ước quốc tế:**

Hoạt động giao nhận hàng lẻ container bằng đường biển là một phần trong chuỗi vận tải hàng hóa quốc tế, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều công ước và bộ quy tắc pháp lý nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan. Một số văn bản pháp lý quốc tế quan trọng bao gồm:

- Bộ quy tắc thương mại quốc tế Incoterms do Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ban hành, quy định rõ trách nhiệm của bên mua và bên bán trong việc thanh toán chi phí vận chuyển, bảo hiểm, làm thủ tục hải quan, cũng như thời điểm chuyển giao rủi ro và trách nhiệm đối với hàng hóa. Đây là cơ sở để xác định ai là người thuê đơn vị giao nhận và gom hàng khi vận chuyển hàng lẻ container.

- Công ước Viên 1980 (CISG) điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, quy định quyền và nghĩa vụ của người bán và người mua trong việc giao nhận hàng hóa, thanh toán và xử lý vi phạm hợp đồng. Công ước này được nhiều quốc gia áp dụng và giúp tiêu chuẩn hóa giao dịch quốc tế.

- Quy tắc Hague 1924 và các Nghị định thư Hague-Visby 1968, 1979: quy định trách nhiệm của người vận chuyển đường biển đối với hàng hóa, thời hạn khiếu nại tổn thất (trong vòng một năm) và các trường hợp được miễn trách nhiệm như thiên tai, cháy nổ, lỗi của chủ hàng.

- Quy tắc Hamburg 1978 được Liên Hợp Quốc ban hành nhằm tăng cường bảo vệ chủ hàng, kéo dài thời gian chịu trách nhiệm của người vận chuyển từ khi nhận đến khi giao hàng, và thay đổi giới hạn trách nhiệm theo đơn vị khối lượng hàng hóa.

- Quy tắc Rotterdam 2008 (Rotterdam Rules) hiện đại hóa quy định vận tải biển kết hợp đa phương thức. Quy tắc này cho phép sử dụng chứng từ điện tử và mở rộng trách nhiệm của người chuyên chở đối với hàng hóa từ kho người gửi đến kho người nhận, phù hợp với xu hướng container hóa và hình thức vận tải hàng lẻ container.

- Công ước CSC 1972 (Convention for Safe Containers) quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn container dùng trong vận tải quốc tế. Dù không trực tiếp điều chỉnh hoạt động giao nhận hàng lẻ, nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo container đủ điều kiện đóng ghép hàng lẻ an toàn.

Như vậy, việc tuân thủ đầy đủ các công ước quốc tế không chỉ giúp hoạt động giao nhận hàng lẻ bằng đường biển diễn ra đúng pháp luật, hiệu quả và an toàn, mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền lợi của các bên khi phát sinh tranh chấp trong thương mại quốc tế.

#### **1.4.2. Các văn bản pháp luật của Việt Nam**

Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động giao nhận hàng hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực logistics và vận tải biển. Các quy định này quy định trách nhiệm và quyền lợi của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp giao nhận, người vận chuyển và chủ hàng, giúp điều chỉnh mối quan hệ phát sinh từ các hợp đồng mua bán, vận tải, bảo hiểm, giao nhận và xếp dỡ hàng hóa. Một số văn bản pháp lý quan trọng bao gồm:

- Luật Thương mại 2005:
  - Điều 233: Định nghĩa về dịch vụ logistics, bao gồm các hoạt động vận chuyển, lưu kho, phân phối và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Điều 234: Quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics, yêu cầu đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ này.
- Điều 235: Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics, làm rõ trách nhiệm của các bên cung cấp dịch vụ.
- Điều 236: Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi sử dụng dịch vụ logistics, bảo vệ quyền lợi của người thuê dịch vụ.
- Điều 237: Các trường hợp miễn trách đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics, xác định các tình huống miễn trách nhiệm.
- Điều 238: Giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và khách hàng, bảo đảm công bằng trong hợp đồng.
  - Bộ luật Hàng hải 2005:
    - Điều 74 đến Điều 97: Quy định về quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển, trách nhiệm của người vận chuyển trong quá trình vận chuyển hàng hóa bằng đường biển. Các điều khoản này bao gồm yêu cầu về chứng từ vận chuyển, thời gian khiếu nại và các trường hợp miễn trách.
  - Bên cạnh đó, hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường biển chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015. Bộ luật quy định chi tiết về hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, bao gồm quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển và người thuê vận chuyển, trách nhiệm của người vận chuyển đối với hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển. Ngoài ra, các nội dung liên quan đến chứng từ vận chuyển (vận đơn đường biển), thời hạn khiếu nại, thời hiệu khởi kiện và các trường hợp miễn trách cũng được quy định rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết tranh chấp phát sinh.
  - Các Nghị định liên quan:
    - Nghị định 08/2015/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung như Nghị định 59/2018/NĐ-CP và Nghị định 18/2021/NĐ-CP. Các nghị định này quy định chi tiết về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu, đồng thời đẩy mạnh áp dụng hải quan điện tử và quản lý rủi ro. Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình khai báo, thông quan và giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển.
    - Nghị định 18/2021/NĐ-CP tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về hải quan thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến kiểm tra chuyên ngành và đơn giản

hóa thủ tục hành chính. Nghị định này góp phần rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hải quan.

- Nghị định 01/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 12/2018/NĐ-CP) quy định về địa bàn hoạt động hải quan và trách nhiệm phối hợp trong công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định phạm vi quản lý của cơ quan hải quan tại các khu vực cửa khẩu, cảng biển – nơi diễn ra hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu.

Các văn bản pháp luật này không chỉ giúp quản lý hoạt động giao nhận hàng lẻ container mà còn bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia, giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa bằng đường biển.

#### **1.4.3. Hệ thống chứng từ**

Hệ thống chứng từ trong quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu hàng lẻ (LCL) là tập hợp các loại giấy tờ, tài liệu liên quan đến hàng hóa, vận tải và thủ tục pháp lý. Các chứng từ này được sử dụng nhằm xác nhận quyền sở hữu hàng hóa, mô tả đặc điểm lô hàng, thực hiện thủ tục hải quan và tổ chức giao nhận giữa các bên liên quan như người xuất khẩu, người nhập khẩu, hãng tàu, doanh nghiệp giao nhận và cơ quan hải quan. Trong thực tế, chứng từ không chỉ đóng vai trò là căn cứ pháp lý mà còn là cơ sở để kiểm tra, đối chiếu thông tin xuyên suốt toàn bộ chuỗi logistics. Việc chuẩn bị đầy đủ và chính xác hệ thống chứng từ sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro, rút ngắn thời gian thông quan và tiết kiệm chi phí phát sinh trong quá trình giao nhận.

Hệ thống chứng từ được sử dụng xuyên suốt theo từng bước của quy trình giao nhận hàng nhập khẩu LCL. Cụ thể:

Thứ nhất, ở bước ký kết hợp đồng và tiếp nhận thông tin khách hàng, các chứng từ chủ yếu mang tính pháp lý và thỏa thuận giữa các bên, bao gồm hợp đồng dịch vụ giao nhận và hợp đồng ngoại thương (Sales Contract). Đây là cơ sở để xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên, đồng thời làm căn cứ triển khai lô hàng.

Thứ hai, ở bước tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ, doanh nghiệp giao nhận sử dụng các chứng từ quan trọng như vận đơn đường biển (Bill of Lading), hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói (Packing List) và hợp đồng ngoại thương. Trong một số trường hợp, giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) cũng được sử dụng để phục vụ việc hưởng ưu đãi thuế quan. Việc kiểm tra ở bước này nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các chứng từ về tên hàng, số lượng, trọng lượng, người gửi và người nhận, từ đó hạn chế sai sót khi khai báo hải quan.

Thứ ba, ở bước khai báo hải quan điện tử và phân luồng, bộ chứng từ được sử dụng bao gồm tờ khai hải quan điện tử, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn và các chứng từ kiểm tra chuyên ngành (nếu có). Đây là nhóm chứng từ có vai trò đặc biệt quan trọng vì ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả phân luồng kiểm tra của cơ quan hải quan và thời gian thông quan hàng hóa.

Thứ tư, ở bước nhận lệnh giao hàng, doanh nghiệp sử dụng vận đơn (B/L), thông báo hàng đến (Arrival Notice) và giấy giới thiệu để làm thủ tục nhận lệnh giao hàng từ hãng tàu. Lệnh giao hàng có thể ở dạng giấy (D/O) hoặc điện tử (EDO), là chứng từ bắt buộc để nhận hàng tại kho.

Thứ năm, ở bước làm thủ tục thông quan, doanh nghiệp cần xuất trình bộ hồ sơ gồm tờ khai hải quan đã đăng ký, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói, vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ và các chứng từ liên quan khác. Trường hợp lô hàng thuộc luồng đỏ, sẽ phát sinh thêm biên bản kiểm hóa do cơ quan hải quan lập.

Thứ sáu, ở bước nhận hàng tại kho CFS và giao cho khách hàng, các chứng từ được sử dụng bao gồm lệnh giao hàng (D/O hoặc EDO), tờ khai hải quan đã thông quan, giấy giới thiệu, phiếu xuất kho và biên bản giao nhận hàng hóa. Các chứng từ này giúp xác nhận việc giao nhận hàng giữa kho và doanh nghiệp.

Cuối cùng, ở bước quyết toán và lưu trữ hồ sơ, doanh nghiệp sử dụng các chứng từ tài chính như hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn phí dịch vụ, bảng kê chi phí và toàn bộ hồ sơ nhập khẩu để phục vụ thanh toán, lưu trữ và kiểm tra sau thông quan.

Như vậy, hệ thống chứng từ trong quy trình giao nhận hàng nhập khẩu LCL được sử dụng một cách xuyên suốt và gắn liền với từng bước cụ thể, góp phần đảm bảo quá trình giao nhận diễn ra chính xác, hợp pháp và hiệu quả.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ.**

### **2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ**

#### **2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

##### **2.1.1.1. Thông tin công ty**

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỎ (Công ty Tiếp Vận Đỏ)

Tên tiếng Anh: RED LOG CO.,LTD

Mã số thuế: 0401762767

Chi nhánh: Tầng 2, Tòa nhà VFC, 292 đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày thành lập: 11/05/2016

Người đại diện: Nguyễn Thị Ngọc Vân

Điện thoại: 0914 438 639

##### **2.1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty Tiếp Vận Đỏ ra đời từ hoài bão của những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong Logistics, tài chính và quản lý, với mong muốn xây dựng một môi trường văn hóa hiện đại, đột phá, trở thành nơi nuôi dưỡng sáng tạo của một lớp trí thức trẻ kế tiếp để phát triển Công ty lên tầm cao mới.

Với mục tiêu trở thành Công ty hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực Logistics và nhằm hỗ trợ các vấn đề khó khăn của các doanh nghiệp và cá nhân. Công ty Tiếp Vận Đỏ được hoàn thiện quy trình trên các mô hình ưu việt nhất và các kinh nghiệm chất lọc từ ngành dịch vụ Logistics.

Công ty Tiếp Vận Đỏ là nơi hội tụ ý tưởng, nuôi dưỡng sáng tạo, quy tụ những thành viên trẻ nhiệt tình và có chuyên môn cao, có khát vọng vươn lên và có trách nhiệm với cộng đồng.

##### **2.1.1.3. Lĩnh vực hoạt động của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ**

Lĩnh vực hoạt động: Đại lý tàu biển - Giao nhận và vận chuyển quốc tế - Thủ tục hải quan - Vận chuyển nội địa - Dịch vụ kho bãi - Đóng gói hàng hóa



- **Đại lý tàu biển**

Với lợi thế vừa là đơn vị khai thác tàu vừa làm dịch vụ đại lý, hơn hết Công ty Tiếp Vận Đồ hiểu rõ nhu cầu của các chủ tàu và có thể tư vấn giúp họ những tác nghiệp tối ưu để giảm chi phí. Công ty cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nghiệp cho các tàu hàng rời và hàng bách hóa đồng thời có quan hệ chặt chẽ với các nhà sản xuất, các công ty thương mại lớn trong nước chuyên về xuất nhập khẩu nông sản, phân bón, than, cũng như các Công ty vận tải biển. Chi tiết các dịch vụ đại lý tàu biển mà chúng tôi có thể cung cấp cho khách hàng:

- Thông báo về tình trạng luồng lạch, cầu bến, năng lực giải phóng tàu, dự tính cảng phí cho người ủy thác trước khi tàu đến.
- Thu xếp các thủ tục cho tàu ra vào cảng biển, thu xếp hoa tiêu, cầu bến, bố trí tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa, xử lý các tình huống phát sinh với các bên hữu quan và nhà chức trách địa phương.
- Thu xếp dịch vụ cung ứng nước ngọt, phụ tùng vật tư, hải đồ và ấn phẩm hàng hải, giám định hàng hải, sửa chữa tàu với chi phí hợp lý, cạnh tranh.
- Lập báo cáo tàu rời, quyết toán cảng phí, thu nhập chứng từ và thanh toán các khoản phí theo ủy quyền của người ủy thác.
- Thu xếp hộ chiếu, thị thực, dịch vụ y tế, thay đổi và hồi hương thuyền viên, các dịch vụ đại lý bảo vệ quyền lợi chủ tàu khác.

- **Vận chuyển quốc tế**

Là đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế chuyên nghiệp, Công ty Tiếp Vận Đồ luôn cam kết chất lượng dịch vụ không ngừng hoàn thiện và phát triển. Thương hiệu của Công ty Tiếp Vận Đồ sẽ ngày càng được phổ biến rộng rãi. Công ty Tiếp Vận Đồ đã và đang thực hiện giao nhận hàng vận chuyển hàng xuất khẩu và nhập khẩu qua các cảng biển quốc tế và cảng hàng không quốc tế lớn đến hoặc từ Việt Nam. Dịch vụ giao nhận quốc tế của công ty gồm:

- Cung cấp cho khách hàng dịch vụ gửi hàng xuất khẩu và nhập khẩu từ Việt Nam đi các cảng chính của đa số các nước trên thế giới và ngược lại (nguyên container LCL và hàng lẻ LCL).

- Dịch vụ chia hàng lẻ nhập khẩu và xuất khẩu.
- Dịch vụ nguyên container (LCL/LCL) với giá cạnh tranh và có hỗ trợ phí lưu kho.
- Dịch vụ hàng Công trình và Triển lãm tại Việt Nam và các nước khu vực như LAO, CAMBODIA (Project & Exhibition).

- **Thủ tục hải quan**

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và kinh nghiệm của công ty thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. Công ty có trang bị các phần mềm (Thái Sơn, Softech, FPT,...) khai báo từ xa và khai báo điện tử được tất cả các loại hình xuất nhập khẩu hàng hóa. Điều này giảm được thời gian và nâng cao chất lượng dịch vụ khai thuế hải quan của công ty.

- Khai quan điện tử, khai hải quan từ xa.
- Sử dụng các phần mềm khai báo hải quan chuyên dụng.
- Đáp ứng mọi nhu cầu về khai quan cho khách hàng.
- Giải thích về những quy định và thủ tục hiện hành liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Xác định mã HS phù hợp với từng loại hàng hóa Xuất Nhập Khẩu.
- Bổ sung những điều khoản ưu đãi về hệ thống thuế cho phù hợp.
- Khai báo hải quan tại chỗ cho những kiện hàng riêng lẻ.
- Đặt biệt Công ty Tiếp Vận Đổ thực hiện được cả các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến việc xuất nhập khẩu hàng hóa chịu sự quản lý của các cơ quan chuyên môn. (Thiết bị y tế, Vật tư thiết bị cho xây dựng, hóa chất,...).

Công ty có dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng tận nơi để hỗ trợ khách hàng sau khi hoàn tất thủ tục khai quan giúp khách hàng nhanh chóng giải phóng hàng và phân phối kịp thời trong hệ thống phân phối hoặc xuất khẩu đi nước ngoài.

- **Vận chuyển nội địa**

Vận tải nội địa là một phần không thể thiếu trong chuỗi cung ứng Logistics của công ty. Do vậy, Công ty Tiếp Vận Đổ luôn cố gắng và nỗ lực nâng cao chất lượng của các dịch vụ nội địa. Công ty cung cấp các dịch vụ vận chuyển nội địa như sau:

- Vận chuyển hàng nặng, quá khổ, hàng rời.

- Vận chuyển hàng hóa là tài sản hành lý của các hoàn thiện quy trình và cá nhân di chuyển.
- Vận tải chuyên tải đi qua lãnh thổ Việt Nam.
- Thực hiện việc đóng/rút hàng vào/ra container; nâng/hạ container và cầu tời kiện hàng; đưa hàng vào vị trí lắp đặt (theo yêu cầu của khách hàng).

- **Kho bãi - Đóng gói**

Xuất Nhập khẩu hàng hoá là một chuỗi những thao tác liên tục, thống nhất với nhau vì vậy chúng tôi thiết kế hệ thống cung cấp dịch vụ khép kín từ khâu nhận hàng tại nhà máy tập kết hàng theo đơn đặt hàng, lưu trữ hàng hoá trong kho trên palette - đóng gói, dán nhãn hàng hoá cho đến khâu thuê tàu, kéo cont, đóng hàng vào container và vận chuyển đến cảng đích theo chỉ định của khách hàng.

Công ty Tiếp Vận Đỏ cung cấp các dịch vụ kho bãi như sau:

- Tập kết các lô hàng lẻ/đơn hàng từ nhiều nhà máy, nhiều nhà cung cấp khác nhau. Phân loại hàng hóa theo đơn hàng, theo mã hàng, theo nhà cung cấp ...
- Đóng gói hàng hóa bằng các loại vật liệu thích hợp : carton, plastic, giấy xốp, nẹp gỗ, ván ép ...
- Thực hiện các dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa theo ủy quyền của người mua hoặc người bán hàng khi giao - nhận hàng.
- Đối với hàng nhập khẩu sau khi hoàn tất thủ tục hải quan, chúng tôi tiến hành phân phối theo chỉ định của chủ hàng thông qua đội ngũ nhân viên giao hàng chuyên nghiệp.

#### **2.1.1.4. Tầm nhìn , sứ mệnh và các giá trị cốt lõi**

##### **➤ Tầm nhìn**

Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ hướng tới việc làm trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ logistics hàng đầu tại Việt Nam, nổi bật với sự đổi mới, chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng . Chúng tôi mong muốn xây dựng một hệ thống hậu cần sinh thái thông minh, vững chắc và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

##### **➤ Sứ mệnh**

Sứ mệnh của Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ là cung cấp các giải pháp logistics toàn diện và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Chúng tôi cam kết:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển an toàn, nhanh chóng và đáng tin cậy.
- Hỗ trợ khách hàng trong các thủ tục hải quan và quản lý ứng dụng chuỗi.
- Đầu tư vào công nghệ và đào tạo nhân viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Xây dựng mối liên hệ bền vững với khách hàng, đối tác và cộng đồng.

➤ **Giá trị cốt lõi**

**Khách Là Hàng Trung Tâm:** Công ty Tiếp Vận Đỏ luôn đặt khách hàng lên hàng đầu, lắng nghe và đáp ứng nhu cầu của họ một cách tốt nhất.

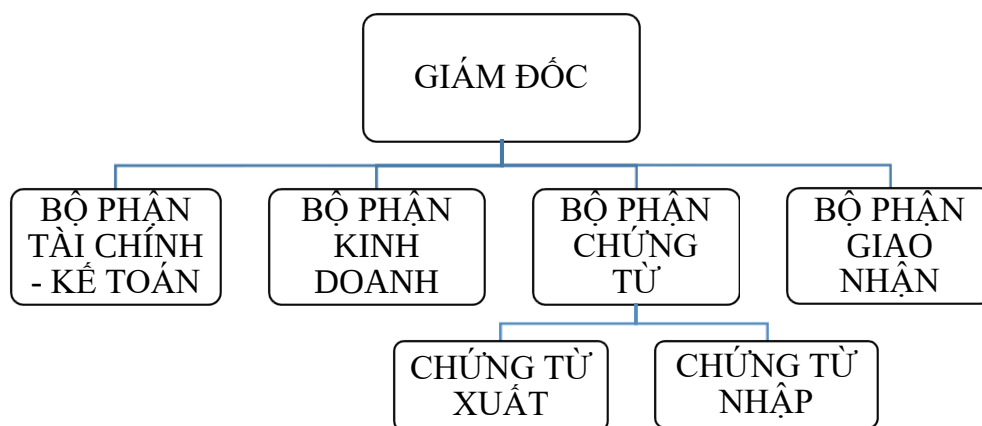
**Chất lượng:** Công ty Tiếp Vận Đỏ cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng cao, đảm bảo an toàn và hiệu quả trong mọi hoạt động.

**Minh bạch và trách nhiệm:** duy trì minh bạch trong mọi hoạt động kinh doanh và giao dịch với khách hàng

**Trách Nhiệm Xã Hội Công ty Tiếp Vận Đỏ:** Công ty Tiếp Vận Đỏ cam kết hoạt động bền vững và có trách nhiệm cộng đồng, góp phần phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

## 2.1.2 Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ

### 2.1.2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhận sự của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ



(Nguồn: Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ)

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhận sự của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ**

**Nhận xét:**

**Ưu điểm:** Sơ đồ bộ máy được thiết kế theo phương pháp trực tuyến và tinh gọn giúp tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa các phòng ban, cơ cấu tổ chức này giúp giám đốc dễ dàng quản lý, phù hợp với quy mô của công ty. Phân chia công việc phù hợp rõ ràng đến từng phòng ban giúp giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, làm cho tổ chức dễ dàng xử lý mọi việc linh hoạt, hiệu quả với sự thay đổi của môi trường.

**Nhược điểm:** Hạn chế việc sử dụng các chuyên gia có trình độ nghiệp vụ cao về từng bộ phận quản lý nên đòi hỏi người lãnh đạo phải có kiến thức toàn diện để chỉ đạo từng bộ phận quản lý chuyên môn khác nhau, dẫn đến những quyết định đưa ra thường có rủi ro cao vì khả năng của con người là có giới hạn.

#### **2.1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban**

- **Giám đốc:**

Với vị trí đứng đầu của công ty, là người điều hành mọi hoạt động của công ty như: Thực hiện điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của công ty. Lập kế hoạch kinh doanh, đề ra những mục tiêu cần đạt được. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý. Ban hành hoàn thiện quy trình những quy chế để quản lý nội bộ. Đặc biệt hơn là trực tiếp ký kết các hợp đồng và đồng thời là người đảm bảo và chịu trách nhiệm điều hành công ty, đồng thời là người chịu trách nhiệm pháp lý về mặt pháp luật cho công ty.

- **Phòng kế toán:**

Theo nhiệm vụ được phân công, thực hiện các nhiệm vụ giám sát tài chính theo quy định của pháp luật. Lên kế hoạch cân đối ngân sách, tính toán có hiệu quả hoạt động kinh doanh, thực hiện đúng các chính sách của nhà nước về tài chính, chế độ bảo hiểm, thuế, khấu hao, lương thưởng, phúc lợi cho nhân viên, giải quyết các khoản thu chi cho công ty, thu hồi công nợ, hoàn thiện quy trình hạch toán và báo cáo định kỳ.

- **Bộ phận kinh doanh:**

Tìm kiếm khách hàng mới, chăm sóc khách hàng, soạn thảo hợp đồng, báo giá, giới thiệu dịch vụ, báo cáo kết quả hoạt động mỗi tuần, tham gia đề xuất đóng góp ý tưởng cho công ty những phương án thích hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ.

- **Bộ phận chứng từ:**

Theo dõi, quản lý, lưu trữ chứng từ và các công văn, soạn thảo bộ hồ sơ hải quan, các công văn cần thiết để giúp cho bộ phận giao nhận hoàn thành tốt công việc đã được giao. Nhân viên chứng từ thường xuyên theo dõi quá trình làm hàng, liên lạc tiếp xúc với khách hàng để thông báo những thông tin cần thiết cho lô hàng, theo dõi tiến độ hàng về đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và số lượng. Ngoài ra nhân viên chứng từ sẽ giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lô hàng nhập khẩu trong quá trình vận chuyển.

- **Bộ phận giao nhận:**

Phối hợp với các bên liên quan như quản lý kho bãi, vận chuyển hàng, hải quan... giám sát hoạt động bốc dỡ, đóng gói hàng, vận chuyển từ các kho đến các khu vực phù hợp theo đúng quy định. Bộ phận giao nhận có trách nhiệm hoàn thành mọi thủ tục từ khâu mở tờ khai hải quan đến khâu giao hàng đúng hạn cho khách hàng của công ty. Bộ phận này giữ vai trò quan trọng trong việc tạo uy tín với các khách hàng.

### **2.1.3. Phân tích nguồn lực kinh doanh giai đoạn 2023 -2025**

#### **2.1.3.1. Cơ sở vật chất**

- **Mặt bằng**

Địa chỉ công ty:

- Chi nhánh: Tầng 2, Tòa nhà VFC, 292 đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Logo công ty:



**Hình 2.1. Logo công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ**

- **Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, kho bãi.**

Dưới đây là bảng thống kê số lượng một số máy móc thiết bị

**Bảng 2.1: Biểu số liệu về máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, kho bãi năm 2025**

| STT | Tên loại     | Số lượng |
|-----|--------------|----------|
| 1   | Máy in       | 01       |
| 2   | Máy tính     | 06       |
| 3   | Máy điều hòa | 01       |
| 4   | Xe đầu kéo   | 02       |
| 5   | Xe tải nhẹ   | 03       |
| 6   | Kho hàng     | 02       |
| 7   | Bãi xe       | 01       |

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

### **Nhận xét:**

Những đồ dùng cần thiết cho văn phòng Tiếp Vận Đỏ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để thực hiện nghiệp vụ như: máy tính được cài đặt sẵn phần mềm nghiệp vụ, máy photocopy...và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, kho bãi.

Tại Tiếp Vận Đỏ, máy tính được cài đặt sẵn phần mềm dịch vụ trợ giúp nhân viên dễ dàng quản lý thông tin khách hàng, theo dõi đơn hàng, lập kế hoạch chuyển đổi và xử lý các vấn đề phát sinh. Phần mềm này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian mà còn giảm thiểu sai sót trong quá trình làm việc. Ngoài ra, việc sử dụng máy tính còn giúp nhân viên dễ dàng truy cập vào các tài liệu, báo cáo và thông tin cần thiết để phục vụ công việc.

Các loại xe tải, xe container, xe máy... đều cần được trang bị đầy đủ để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hóa hàng trong và ngoài nước. Việc đầu tư vào phương tiện vận chuyển không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn nâng cao hiệu quả vận hành, đảm bảo hàng hóa được giao đúng thời gian và an toàn.

Một kho bãi được thiết kế hợp lý, có hệ thống quản lý hàng hóa thông tin giúp tối ưu hóa quy trình lưu trữ và phân phối hàng hóa. Việc trang thiết bị như kệ chứa hàng, xe nâng, hệ thống camera giám sát... sẽ giúp quản lý kho bãi một cách hiệu quả, đảm bảo hàng hóa luôn được bảo quản tốt và dễ dàng truy xuất khi cần thiết.

### **2.1.3.2. Nguồn nhân lực**

Tổng hợp thông kê theo thực trạng tại công ty thì đội ngũ nhân viên và người lao động của công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ tính đến 31/12/2025



**Bảng 2.2: Phân loại theo giới tính****ĐVT: Người**

| STT       | Giới tính | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----------|-----------|----------|----------|
|           |           | Số lượng | Số lượng |
| 1         | Nam       | 9        | 12       |
| 2         | Nữ        | 8        | 8        |
| Tổng cộng |           | 17       | 20       |

*(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)***Nhận xét:**

Phân loại theo giới tính, có thể nhận thấy tổng số người trong năm 2024 là 20 người, tăng 3 người so với năm 2023 (17 người). Trong đó, số lượng nam tăng từ 9 người (năm 2023) lên 12 người (năm 2024), tức tăng 3 người; trong khi số lượng nữ giữ nguyên ở mức 8 người qua hai năm. Điều này cho thấy sự gia tăng nhân sự chủ yếu đến từ nhóm nam giới. Về tỷ lệ giới tính, nam giới chiếm 57,1% vào năm 2023 và tăng lên 60,5% vào năm 2024; ngược lại, tỷ lệ nữ giảm từ 42,9% xuống còn 39,5%. Như vậy, cơ cấu nhân sự đang có xu hướng nghiêng nhiều hơn về nam giới trong năm 2024.

**Bảng 2.3: Phân loại theo độ tuổi****ĐVT: Người**

| STT       | Độ tuổi  | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----------|----------|----------|----------|
|           |          | Số lượng | Số lượng |
| 1         | Dưới 30  | 8        | 10       |
| 2         | Từ 30-40 | 5        | 7        |
| 3         | Trên 40  | 4        | 3        |
| Tổng cộng |          | 17       | 20       |

*(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)*

**Nhận xét:**

Dựa vào bảng phân loại theo độ tuổi. Trong đó, nhóm dưới 30 tuổi tăng từ 8 người lên 10 người, tức tăng 2 người; nhóm trên 40 tuổi cũng tăng từ 5 người lên 7 người, tăng 2 người. Riêng nhóm từ 30–40 tuổi lại giảm nhẹ từ 4 người xuống còn 3 người. Điều này cho thấy lực lượng nhân sự trẻ dưới 30 tuổi tiếp tục được bổ sung và chiếm tỷ lệ khá lớn, đồng thời đội ngũ trên 40 tuổi cũng đang được tăng cường, có thể để đáp ứng nhu cầu về kinh nghiệm. Trong khi đó, nhóm tuổi trung niên (30–40) có xu hướng giảm nhẹ, nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nhân sự.

**Bảng 2.4: Phân loại theo trình độ*****ĐVT: Người***

| STT       | Trình độ | Năm 2024 | Năm 2025 |
|-----------|----------|----------|----------|
|           |          | Số lượng | Số lượng |
| 1         | Cao đẳng | 6        | 7        |
| 2         | Đại học  | 11       | 13       |
| Tổng cộng |          | 17       | 20       |

*(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)*

**Nhận xét:**

Nhân sự của công ty được đánh giá cao về chuyên môn và kỹ năng, cho thấy họ có nền tảng vững chắc và khả năng đáp ứng, ứng dụng tốt các yêu cầu công việc trong lĩnh vực logistics. Điều này không chỉ giúp công việc hiệu quả mà còn tạo niềm tin cho khách hàng.

Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics và vận tải, điều này rất quan trọng trong ngành logistics, nơi mà sự hiểu biết về quy trình và thị trường có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong công việc dịch vụ.

Số lượng nhân sự có trình độ cao đẳng tăng lên ở mức 7 người qua hai năm. Ngược lại, số lượng nhân sự có trình độ đại học tăng từ 11 người lên 13 người, tức tăng 2 người. Điều này cho thấy sự gia tăng nguồn nhân lực chủ yếu đến từ nhóm có trình độ đại học.

Việc tăng cường đội ngũ nhân viên có trình độ đại học phản ánh xu hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đơn vị trong năm 2025.

### 2.1.3.3. Nguồn lực tài chính

**Bảng 2.5: Cân đối kế toán thống kê một vài số liệu**

*ĐVT: VNĐ*

| <b>Chỉ tiêu</b>       | <b>2023</b>          | <b>2024</b>          | <b>Chênh lệch giữa năm 2024 và 2023</b> | <b>2025</b>          | <b>Chênh lệch giữa năm 2025 và 2024</b> |
|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|
| <b>Tổng tài sản</b>   | <b>4.762.046.534</b> | <b>4.830.891.933</b> | <b>1,45%</b>                            | <b>4.998.769.987</b> | <b>3,48%</b>                            |
| Tài sản ngắn hạn      | 3.695.437.135        | 3.738.822.714        | 1,17%                                   | 3.900.795.124        | 4,33%                                   |
| Tài sản dài hạn       | 1.066.609.399        | 1.092.069.219        | 2,39%                                   | 1.098.974.863        | 0,63%                                   |
| <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>4.762.046.534</b> | <b>4.830.891.933</b> | <b>1,45%</b>                            | <b>4.998.769.987</b> | <b>3,48%</b>                            |
| Vốn chủ sở hữu        | 4.052.323.699        | 4.098.434.950        | 1,14%                                   | 4.167.561.421        | 1,69%                                   |
| Nợ phải trả           | 672.792.544          | 699.857.960          | 4,02%                                   | 795.266.530          | 13,63%                                  |
| Nợ ngắn hạn           | 36.930.291           | 32.599.023           | 11,73%                                  | 35.942.036           | 10,26%                                  |

*(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)*

### **Nhận xét:**

Qua bảng cân đối kế toán giai đoạn 2023–2025 có thể thấy quy mô tài sản và nguồn vốn của Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ có xu hướng tăng qua các năm. Tổng tài sản năm 2024

tăng 1,45% so với năm 2023 và năm 2025 tiếp tục tăng 3,48% so với năm 2024, cho thấy công ty đang từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh.

Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và tăng đều qua các năm, phản ánh khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp. Đồng thời, vốn chủ sở hữu cũng tăng ổn định, thể hiện khả năng tự chủ tài chính tương đối tốt. Bên cạnh đó, nợ phải trả năm 2025 tăng khá mạnh so với năm 2024, cho thấy công ty có xu hướng sử dụng thêm nguồn vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty trong giai đoạn 2023–2025 tương đối ổn định và có khả năng đáp ứng nhu cầu hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển.

## 2.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN 2023-2025

### 2.2.1. Cơ cấu dịch vụ

Dưới đây là cơ cấu dịch vụ công ty TNHH Tiếp Vận Đồ

**Bảng 2.8. Cơ cấu dịch vụ của công ty TNHH Tiếp Vận Đồ**

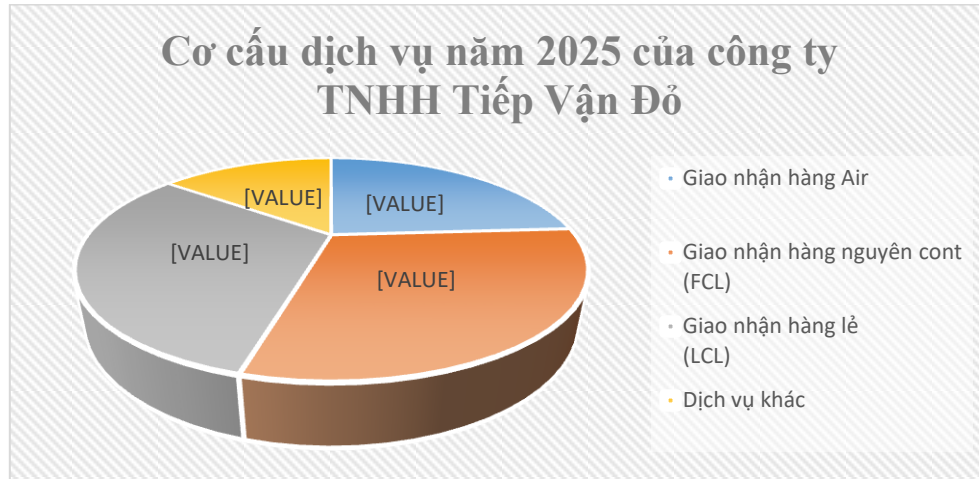
*ĐVT: Triệu VND*

| Loại hình dịch vụ       | Năm 2023              |              | Năm 2024              |              | Năm 2025              |              |
|-------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
|                         | Doanh thu (Triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Doanh thu (Triệu VND) | Tỷ trọng (%) | Doanh thu (Triệu VND) | Tỷ trọng (%) |
| Giao nhận hàng Air      | 730.453.200           | 24,45        | 785.260.958           | 24,72        | 799.583.998           | 24.03        |
| Giao nhận hàng lẻ (FCL) | 850.930.390           | 28,48        | 935.515.179           | 29,45        | 1.004.980.750         | 30.21        |

|                                  |               |       |               |       |               |       |
|----------------------------------|---------------|-------|---------------|-------|---------------|-------|
| Giao<br>nhận<br>hàng lẻ<br>(LCL) | 895.415.960   | 29,97 | 956.798.546   | 30,12 | 1.034.684.295 | 31,1  |
| Dịch vụ<br>khác                  | 511.200.450   | 17,10 | 499.047.317   | 15,71 | 487.850.957   | 14.66 |
| Tổng<br>cộng                     | 2.988.000.000 | 100   | 3.176.622.000 | 100   | 3.327.100.000 | 100   |

(Nguồn: Báo cáo tình hình kết quả kinh doanh năm 2025)

**Biểu đồ 2.1: Cơ cấu dịch vụ năm 2025 của công ty TNHH Tiếp Vận Đổ**



**Nhận xét:**

Từ bảng số liệu cùng biểu đồ phản ánh cơ cấu dịch vụ của công ty cho thấy hiện nay dịch vụ giao nhận hàng lẻ container là dịch vụ mũi nhọn của công ty khi chiếm tỷ trọng đến 31,1% và cũng là dịch vụ sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong thời gian tới. Tiếp đến là dịch vụ giao nhận nguyên cont với tỷ trọng 30,21%. Dịch vụ giao nhận hàng Air chiếm tỷ trọng 24,03%, còn dịch vụ khác chiếm tỷ trọng đến 14,66%.

**2.2.2. Kết quả kinh doanh từ năm 2023 đến năm 2025**

**Bảng 2.9: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023-2025**

*DVT: Triệu VND*

|                         | Năm 2023       | Năm 2024        | Chênh lệch<br>2024/2023<br>(%) | Năm 2025       | Chênh lệch<br>2025/2024<br>(%) |
|-------------------------|----------------|-----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|
| Tổng doanh thu :        | <b>3.816,6</b> | <b>4.090,52</b> | <b>7,18%</b>                   | <b>4.302,5</b> | <b>5,18%</b>                   |
| - Từ dịch vụ            | 2.988          | 3.176,62        | 6,31%                          | 3.327,1        | 4,74%                          |
| - Từ kinh doanh nội địa | 828,6          | 913,9           | 10,29%                         | 975,4          | 6,73%                          |
| Tổng chi phí            | 1.700          | 1.758,92        | 3,47%                          | 1.837,3        | 4,46%                          |

|                      |          |          |        |          |       |
|----------------------|----------|----------|--------|----------|-------|
| Lợi nhuận trước thuế | 2.116,6  | 2.331,6  | 10,16% | 2.465,2  | 5,73% |
| Lợi nhuận sau thuế   | 1.693,28 | 1.865,28 | 10,16% | 1.972,16 | 5,73% |

(Nguồn: Phòng kế toán)

### **Nhận xét:**

Qua bảng kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2023–2025 có thể thấy doanh thu của Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ tăng đều qua các năm. Tổng doanh thu năm 2024 tăng 7,18% so với năm 2023 và năm 2025 tiếp tục tăng 5,18% so với năm 2024. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn, cho thấy hoạt động giao nhận và logistics là nguồn thu chủ yếu của công ty.

Bên cạnh doanh thu tăng, tổng chi phí của doanh nghiệp cũng tăng qua các năm do nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và chi phí vận hành tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, giúp lợi nhuận trước thuế và sau thuế tiếp tục tăng trưởng ổn định. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng 10,16% so với năm 2023 và năm 2025 tăng 5,73% so với năm 2024.

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong giai đoạn 2023–2025 tương đối khả quan, phản ánh hoạt động kinh doanh ổn định và có xu hướng phát triển tích cực.

## **2.3. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỒ**

### **2.3.1. Sơ đồ về quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ**

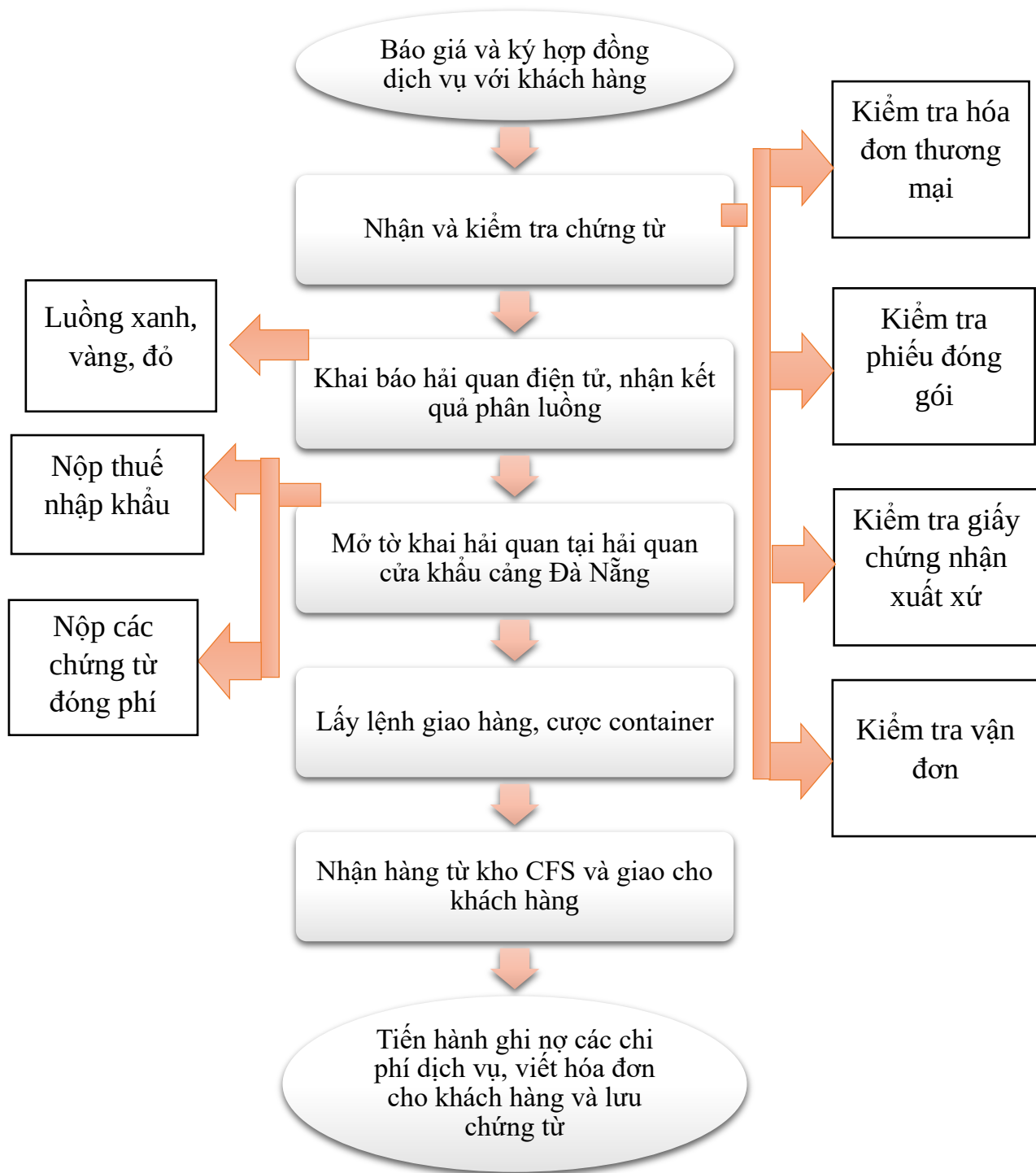
Quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lễ container (LCL – Less than Container Load) bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ được thực hiện theo hình thức doanh nghiệp giao nhận thay mặt khách hàng tiến hành các thủ tục liên quan từ khâu tiếp nhận yêu cầu đến khi giao hàng hoàn tất. Quy trình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa khách hàng, hãng tàu, đại lý, cơ quan hải quan, kho CFS và doanh nghiệp giao nhận nhằm

đảm bảo hàng hóa được thông quan và giao đúng thời gian, hạn chế phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi.

Quy trình giao nhận của lô hàng này được thực hiện qua 08 bước sau:

- Bước 1: Báo giá và ký hợp đồng dịch với khách hàng
- Bước 2: Nhận và kiểm tra Bộ chứng từ
- Bước 3: Khai hải quan điện tử và nhận kết quả phân luồng
- Bước 4: Mở tờ khai hải quan tại hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng
- Bước 5: Lấy lệnh giao hàng, cước container
- Bước 6: Nhận hàng từ kho CFS và giao cho khách hàng
- Bước 7: Tiến hành ghi nợ các chi phí dịch vụ, viết hóa đơn cho khách hàng và lưu chứng từ.

Ngoài (07) bước chính trên, quy trình nghiệp vụ giao nhận còn có các bước phụ khác được mô tả cụ thể trong sơ đồ sau:



(Nguồn: Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ)

**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ cụ thể về quy trình giao nhận nguyên container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ**

### **2.3.2. Phân tích các bước trong quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ**

#### ***Bước 1: Báo giá và ký hợp đồng với khách hàng***

Trong quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container (LCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, bước đầu tiên là tiếp nhận yêu cầu từ khách hàng, tiến hành tư vấn dịch vụ và báo giá. Sau khi hai bên thống nhất về chi phí, thời gian thực hiện và phạm vi công việc, công ty sẽ tiến hành ký kết hợp đồng dịch vụ logistics với khách hàng.

Nội dung hợp đồng quy định cụ thể các trách nhiệm của từng bên, bao gồm: khai báo hải quan, nhận hàng tại kho CFS, vận chuyển nội địa, giao hàng tận nơi và thanh toán các khoản chi phí liên quan. Việc ký kết hợp đồng giúp đảm bảo cơ sở pháp lý cho toàn bộ quá trình giao nhận và hạn chế tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ.

Sau khi hai bên đạt được thỏa thuận về giá cả, phạm vi công việc và thời gian thực hiện, hợp đồng dịch vụ logistics chính thức được ký kết. Nội dung hợp đồng quy định rõ các loại dịch vụ mà Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ sẽ cung cấp, bao gồm: kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan điện tử, tiếp nhận hàng tại kho CFS, vận chuyển hàng về nội địa và giao hàng tận nơi cho khách. Ngoài ra, hợp đồng cũng quy định nghĩa vụ của khách hàng trong việc cung cấp đầy đủ hồ sơ, thanh toán đúng hạn, cũng như cách xử lý khi xảy ra sự cố liên quan đến lịch tàu, sai sót chứng từ hay các vấn đề phát sinh trong quá trình làm thủ tục.

Bên cạnh hai bên chính là khách hàng và công ty logistics, bước này còn có sự tham gia gián tiếp của các đơn vị khác như hãng tàu (chịu trách nhiệm vận chuyển hàng từ cảng xuất đến cảng đích), đơn vị quản lý kho CFS Danalog tại Đà Nẵng (nơi tập kết hàng lẻ), bộ phận khai hải quan nội bộ của Tiếp Vận Đỏ và trong một số trường hợp là công ty bảo hiểm nếu khách có mua bảo hiểm vận chuyển hàng hóa.

Về mặt công nghệ, hiện tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ vẫn sử dụng email là kênh trao đổi chính với khách hàng. Các chứng từ thường được gửi dưới dạng PDF, sau đó nhân viên chứng từ kiểm tra nội dung và nhập thông tin vào bảng Excel để theo dõi tiến độ lô hàng. Ngoài ra, công cụ bắt buộc được sử dụng trong toàn bộ hoạt động khai báo hải quan là hệ thống VNACCS/VCIS – hệ thống thông quan điện tử do Tổng cục Hải

quan cung cấp. Tuy nhiên, công ty vẫn chưa triển khai phần mềm quản lý logistics tổng thể (TMS hoặc ERP), nên phần lớn hoạt động quản lý vẫn dựa trên thao tác thủ công, tiềm ẩn nhiều rủi ro về sai sót và thiếu đồng bộ.

Thực tế cho thấy, ở bước đầu tiên này có một số rủi ro thường xuyên xảy ra. Đó là việc khách hàng gửi thiếu hoặc sai thông tin trong bộ chứng từ (chẳng hạn thiếu packing list hoặc invoice không đúng trị giá), thay đổi thông tin giao hàng sau khi đã ký hợp đồng, hoặc không làm rõ điều kiện giao hàng (Incoterms) dẫn đến tranh chấp phát sinh chi phí. Ngoài ra, do không có hệ thống phần mềm quản lý chuyên nghiệp nên việc truy xuất hồ sơ, theo dõi tiến độ lô hàng hay xử lý yêu cầu gấp từ khách hàng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả dịch vụ và khả năng phản ứng nhanh khi có sự cố.

### **Nhận xét:**

Hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa công ty và khách hàng đã thể hiện đầy đủ những nội dung cơ bản cần thiết, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của từng bên trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ. Điều này giúp đảm bảo hoạt động phối hợp được thống nhất và hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh. Tuy vậy, để tăng mức độ chặt chẽ, hợp đồng nên được mở rộng thêm các quy định liên quan đến phương án xử lý khi xảy ra mâu thuẫn, mức phạt đối với các hành vi vi phạm cam kết, cũng như quy trình giải quyết tranh chấp. Những nội dung này không chỉ củng cố tính pháp lý mà còn góp phần bảo vệ quyền lợi của cả công ty và khách hàng một cách toàn diện hơn.

## ***Bước 2: Nhận và kiểm tra chứng từ***

Việc tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ là một bước quan trọng trong quy trình giao nhận hàng hóa, quyết định tính chính xác và đầy đủ của hồ sơ khai báo hải quan và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thông quan.

Sau khi tiếp nhận, nhân viên chứng từ của Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng từng loại giấy tờ để đảm bảo tính hợp lệ, đồng bộ và thống nhất về thông tin hàng hóa, số hợp đồng, điều kiện giao hàng, số container, và thông tin các bên. Một bộ chứng từ được coi là hợp lệ khi không có sự sai lệch hoặc thiếu sót giữa các tài liệu, đồng thời các chi tiết quan trọng như ngày tháng, thông tin người gửi, người nhận, điều kiện Incoterm, trị giá lô hàng đều rõ ràng và chính xác. Bộ chứng từ của lô hàng này bao gồm:

- Lệnh giao hàng (Delivery order)
- Phiếu đóng gói (Packing List)
- Giấy thông báo hàng đến (Arrival notice)
- Vận đơn (Bill Of Lading)

Bên cạnh đó, nhân viên giao nhận ký xác nhận là đã nhận bộ chứng từ, sao chụp bộ chứng từ ra thành nhiều bản để phục vụ cho công việc, lưu lại trên máy tính để phòng trường hợp mất chứng từ.

Ngay sau khi nhận được bộ chứng từ từ phía khách hàng, nhân viên chứng từ của Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và hợp lệ của từng loại giấy tờ. Việc kiểm tra kỹ các nội dung như số hợp đồng, điều kiện giao hàng, trị giá lô hàng, tên tàu, số container... giúp phát hiện sớm những sai sót có thể ảnh hưởng đến việc khai báo hải quan hoặc gây chậm trễ trong thông quan. Bộ chứng từ bao gồm phiếu đóng gói, lệnh giao hàng, thông báo hàng đến và vận đơn đường biển.

Vì chưa áp dụng phần mềm quản lý chứng từ chuyên biệt, việc kiểm tra tại Tiếp Vận Đỏ chủ yếu thực hiện thủ công qua email và Excel nội bộ. Nhân viên trao đổi qua Zalo hoặc Gmail, chưa có hệ thống tự động phát hiện sai sót, dẫn đến phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân. Một số rủi ro thường gặp gồm thiếu chứng từ, sai số hợp đồng,

nhằm địa chỉ người nhận, hoặc sai lệch số container. Những lỗi nhỏ như định dạng ngày tháng cũng có thể gây từ chối hồ sơ khi khai báo.

Nhìn chung, đây là bước quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp lệ của toàn bộ quy trình giao nhận. Nhân sự tại công ty đã có kinh nghiệm xử lý, tuy nhiên để hạn chế rủi ro, Tiếp Vận Đỏ nên từng bước triển khai công cụ hỗ trợ kiểm tra chứng từ và xây dựng quy trình kiểm tra chuẩn hóa theo từng loại hình lô hàng.

### **Nhận xét:**

Việc kiểm tra chứng từ trong quá trình giao nhận hàng hóa xuất khẩu nhằm đảm bảo tính chính xác, hợp pháp và đầy đủ của thông tin trước khi tiến hành các thủ tục hải quan và vận chuyển. Điều này giúp công ty hạn chế rủi ro như chậm trễ giao hàng, tranh chấp hợp đồng hoặc bị từ chối thanh toán.

Ở bước này có một điểm chưa hoàn thiện: Khâu xử lý thông tin lô hàng và kiểm tra chứng từ còn thường xuyên gặp các lỗi như bị thiếu chứng từ, chứng từ sai dẫn đến phải lấy chứng từ nhiều lần là tốn kém nhiều thời gian để kiểm tra chứng từ. Việc kiểm tra thiếu hay bị chậm này còn làm cho các công tiếp theo bị chậm trễ theo. Những lỗi này do đường truyền mạng hay bị gián đoạn nên không kịp thời liên lạc với khách hàng để bổ sung chứng từ thiếu sai, thêm nữa là nhân viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc kiểm tra chứng từ nên hay sai sót làm mất nhiều thời gian.

- **Bước 3: Khai báo hải quan điện tử và nhận kết quả phân luồng**

- a) Khai báo hải quan điện tử trên phần mềm ECUS VNACCS**

Sau khi hoàn tất việc kiểm tra chứng từ, Nhân viên giao nhận sẽ dùng phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5-VNACCS201 để bắt đầu khai báo hải quan điện tử. Đăng nhập vào hệ thống ECUS5/VNACCS/VICIS. Trình tự khai báo hải quan điện tử đối với hàng lẻ nhập khẩu bằng đường biển được tiến hành ở công ty như sau:

Quy trình thực hiện khai báo hải quan điện tử gồm 3 bước:

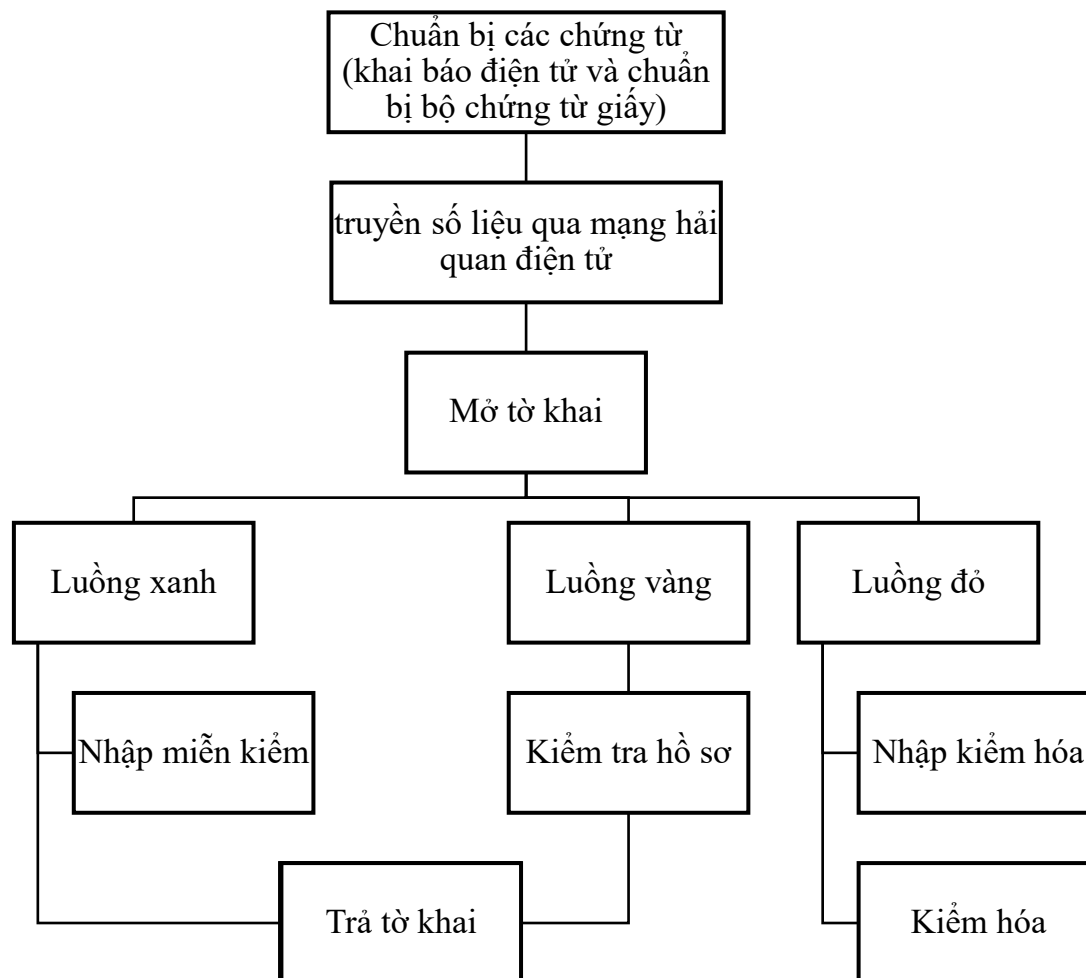
Bước 1: Khai báo thông tin chung

Bước 2: Khai thông tin container

Bước 3: Khai danh sách hàng

Sau khi điền đầy đủ thông tin thì bấm chọn “OK” ⇒ khai trước thông tin ⇒ đăng ký tờ khai thành công, sau đó được cấp số tờ khai. Tiếp tục bấm chọn “OK” để khai chính thức, bấm chọn “YES” là đã khai báo thành công.

Tiếp theo Hải quan sẽ trả kết quả phân luồng cho hàng hóa.



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ phân luồng giao nhận hàng nhập khẩu**

(Nguồn: Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ)

- **Luồng xanh:** Hải quan không kiểm tra chi tiết hồ sơ và miễn kiểm tra chi tiết hàng hóa

Luồng xanh trong quy trình hải quan là luồng ưu tiên, áp dụng cho các lô hàng có độ rủi ro thấp. Khi tờ khai được phân vào luồng này, thủ tục thông quan sẽ được xử lý nhanh chóng.

Doanh nghiệp tiến hành đính kèm đầy đủ bộ chứng từ cần thiết trong hệ thống khai báo. Sau đó, khách hàng nộp thuế và lệ phí theo thông báo. Ngay khi hoàn tất nghĩa vụ tài

chính, tờ khai sẽ được hệ thống tự động thông quan, không cần kiểm tra hồ sơ hay kiểm hóa thực tế.

Sau khi thông quan, doanh nghiệp lên kế hoạch giao hàng, bao gồm đăng ký làm hàng, điều phối phương tiện và thực hiện giao hàng cho khách. Cuối cùng, bộ phận dịch vụ tiền hành ghi nhận công nợ (debit) các chi phí đã thống nhất từ trước với khách hàng như phí khai báo, làm hàng, vận chuyển, v.v. Thời gian thanh toán tùy theo hợp đồng thường từ 30 ngày đến 45 ngày.

- **Luồng vàng:** Hải quan kiểm tra hồ sơ, miễn kiểm tra chi tiết hàng hóa.

Doanh nghiệp phải mang hồ sơ giấy đến Chi cục Hải quan để nộp tờ khai. Cơ quan Hải quan sẽ kiểm tra hồ sơ, xử lý thủ tục, sau đó khách hàng nộp thuế. Khi thuế đã được nộp đầy đủ, hàng hóa sẽ được thông quan và làm lại các bước như luồng xanh.

- **Luồng đỏ:** Hải quan kiểm tra chi tiết hồ sơ và tiến hành kiểm tra chi tiết hàng hóa với các mức độ kiểm tra thực tế lô hàng.

Luồng đỏ cũng gửi tờ khai cho khách nộp thuế, sau đó ra chi cục hải quan nộp hồ sơ, bên hải quan sẽ phân tờ khai và đội thủ tục sẽ kiểm tra hồ sơ, khi kiểm tra xong chuyển kiểm hóa và bên hải quan sẽ phân 2 cán bộ đi kiểm hóa của đội kiểm hóa. Đưa hồ sơ cho bên kiểm hóa và liên hệ đến cảng dịch cont ra hoặc làm lệnh kiểm hóa nếu là kho hàng lẻ, hẹn cán bộ kiểm hóa đến và bấm seal tạm lại nếu hàng nguyên cont, hàng lẻ thì đóng gói hoặc dán lại hàng hóa cho gọn gàng. Khi kiểm tra xong vào ký biên bản kiểm hóa lấy tờ khai thông quan và lên kế hoạch giao hàng như trên.

+ Kiểm tra thực tế không quá 5% lô hàng: Được tiến hành nhằm đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật hải quan của chủ hàng, nếu không có dấu hiệu sai phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu có thì tiếp tục kiểm tra cho đến khi xác định được mức độ vi phạm học xuất nhập khẩu ở đâu.

+ Kiểm tra thực tế 10% lô hàng: hàng hóa thuộc diện miễn kiểm tra thực tế nhưng cơ quan hải quan qua phân tích thông tin phát hiện thấy có dấu hiệu sai phạm, tiến hành kiểm tra nếu không sai phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu có thì tiếp tục kiểm tra.

+ Kiểm tra toàn bộ lô hàng: đối với hàng hóa có chủ hàng nhiều lần vi phạm pháp luật về hải quan.

Sau khi hàng hóa được phân luồng, nhân viên chứng từ sẽ in tờ khai giao cho nhân viên giao nhận để ra cảng để thực hiện các bước tiếp theo.

#### **b) Nhận kết quả phân luồng**

Sau khi nhận kết quả trả về của cơ quan hải quan. Đối với lô hàng này kết quả phân luồng là luồng vàng thì phải chuẩn bị bộ hồ sơ gồm: Vận tải đơn, hóa đơn, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và tờ khai (thông báo kết quả phân luồng). Trong bước này, các bên như công ty logistics, doanh nghiệp nhập khẩu, hãng tàu và cơ quan hải quan phối hợp chặt chẽ để xử lý tờ khai, kiểm tra chứng từ và hoàn tất thủ tục thông quan theo kết quả phân luồng.

Công ty sử dụng phần mềm ECUS5 do Thái Sơn phát triển để khai báo hải quan, kết hợp với các công cụ cơ bản như Microsoft Excel để theo dõi dữ liệu, email và Zalo để trao đổi thông tin với khách hàng và bộ phận nội bộ. Do chưa có phần mềm quản lý dữ liệu tích hợp, quá trình kiểm tra và nhập liệu vẫn được thực hiện thủ công trên từng tờ khai, đòi hỏi sự cẩn thận và kinh nghiệm từ nhân viên chứng từ.

Một số rủi ro thường gặp trong bước này bao gồm: khai sai mã HS, sai thông tin số container hoặc phương tiện vận chuyển, sai điều kiện giao hàng hoặc tổng trị giá hóa đơn. Ngoài ra, việc điền sai định dạng ngày tháng hoặc mã lưu kho cũng có thể khiến tờ khai bị từ chối hoặc phân luồng đỏ. Những sai sót này làm tăng thời gian xử lý, phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.

Dù hệ thống khai báo được triển khai ổn định, nhưng để nâng cao hiệu quả, công ty vẫn cần cải thiện về mặt công nghệ và quy trình kiểm tra trước khi gửi tờ khai lên hệ thống. Việc nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên chứng từ là yếu tố then chốt để giảm thiểu rủi ro trong giai đoạn này.

#### **Nhận xét:**

Ở bước này nhìn chung vẫn tương đối hoàn thiện, tuy nhiên nhân viên làm việc có gặp một số điểm còn hạn chế như:

Quá trình khai báo trên hệ thống VNACCS diễn ra khá phức tạp bởi vì phải khai rất nhiều tiêu chí. Bên cạnh đó phần mềm cũng thường hay bị lỗi trong quá trình khai báo dẫn đến tốn kém nhiều thời gian.

Nhân viên thường áp mã HS chưa chính xác dẫn đến bị áp thuế không đúng với mặt hàng khai báo. Nguyên nhân là do nhân viên chưa nắm rõ được nguyên tắc áp mã HS cũng như nhiều mã HS tương tự nhau dẫn đến dễ nhầm lẫn trong quá trình áp mã.

Chi phí phát sinh khi tờ khai đã truyền đến hải quan mới phát hiện có sai sót. Lúc này phải mất phí mới có thể sửa lại tờ khai và cũng tốn thời gian để sửa lại. Nguyên nhân thường là do nhân viên không kiểm tra kỹ trước khi truyền tờ khai hay hệ thống bị lỗi làm cho thông tin khi khai bị lệch.

Bên cạnh đó, phần mềm khai báo hải quan ECUS5 do công ty Thái Sơn cung cấp cũng thường có một số lỗi hệ thống trong quá trình thực hiện khai báo gây khó khăn cho công tác khai báo của nhân viên.

- **Bước 4: Mở tờ khai hải quan tại hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng**

**a) Tiến hành đóng thuế cho lô hàng**

Trong quá trình khai báo hải quan, sau khi hoàn tất khai tờ khai điện tử và xác định các khoản thuế phải nộp, khách hàng thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan hải quan thông qua hai hình thức:

- **Nộp thuế online:** khách hàng có thể thanh toán thuế xuất nhập khẩu trực tuyến qua hệ thống ngân hàng điện tử liên kết với cổng thanh toán điện tử của Tổng cục Hải quan. Việc nộp online giúp tiết kiệm thời gian, thủ tục nhanh chóng, thuận tiện theo dõi và tra cứu chứng từ nộp thuế.
- **Nộp tiền mặt tại ngân hàng:** Trong trường hợp khách hàng không sử dụng phương thức nộp online, có thể in "Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước" từ hệ thống, mang giấy này ra ngân hàng thương mại để nộp tiền mặt. Sau khi nộp xong, ngân hàng sẽ cung cấp chứng từ xác nhận, doanh nghiệp dùng để hoàn thiện bộ hồ sơ thanh lý hải quan.

Trong quá trình nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tuân thủ các quy định về thuế là một nghĩa vụ quan trọng đối với doanh nghiệp. khách hàng với tư cách là đơn vị nhập khẩu, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nhằm đảm bảo quá trình thông quan hàng hóa diễn ra thuận lợi và đúng quy định pháp luật.

Việc thực hiện nghĩa vụ thuế không chỉ đảm bảo tính hợp pháp của lô hàng mà còn góp phần vào nguồn thu ngân sách Nhà nước, đồng thời giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý liên quan đến vấn đề thuế quan. Do đó, việc đóng thuế khách hàng sẽ chịu trách nhiệm nộp các khoản thuế và phí liên quan đến lô hàng theo quy định hiện hành.

**b) Nộp hồ sơ**

Sau khi đã khai báo hải quan điện tử và nhận kết quả là luồng vàng, nhân viên công ty Tiếp Vận Đỏ sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký tờ khai ở Chi cục Hải quan Đà Nẵng. Trước khi đăng ký hồ sơ, công ty sẽ ứng trước tiền nộp thuế nhập khẩu cho khách hàng tại ngân hàng. Sau khi hoàn tất việc nộp thuế vào ngân sách nhà nước, tiến hành kiểm tra thông tin biến thuế trên website [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn) của Hải quan để xem

thông tin tiền thuế đã cập nhật lên hệ thống hay chưa. Nếu thông tin đã hiển thị đầy đủ, nhân viên giao nhận chuẩn bị và kiểm tra lại bộ hồ sơ Hải Quan hoàn chỉnh cho lô hàng. Bộ chứng từ của lô hàng gồm:

- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu (phân luồng)
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Phiếu đóng gói (Packing List)
- Vận đơn đường biển (Bill of lading)

Sau khi bộ hồ sơ đã hoàn chỉnh, nhân viên giao nhận liên hệ hải quan cảng Đà Nẵng nộp hồ sơ. Hải quan tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra tính đầy đủ và thống nhất của các chứng từ, đối chiếu số liệu và nội dung trong tờ khai hải quan với bộ chứng từ. Nếu bộ chứng từ phù hợp với các số liệu đã khai, Hải quan tiếp nhận sẽ ký tên và đóng dấu vào tờ khai, hàng hóa sẽ được thông quan bình thường như luồng xanh, tờ khai sẽ được chuyển qua tính thuế xuất nhập khẩu.

Khi đã hoàn thành tất cả công việc trên, công ty Tiếp Vận Đỏ hỗ trợ khách hàng thanh toán các loại thuế/phí: thuế nhập khẩu, thuế VAT, phí THC, phí D/O, phí CFS tại kho Danalog

Trong quá trình làm thủ tục thông quan hàng hóa, các bên tham gia bao gồm Hải quan Đà Nẵng, chịu trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt hồ sơ; ngân hàng thương mại, là đơn vị tiếp nhận và xử lý khoản thuế nhập khẩu do doanh nghiệp nộp; khách hàng nhập khẩu, là người chịu trách nhiệm đóng thuế và phí; và Công ty Tiếp Vận Đỏ, đơn vị đại diện khách hàng thực hiện toàn bộ thủ tục và ứng trước thuế để đảm bảo tiến độ thông quan.

Về công nghệ sử dụng, công ty áp dụng hệ thống điện tử của Tổng cục Hải quan tại địa chỉ [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn) để kiểm tra trạng thái biến thuế sau khi nộp tiền. Ngoài ra, các phần mềm văn phòng nội bộ được dùng để soạn thảo hồ sơ, lưu trữ chứng từ và gửi thư điện tử cho cơ quan chức năng và các bên liên quan.

Trong quá trình này, một số vấn đề có thể phát sinh như hệ thống chưa cập nhật kịp thời thông tin nộp thuế khiến tờ khai không thể xử lý đúng hạn, hoặc hồ sơ bị thiếu, sai thông tin dẫn đến việc hải quan yêu cầu bổ sung. Ngoài ra, nếu mã HS khai chưa

chuẩn xác hoặc điều kiện giao hàng chưa được thể hiện đúng, có thể làm phát sinh thêm thuế và các chi phí khác.

Nhìn chung, quá trình làm thủ tục thông quan phụ thuộc nhiều vào độ chính xác của hồ sơ và khả năng cập nhật kịp thời của hệ thống hải quan. Mặc dù Tiếp Vận Đỏ đã chủ động hỗ trợ khách hàng trong việc nộp thuế và hoàn thiện chứng từ, nhưng vẫn có thể bị ảnh hưởng nếu xảy ra trục trặc từ phía khách hàng hoặc cơ quan thuế. Tuy nhiên, việc ứng dụng hệ thống điện tử giúp tiết kiệm đáng kể thời gian xử lý và giảm thiểu sai sót so với hình thức truyền thống.

### **Nhân xét:**

Trong quá trình làm thủ tục thông quan tại cảng và cán bộ hải quan ở cảng cũng giúp đỡ, hỗ trợ cho nhân viên rất tận tình. Tuy nhiên vẫn còn một số điểm hạn chế như việc thông quan diễn ra tại cảng còn mất nhiều thời gian và tốn chi phí đi lại cho công ty. Với chính sách thay đổi liên tục về thủ tục hải quan hoặc thuế, khiến nhân viên phải cập nhật liên tục và mất thời gian điều chỉnh hồ sơ.

#### **• *Bước 5: Nhận lệnh giao hàng***

Sau khi nhận được kết quả trên, công ty Tiếp Vận Đỏ liên hệ với nhà vận chuyển lấy lệnh giao hàng D/O và liên hệ với tài xế xe tải để chuẩn bị vận chuyển hàng. Ở đây có sự thay đổi về tên tàu, số chuyến, số container và số seal trong D/O

Sau khi nhận được lệnh giao hàng, công ty tiếp tục gửi email cho kho Danalog – đơn vị lưu trữ hàng lẻ tại Đà Nẵng – để thông báo kế hoạch lấy hàng. Nội dung email cần rõ ràng, bao gồm thông tin lô hàng, người nhận, thời gian dự kiến đến kho và các tài liệu đính kèm. Những chứng từ bắt buộc gồm có: giấy giao nhận thông quan (GGT), mã vạch thông quan được in từ hệ thống Hải quan điện tử, và bản sao lệnh giao hàng điện tử.

Việc lấy mã vạch thông quan cũng là một bước quan trọng. Nhân viên cần truy cập vào trang web của Tổng cục Hải quan, nhập đầy đủ các thông tin tờ khai, mã doanh nghiệp và chi tiết liên quan để trích xuất danh sách mã vạch, sau đó in ra và nộp kèm bộ hồ sơ. Song song đó, tài xế được điều phối để đến kho lấy hàng, mang theo đầy đủ hồ sơ đã chuẩn bị trước đó.

Tuy quy trình không quá phức tạp, nhưng đòi hỏi sự phối hợp chính xác giữa các bộ phận. Việc hãng tàu trả lệnh chậm, sai mã container hoặc thiếu chứng từ có thể khiến kho

từ chối giao hàng, tài xế phải quay đầu hoặc lô hàng bị lưu bãi ngoài dự kiến. Vì vậy, sự chín chu trong khâu chuẩn bị chứng từ, xác minh thông tin và liên hệ giữa các bên là yếu tố then chốt để đảm bảo tiến độ giao hàng suôn sẻ..

### **Nhận xét:**

Quy trình nhận EDO tuy giúp đơn giản hóa thủ tục so với lệnh giấy nhưng vẫn còn một số hạn chế. Việc phụ thuộc vào email dễ dẫn đến tình trạng thất lạc, chậm trễ hoặc gửi sai thông tin nếu email đăng ký không chính xác. Thủ tục đăng ký EDO lần đầu với hãng tàu vẫn còn thủ công, mất thời gian và thiếu hướng dẫn rõ ràng.

Việc tồn tại hai phương án nhận EDO (khách hàng tự nhận hoặc ủy quyền cho công ty dịch vụ) dễ gây nhầm lẫn, chồng chéo trách nhiệm và khó kiểm soát tiến độ. Quy trình kiểm tra nội dung EDO hiện vẫn chủ yếu do nhân viên chứng từ thực hiện thủ công, dễ xảy ra sai sót nếu không có bảng kiểm chuẩn. Bên cạnh đó, mỗi hãng tàu có thể áp dụng quy trình khác nhau và thay đổi theo thời điểm, gây khó khăn trong việc cập nhật và triển khai thống nhất.

- **Bước 6: Nhận hàng từ kho CFS và giao cho khách hàng**

Nhân viên giao nhận mang bộ hồ sơ đến kho CFS để làm thủ tục nhận hàng. Tại kho, hàng hóa được kiểm tra về:

- Số lượng
- Tình trạng bao bì
- Ký mã hiệu
- Tình trạng hư hỏng nếu có

Sau khi hoàn tất kiểm tra, hàng được bốc xếp lên xe tải và vận chuyển đến địa điểm giao hàng theo yêu cầu của khách hàng. Trong quá trình giao hàng, công ty theo dõi tiến độ vận chuyển để đảm bảo hàng hóa được giao đúng thời gian và đúng số lượng.

Quy trình này có sự phối hợp của nhiều bên: Tiếp Vận Đồ điều phối toàn bộ, kho Danalog xử lý và kiểm hàng, hãng tàu hoặc đại lý cung cấp D/O, và đơn vị vận tải chịu trách nhiệm giao hàng. Một số rủi ro có thể xảy ra như móp container, mất seal, hư hỏng

hàng, nhằm lẫn khi tách hoặc thất lạc chứng từ – vì vậy việc kiểm tra kỹ và giám sát sát sao là rất quan trọng.

Về mặt công nghệ, ngoài hệ thống email và phần mềm xử lý văn bản thông thường, nhân viên sử dụng các công cụ kiểm tra mã vạch thông quan từ cổng thông tin Hải quan Việt Nam và ứng dụng phương tiện cơ giới như xe nâng để xử lý hàng hóa tại kho.

Tuy nhiên, trong bước này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể phát sinh. Một số rủi ro thường gặp là tình trạng container bị móp méo, mất niêm phong (seal), kiện hàng bị hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình tách hàng tại kho hoặc thất lạc chứng từ khi giao nhận. Ngoài ra, nếu nhân viên thiếu kinh nghiệm kiểm tra, có thể dẫn đến việc giao sai hàng, ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và uy tín công ty.

Tổng thể, quá trình nhận hàng từ kho CFS và bàn giao cho khách hàng là bước cuối cùng nhưng có vai trò rất quan trọng trong quy trình giao nhận hàng lẻ nhập khẩu. Việc phối hợp tốt giữa các bên, kiểm tra kỹ chứng từ và giám sát sát sao quá trình giao nhận giúp hạn chế rủi ro, đảm bảo hàng được giao đúng, đủ, an toàn và đúng hẹn. Đây cũng là một trong những điểm thể hiện năng lực tổ chức dịch vụ của công ty Tiếp Vận Đỏ trong chuỗi cung ứng hàng hóa nhập khẩu hiện nay.

- **Bước 7: Quyết toán và bàn giao hồ sơ**

Sau khi hoàn tất giao hàng, công ty tiến hành tổng hợp các chi phí phát sinh và lập Debit Note gửi khách hàng để thanh toán.

Bộ phận chứng từ thực hiện lưu trữ toàn bộ hồ sơ lô hàng gồm:

- Tờ khai hải quan
- Hóa đơn thương mại
- Phiếu đóng gói
- Vận đơn
- Lệnh giao hàng
- Biên bản giao nhận

Việc lưu trữ chứng từ giúp công ty phục vụ công tác đối chiếu, quyết toán và xử lý khiếu nại nếu phát sinh.

Công nghệ hỗ trợ trong giai đoạn này bao gồm phần mềm kế toán nội bộ, hệ thống email doanh nghiệp và công cụ lưu trữ số liệu trên nền tảng đám mây (cloud) để đảm bảo dữ liệu không bị thất lạc. Các bản scan chứng từ cũng được lưu trữ nội bộ nhằm phục vụ việc đối chiếu, kiểm toán, hoặc khi có khiếu nại sau này từ khách hàng hoặc cơ quan hải quan.

Về các bên tham gia, ngoài Công ty Tiếp Vận Đỏ giữ vai trò điều phối và cung cấp dịch vụ, còn có khách hàng là bên nhận hàng và thanh toán chi phí; bộ phận kế toán phụ trách lập hóa đơn; tài xế vận chuyển chịu trách nhiệm báo cáo giao hàng và cung cấp biên nhận; đồng thời, bộ phận chứng từ chịu trách nhiệm tổng hợp, lưu trữ và bàn giao tài liệu.

Tuy nhiên, ở bước này cũng có thể phát sinh một số rủi ro như: nhầm lẫn trong số liệu chi phí, thất lạc chứng từ gốc, chậm gửi hóa đơn hoặc tranh chấp giữa hai bên liên quan đến phát sinh ngoài hợp đồng. Nếu không xử lý tốt, những sai sót nhỏ có thể ảnh hưởng đến việc thu hồi công nợ hoặc tạo ra khiếu nại kéo dài.

Tổng kết lại, bước quyết toán và bàn giao chứng từ là khâu chốt lại toàn bộ chuỗi dịch vụ, không chỉ mang ý nghĩa tài chính mà còn thể hiện sự chuyên nghiệp trong quy trình của Công ty Tiếp Vận Đỏ. Việc đảm bảo minh bạch, đầy đủ và chính xác trong khâu này giúp tạo niềm tin, giữ chân khách hàng và là nền tảng để tiếp tục hợp tác trong các lô hàng tiếp theo.

### **Nhận xét:**

Quy trình nghiệp vụ giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đò được thực hiện đầy đủ, rõ ràng và đúng trình tự. Sau khi hoàn tất việc giao hàng và thông quan, nhân viên giao nhận lập biên bản quyết toán và bàn giao chứng từ cho bộ phận liên quan, thể hiện sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận trong công ty.

Bộ phận kế toán nhanh chóng gửi hóa đơn, giấy báo nợ đến khách hàng để yêu cầu thanh toán qua chuyển khoản, đảm bảo quy trình tài chính minh bạch và thuận tiện. Sau khi nhận được thanh toán, nhân viên chứng từ bàn giao đầy đủ hồ sơ cho khách hàng và lưu giữ một bản tại công ty để phục vụ việc đối chiếu, xử lý khiếu nại nếu có.

### **2.3.3. Minh họa quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Đò**

#### **Bước 1: Báo giá và ký hợp đồng với khách hàng**

Trong thực tế, khách hàng là Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long đã ký kết hợp đồng ngoại thương để nhập khẩu máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy cuốn sườn đa chức năng tốc độ cao - Hiệu ZUSUN - Model : CM-9688XH-PF/ECV-DPC-T-H9 - 220V - Hàng đồng bộ tháo rời, mới 100% (1 Bộ = 1 cái), từ Công ty Zhejiang Zusun Sewing Machine Co., Ltd tại Trung Quốc theo điều kiện FOB cảng Shanghai.

Khi tàu đang trên đường đến cảng Tiên Sa – Đà Nẵng, khách hàng liên hệ với Công ty TNHH Tiếp Vận Đò để thuê dịch vụ logistics trọn gói. Khách hàng gửi trước các chứng từ gồm vận đơn đường biển, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói và giấy báo hàng đến để công ty kiểm tra và chuẩn bị khai báo hải quan.

Sau khi thống nhất giá cả và phạm vi công việc, hai bên tiến hành ký kết hợp đồng dịch vụ logistics.

#### **Bước 2: Nhận và kiểm tra chứng từ**

Sau khi nhận bộ chứng từ từ khách hàng, nhân viên chứng từ của Công ty TNHH Tiếp Vận Đò tiến hành kiểm tra chi tiết từng loại giấy tờ.

Bộ chứng từ thực tế của lô hàng bao gồm:

- Lệnh giao hàng (Delivery order)



## MS VTEC SHIPPING

63 Xuan Hong Str., Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: 84-28-39481888

Fax: +84 - 28 3948 3338

Website: msvtec.com.vn

Email: msvtec@msvtec.com.vn

Số : SI0825100010-1

### LỆNH GIAO HÀNG (DELIVERY ORDER)

**KÍNH GỬI:** HẢI QUAN CẢNG TIỀN SA, ĐÀ NẴNG; KHO DANALOG - 34CEC01  
CÁC CƠ QUAN HỮU QUAN

Công ty MS VTEC SHIPPING trân trọng yêu cầu Quý cơ quan giao lô hàng cho:

**Consignee:** HA LONG TRADING & SERVICES CO., LTD  
340B, HOANG VAN THU ST, TAN SON NHAT WARD, HCM CITY, VIETNAM

**Tàu / Chuyển** : SITC DALIAN / 2528S **Đến ngày** : Oct 30, 2025  
(Vessel/Voy) (Date of Arrival)

**Từ** : SHANGHAI **Đến cảng** : TIEN SA, DA NANG  
(From) (Terminal)

**Vận đơn chính số** : GXSAG25101054 **Final Destination** : KHO DANALOG - 34CEC01  
(M-B/L)

**Vận đơn phụ số** : EL251055892 **Kho CFS** : KHO DANALOG - 34CEC01  
(H-B/L)

| SỐ CONTAINER<br>Container No.                  | Loại<br>Type | SỐ LƯỢNG<br>Quantity | TÊN HÀNG HÓA<br>Description | TRỌNG/KHỐI LƯỢNG<br>Weight/Measurement |
|------------------------------------------------|--------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------------------|
| PART OF CONTAINER.<br>SITU9234157 / SITE155840 | CFS/CFS      | 38<br>PACKAGES       | INDUSTRIAL SEWING MACHINE   | 2,047.000 KGS<br>9.676 CBM             |

Rất cảm ơn sự hợp tác và ủng hộ của Quý khách hàng

Ký nhận đủ bộ chứng từ  
Ngày

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 11 năm 2025

MS VTEC SHIPPING

  
Ngô Hoàng Quang Luân

Họ và tên:  
Số điện thoại:  
Mã số thuế:



Số : QIM075928-18

## LỆNH GIAO HÀNG (DELIVERY ORDER)

**KÍNH GỬI:** CẢNG DANANG, DANALOG  
**To:** HẢI QUAN CẢNG DANANG, DANALOG

Công ty **QUANTERM LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD** trân trọng yêu cầu Quý cơ quan giao lô hàng cho:

**Consignee:** MS VTEC SHIPPING  
 63 XUAN HONG ST., BAY HIEN WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

|                                     |                       |                                      |                   |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|-------------------|
| <b>Tàu / Chuyển</b><br>(Vessel/Voy) | : SITC DALIAN / 2528S | <b>Đến ngày</b><br>(Date of Arrival) | : Nov 01, 2025    |
| <b>Từ</b><br>(From)                 | : SHANGHAI            | <b>Đến cảng</b><br>(Terminal)        | : DANANG, DANALOG |
| <b>Vận đơn chính số</b><br>(M-B/L)  | : SITGSHDAQ260324     | <b>Vận đơn phụ số</b><br>(H-B/L)     | : GXSAG25101054   |

| SỐ CONTAINER/ SỐ NIÊM CHỈ<br>Container No./ Seal No.                              | Loại<br>Type | SỐ LƯỢNG<br>Quantity | TÊN HÀNG HÓA<br>Description | TRỌNG KHỐI LƯỢNG<br>Weight/Measurement |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------------------|
| A PART OF 01X40' HC<br>SITU9234157/SITE155840<br><br>AS PER BILL<br>Surrender B/L | CFS/CFS      | 38 PKGS              | AS PER BILL OF LADING       | 2,047.0000 KGS<br>9.6760 CBM           |

Rất cảm ơn sự hợp tác và ủng hộ của Quý khách hàng  
 (Thank you for your support always!)

Ký nhận đủ bộ chứng từ (D/O receiver's signature)  
 Ngày (date)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2025  
 TL Giám Đốc  
 PHÒNG NGHIỆP VỤ  
 For and on behalf of

**Lưu ý quan trọng:**  
 Vui lòng cơ email của chúng tôi để được xác nhận về dạng EDO  
 nếu khách hàng đồng ý hình thức nhận hàng qua email tại kho  
 DANALOG.  
 document.dan@quanterm.com.vn  
 cs.dan@quanterm.com.vn

QUANTERM LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD  
 AS AGENT

**Hình 2.2: Lệnh giao hàng**

**浙江中森缝纫机有限公司**  
**ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.**  
 3 BUILDING, NO. 818 HAIFENG ROAD, TAIZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA  
 TEL: 0576-88221258 FAX: 0576-88221138

| FROM (SHIPPER) :<br>ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.<br>3 BUILDING, NO. 818 HAIFENG ROAD,<br>TAIZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA<br>TEL: 0576-88221258 FAX: 0576-88221138<br>Email: zusun@zusun.com |                           | <div style="text-align: center;"> <b>装箱单</b><br/><br/> <b>PACKING LIST</b> </div> |                  |            |             |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------|-------------|---------------|
| TO (CONSIGNEE) :<br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>340B HOANG VAN THU ST, WARD TAN SON NHAT .<br>HCM CITY . VIETNAM<br>Tel: 84- 0916752736<br>Mail: halong@halonghhl.com                               |                           | INVOICE NO: ZS025194-M<br><br>INVOICE DATE: OCT 16TH, 2025                        |                  |            |             |               |
| MAKRS<br>& NOS.                                                                                                                                                                                               | DESCRIPTION               | QTY<br>SETS                                                                       | Package<br>CASES | G.W<br>KGS | N.W.<br>KGS | VOLUME<br>CBM |
| N/M                                                                                                                                                                                                           | INDUSTRIAL SEWING MACHINE |                                                                                   |                  |            |             |               |
|                                                                                                                                                                                                               | CM-9688XH-PF/ECV-DPC-T-H9 | 6                                                                                 | 6                | 1056,00    | 837,00      | 6,672         |
|                                                                                                                                                                                                               | CM-3883P-DD               | 6                                                                                 | 12               | 411,00     | 348,00      | 1,254         |
|                                                                                                                                                                                                               | CM-364-QD3                | 10                                                                                | 20               | 580,00     | 500,00      | 1,750         |
| TOTAL:                                                                                                                                                                                                        |                           | 22                                                                                | 38               | 2047,00    | 1685,00     | 9,676         |

浙江中森缝纫机有限公司  
 ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.



**Hình 2.3: Phiếu đóng gói**

➤ Giấy thông báo hàng đến (Arrival notice): (01) bản gốc



**MS VTEC SHIPPING**

63 Xuan Hong Str., Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: 84-28-39481888      Fax: +84 - 28 3948 3338

Website: msvtec.com.vn      Email: msvtec@msvtec.com.vn

---

Số (No.) : SI0825100010-1

Lần (Time) : 2 (29/10/2025)

**THÔNG BÁO HÀNG ĐẾN**

*Arrival Notice*

KÍNH GỬI (To) : **HA LONG TRADING & SERVICES CO., LTD**  
**340B, HOANG VAN THU ST, TAN SON NHAT WARD, HCM CITY, VIETNAM**

Chúng tôi xin trân trọng thông báo lô hàng sau đây của Quý cơ quan được nhập về với các chi tiết sau:  
*We are pleased to inform you that your below shipment will import on:*

Người gửi (Shipper) : **ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD**

|                |                       |                       |                                |
|----------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|
| Tàu (Vessel)   | : <b>SITC DALIAN</b>  | Chuyến (Voy.)         | : <b>2528S</b>                 |
| Từ (From)      | : <b>SHANGHAI</b>     | Đến cảng (Terminal)   | : <b>TIEN SA, DA NANG</b>      |
| Ngày đến (ETA) | : <b>Oct 30, 2025</b> | Final Destination     | : <b>KHO DANALOG - 34CEC01</b> |
| P/M Term       | : <b>COLLECT</b>      | Vận đơn chính (M-B/L) | : <b>GXSAG25101054</b>         |
| Ghi chú (Note) | : <b>CFS/CFS</b>      | Vận đơn phụ (H-B/L)   | : <b>EL251055892</b>           |

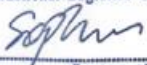
| SỐ CONTAINER<br><i>Container No.</i>           | SỐ LƯỢNG<br><i>Quantity</i> | TÊN HÀNG HÓA<br><i>Description</i> | TRỌNG/KHỐI LƯỢNG<br><i>Weight/Measurement</i> |
|------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------|
| PART OF CONTAINER.<br>SITU9234157 / SITE155840 | 38<br>PACKAGES              | INDUSTRIAL SEWING MACHINE          | 2,047.000 KGS<br>9.676 CBM                    |

**GIAO HÀNG THEO: TELEX RELEASE**

|                                     |               |       |     |           |    |                         |
|-------------------------------------|---------------|-------|-----|-----------|----|-------------------------|
| <input checked="" type="checkbox"/> | D/O           | 1.000 | SET | 658,625   | 8% | 658,625 (VND)           |
| <input checked="" type="checkbox"/> | HANDLING      | 1.000 | SET | 658,625   | 8% | 658,625 (VND)           |
| <input checked="" type="checkbox"/> | CFS           | 9.676 | CBM | 500,555   | 8% | 4,843,370 (VND)         |
| <input checked="" type="checkbox"/> | THC           | 9.676 | CBM | 210,760   | 8% | 2,039,314 (VND)         |
| <input checked="" type="checkbox"/> | CIC           | 9.676 | CBM | 131,725   | 8% | 1,274,571 (VND)         |
| <input checked="" type="checkbox"/> | OCEAN FREIGHT | 9.676 | CBM | 1,317,250 |    | 12,745,711 (VND)        |
| <b>Total Before Tax</b>             |               |       |     |           |    | <b>22,220,216 (VND)</b> |
| <b>Total Tax</b>                    |               |       |     |           |    | <b>757,961 (VND)</b>    |
| <b>Total After Tax</b>              |               |       |     |           |    | <b>22,978,177 (VND)</b> |

**Hình 2.4: Giấy thông báo hàng đến**

➤ Vận đơn (Bill Of Lading) : (01) Copy

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Shipper</b><br>ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.<br>3 BUILDING, NO. 818 HAIFENG ROAD,<br>TAIZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA<br>TEL: 0576-88221258 FAX: 0576-88221138<br>Email: zusun@zusun.com                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                        | B/L NO. EL251055892                                                                                                                                                                                          |                                                 |
| <b>Consignee</b><br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>3408 HOANG VAN THU ST.<br>WARD TAN SON NHAT . HCM CITY . VIETNAM<br>Tel: 84- 0916752736<br>Mail: halong@halonghhl.com                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        |  <b>ET International Logistics Co., Ltd.</b><br>Stock Code: 835405                                                          |                                                 |
| <b>Notify Party</b><br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>3408 HOANG VAN THU ST.<br>WARD TAN SON NHAT . HCM CITY . VIETNAM<br>Tel: 84- 0916752736<br>Mail: halong@halonghhl.com                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                        | <b>BILL OF LADING ORIGINAL</b>                                                                                                                                                                               |                                                 |
| <small>RECEIVED in apparent good order and condition except as otherwise noted the total number of containers or other packages or units enumerated below for transportation from the place of receipt to the place of delivery subject to the terms and conditions hereof. One of the Bills of Lading must be surrendered duly endorsed in exchange for the goods or delivery order. On presentation of this document duly endorsed to the Carrier by or on behalf of the Holder of the Bill of Lading, the rights and liabilities arising in accordance with the terms and conditions hereof shall, without prejudice to any rule of common law or statute rendering them binding on the Merchant, become binding in all respects between the Carrier and the Holder of the Bill of Lading through the contract evidenced hereby had been made between them. IN WITNESS whereof the number of original Bills of Lading stated under have been signed, all of this tenor and date, one of which being accomplished, the other(s) to be void.</small> |                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Pre-carriage by                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Place of Receipt       |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Ocean Vessel                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Port of Loading        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Voy No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Port of Discharge      |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| SITC DALIAN 2528S                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | DA NANG, VIETNAM       |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Place of Delivery                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | DA NANG, VIETNAM       |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Container No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Seal No. Marks & Nos.  | No of containers or P kgs                                                                                                                                                                                    | Kind of Packages: Description of Goods          |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                        | 38 PACKAGES                                                                                                                                                                                                  | INDUSTRIAL SEWING MACHINE<br>HS CODE : 84522900 |
| HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>DA NANG, VIETNAM<br>MADE IN CHINA<br>C/N: 1-38                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                        | Gross Weight                                                                                                                                                                                                 | Measurement                                     |
| SITU9234157/SITE155840/40HC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                        | 2047KGS                                                                                                                                                                                                      | 9.676CBM                                        |
| CPS-CFS LCL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| SHIPPER'S LOAD, COUNT & SEAL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                        | FREIGHT COLLECT                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                        | SAY THIRTY EIGHT PACKAGES ONLY                                                                                                                                                                               |                                                 |
| DETERMINED BY                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Revenue Tons           | Rate                                                                                                                                                                                                         | Per                                             |
| MS VITEC SHIPPING                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | WARD, HO CHI MINH      | CITY, VIETNAM                                                                                                                                                                                                | Thuy                                            |
| ID : 0300401524-034                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | HP 84 935 145 195, Ms. |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| TEL: 84-28-39481888, HP 84 935 145 195, Ms.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Email: import.group@msvitec.com.vn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| Ex Rate: Prepaid at Payable at<br>Total Prepaid No. of Original B/L's L THREE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                        | Prepaid<br><b>TELEX RELEASE</b><br>For and on behalf of<br>ET International Logistics Co., Ltd.<br><br>Department Manager |                                                 |
| Place and date of issue<br>SHANGHAI OCT 26, 2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                        | Signed for the Carrier<br>AS AGENT FOR THE CARRIER:                                                                                                                                                          |                                                 |
| ET INTERNATIONAL LOGISTICS CO., LTD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        |                                                                                                                                                                                                              |                                                 |
| By (TERMS CONTINUED ON BACK HEREOF)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        | AUTHORIZED SIGNATURE                                                                                                                                                                                         |                                                 |

Hình 2.5: Vận đơn

• **Bước 3: Khai báo hải quan điện tử và nhận kết quả phân luồng**

**a) Khai báo hải quan điện tử trên phần mềm ECUS VNACCS**

Trước khi tiến hành khai báo, nhân viên chứng từ cần lập các thông số cần thiết để kết nối đến hệ thống Hải quan. Truy cập các chức năng từ MENU “Hệ thống” chọn lệnh số 7 “Chọn doanh nghiệp xuất nhập khẩu là nhập khẩu (IDA)” hoặc chọn biểu tượng “IDA”. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long, điền các thông tin cần thiết của Công

ty nhập khẩu (Mã doanh nghiệp, tên doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại) sau đó bấm “Ghi”.



Hình 2.6: Giao diện phần mềm ECUS5

### Bước 3.2: chọn tờ khai

Trên giao diện phần mềm, vào mục “Tờ khai hải quan” chọn “Đăng ký mới tờ khai nhập khẩu (IDA)” hoặc chọn biểu tượng “IDA”.



Hình 2.7: Thông tin đăng ký tờ khai hải quan điện tử

### Bước 3.3: Nhập thông tin tại Tab “Thông tin chung”

Trên giao diện thông tin chung của tờ khai, tiến hành nhập dữ liệu vào, những ô có dấu sao màu đỏ là bắt buộc, còn các ô màu xám sẽ do hệ thống tự động điền sau khi các phần còn lại được hoàn tất.

#### Nhóm loại hình:

Trong phần “Nhóm loại hình” của tờ khai hải quan điện tử, người khai cần lựa chọn mã loại hình phù hợp với mục đích nhập khẩu, xác định cơ quan hải quan tiếp nhận, phân loại

giao dịch giữa cá nhân hay tổ chức, chọn bộ phận xử lý tờ khai, và phương thức vận chuyển. Đây là những thông tin nền tảng giúp hệ thống phân luồng và xử lý chính xác tờ khai.

**Hình 2.8: Thông tin nhóm loại hình**

**- Đơn vị xuất nhập khẩu:**

• *Người nhập khẩu:*

Hệ thống tự động cập nhật tên doanh nghiệp, mã doanh nghiệp và địa chỉ. Do đó ở bước trên khi khai thông tin doanh nghiệp Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long trên hệ thống đã có sẵn dữ liệu.

**Hình 2.9: người nhập khẩu**

• *Đơn vị xuất khẩu:*

Thông tin người nhập khẩu hệ thống sẽ tự động điền, chúng ta cũng có thể bổ sung hoặc chỉnh sửa; nhập vào thông tin của người xuất khẩu là Công ty Zhejiang Zusun Sewing Machine Co., Ltd.

Người xuất khẩu

Mã:

Tên: \*

Mã bưu chính:

Địa chỉ: \*

Mã nước:

**Hình 2.10: người xuất khẩu**

- **Vận đơn:**

Nhập vào các thông tin về vận chuyển hàng hóa chính xác như số vận đơn, phương tiện vận chuyển, cảng địa điểm dỡ/xếp hàng, tổng trọng lượng hàng (gross weight).

Vận đơn

☒ Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng biển.  
☐ Khai báo số định danh theo chuẩn quản lý giám sát Hải quan tự động tại Cảng hàng không

Số vận đơn:  Ngày vận đơn:  Số HAWB:  Năm MAWB:

|   | Số vận đơn        | Ngày vận đơn | Số HAWB | Năm MAWB |
|---|-------------------|--------------|---------|----------|
| 1 | 261025EL251055892 | 26/10/2025   |         |          |
| 2 |                   |              |         |          |
| 3 |                   |              |         |          |
| 4 |                   |              |         |          |
| 5 |                   |              |         |          |

[Khai báo thông tin ngày vận đơn trong chi tiết trị giá](#)

Số lượng kiện: \*  PK

Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến:

Ký hiệu và số hiệu bao bì:

Phương tiện vận chuyển:

Ngày hàng đến: \*

Địa điểm dỡ hàng:

Địa điểm xếp hàng: \*

Số lượng Container:

Mã kết quả kiểm tra nội dung:

Nhấn F3: Chọn địa điểm dỡ hàng từ danh mục

**Hình 2.11: Thông tin vận đơn**

*Thông tin vận đơn*

- Mã địa điểm lưu kho và chờ thông qua dự kiến:

Ở phần này, nhân viên chứng từ cần điền mã địa điểm lưu kho, thông tin về phương tiện vận chuyển, cảng xếp/dỡ hàng, số lượng container và tổng trọng lượng hàng. Các dữ liệu này được lấy từ vận đơn và thông báo hàng đến.

### Bước 3.4: Nhập thông tin vào “Thông tin chung 2”

#### ❖ Hóa đơn thương mại:

Dựa vào hóa đơn thương mại để điền thông tin vào mục thông tin chung 2 như: loại hóa đơn sử dụng, số hóa đơn và ngày phát hành, tổng trị giá ghi trên hóa đơn, điều kiện giao hàng theo hợp đồng (ví dụ: FCA, FOB...), phương thức thanh toán giữa hai bên, cùng loại tiền tệ sử dụng để giao dịch...

Hình 2.12: Thông tin về hóa đơn thương mại

#### ❖ Tờ khai trị giá

Trong phần tờ khai trị giá, người khai cần lựa chọn phương pháp xác định trị giá hải quan phù hợp, thường là trị giá giao dịch. Đồng thời, khai báo rõ hình thức thanh toán quốc tế, tình trạng bảo hiểm của lô hàng và xác định đúng đối tượng nộp thuế. Đây là căn cứ quan trọng để cơ quan hải quan tính thuế chính xác và kiểm soát tính minh bạch trong giao dịch.

#### ❖ Thuế và bảo lãnh:

Mã xác định thời hạn nộp thuế: “D” – “Trường hợp nộp thuế ngay”

### Bước 3.5: Nhập thông tin vào Tab “Danh sách hàng”

Điền đầy đủ các thông tin của mặt hàng nhập khẩu (gồm: Tên hàng, mã HS, xuất xứ, lượng, đơn vị tính, đơn giá hóa đơn, trị giá hóa đơn, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng,...) tên hàng khai báo cần điền đầy đủ, rõ ràng thể hiện những đặc trưng cơ bản nhất của hàng hóa, đảm bảo tên hàng đã khai báo có đủ điều kiện để phân loại vào mã số thuế của ô mã HS. Tiếp theo, nhập xuất xứ hàng hóa, số lượng, đơn vị tính, đơn giá theo hóa đơn, tổng trị giá hóa đơn. Cuối cùng, điền các thông tin về thuế suất nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng dựa trên trị giá tính thuế hệ thống tự tính toán. Tất cả dữ liệu cần khớp với chứng từ thương mại kèm theo.

| STT | Mã hàng | Tên hàng (mô tả chi tiết)                                                                                                                                                                     | Mã HS    | Xuất xứ | Lượng  | Đơn vị tính | Lượng 2 | Đơn vị tính 2 | Đơn giá hóa đơn | Trị giá hóa đơn | Đơn giá tính |
|-----|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|--------|-------------|---------|---------------|-----------------|-----------------|--------------|
| 1   |         | Máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy cuốn sụn da chức năng tốc độ cao - Hiệu ZUSUN - Model : CM-9688XH-PF/ECV-DPC-T-H9 - 220V - Hàng đóng bộ tháo rời, mới 100% ( 1 Bộ = 1 cái ) | 1 300    | CHINA   | 6 SET  |             | 6 PCE   |               | 2,300.0         | 13,800          |              |
| 2   |         | Máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy 3 kim móc xích đồng cơ liên tục tốc độ cao - Hiệu ZUSUN - Model : CM-3883P-DD - 220V - Hàng đóng bộ tháo rời, mới 100% ( 1 Bộ = 1 cái )     | 84522900 | CHINA   | 6 SET  |             | 6 PCE   |               | 315.0           | 1,890           |              |
| 3   |         | Máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy vắt gấu - Hiệu ZUSUN - Model : CM-364-QD3- Điện áp 220V - Hàng đóng bộ tháo rời, mới 100% ( 1 Bộ = 1 cái )                                  | 84522900 | CHINA   | 10 SEK |             | 10 PCE  |               | 705.0           | 7,050           |              |
| *   |         |                                                                                                                                                                                               |          |         |        |             |         |               |                 |                 |              |

**Hình 2.13: Danh sách hàng**

Nhập thông tin tờ khai, nhân viên chứng từ nhấp vào nút “Ghi” để lưu dữ liệu.

Nhân viên chứng từ kiểm tra lại thông tin và chọn mã nghiệp vụ “02” khai trước thông tin tờ khai (IDA) để gửi thông tin.

Sau khi đăng ký thành công bản khai trước thông tin tờ khai, kiểm tra đúng thông tin hệ thống trả về, nhân viên chứng từ tiến hành đăng ký khai chính thức tờ khai với Hải quan, chọn mã nghiệp vụ “03” khai chính thức thông tin tờ khai (IDC). Khi thực hiện bước này tờ khai được khai chính thức và được hệ thống Hải quan xử lý thông quan và các nghiệp vụ tiếp theo, Khi khai báo thành công khung “Khai báo tờ khai thành công” hiện lên.

Khai báo thành công, tờ khai hải quan được đưa vào tiến hành các thủ tục thông quan hàng hóa. Nhấn vào nghiệp vụ “04” để lấy kết quả phân luồng, thông quan.

#### b) Nhận kết quả phân luồng

Khi đã đảm bảo nhập hoàn tất các thông tin cần thiết, nhấn vào nghiệp vụ “4. Lấy kết quả phân luồng, thông quan” để hoàn thành việc khai báo hải quan và chờ kết quả phân luồng

- **Bước 4: Mở tờ khai hải quan tại hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng**

Sau khi nhận kết quả luồng vàng, nhân viên công ty Tiếp Vận Đồ tiến hành nộp thuế nhập khẩu cho lô hàng thông qua ngân hàng.

Tiếp theo, công ty chuẩn bị bộ hồ sơ hải quan gồm:

- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu
- Hóa đơn thương mại
- Phiếu đóng gói
- Vận đơn đường biển

Nhân viên giao nhận mang hồ sơ đến Chi cục Hải quan Đà Nẵng để đăng ký tờ khai và làm thủ tục thông quan. Sau khi hồ sơ được kiểm tra hợp lệ, Hải quan xác nhận thông quan cho lô hàng.

• ***Bước 5: Nhận lệnh giao hàng***

Sau khi hàng được thông quan, Công ty Tiếp Vận Đồ liên hệ hãng tàu để nhận lệnh giao hàng (D/O).

Tiếp theo, công ty gửi email cho kho Danalog để thông báo kế hoạch lấy hàng và chuẩn bị hồ sơ gồm:

- Giấy giao nhận thông quan
- Mã vạch thông quan
- Lệnh giao hàng điện tử

Đồng thời công ty điều phối tài xế xe tải đến kho để nhận hàng.

• ***Bước 6: Nhận hàng từ kho CFS và giao cho khách hàng***

Hàng lẻ nhập từ Trung Quốc cập cảng Tiên Sa – Đà Nẵng. Sau khi thông quan, công ty Tiếp Vận Đồ sử dụng Lệnh giao hàng (D/O) và tờ khai hải quan (GGT) để làm thủ tục lấy container. Trước khi rời cảng, nhân viên kiểm tra niêm phong (seal) đảm bảo không bị mở hoặc thay đổi.

Container được vận chuyển đến kho CFS Danalog bằng xe tải chuyên dụng. Tài xế kiểm tra tình trạng container trước khi rời cảng và khi đến kho để đảm bảo an toàn. Tại kho Danalog, công ty Tiếp Vận Đồ đã thông báo trước để kho chuẩn bị khu vực làm hàng, xe nâng và nhân sự. Đại diện công ty cũng có mặt để giám sát quá trình mở container và tách hàng.

Khi mở container, kho và Tiếp Vận Đỏ lập biên bản ghi rõ số seal, tình trạng container và thời gian mở. Dựa trên vận đơn và packing list, nhân viên kho xác định đúng kiện hàng của công ty nhập khẩu, sau đó dùng xe nâng đưa ra khỏi container và đặt vào khu vực riêng để kiểm tra. Hàng được kiểm tra kỹ về số lượng, khối lượng, tình trạng bên ngoài (móp, rò rỉ, nứt vỡ...) và dấu kiểm dịch ISPM 15. Thông tin trên kiện hàng cũng được đối chiếu với chứng từ. Sau khi kiểm tra, biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa được lập và ký bởi cả kho Danalog và Tiếp Vận Đỏ.

Tiếp theo, công ty Tiếp Vận Đỏ thông báo tài xế đến nhận hàng. Sau khi ký nhận và kiểm tra chứng từ, hàng được vận chuyển bằng xe tải từ Đà Nẵng vào kho của Công ty CP Thương mại và Phân phối Thiết bị điện Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. Trong suốt quá trình này, Tiếp Vận Đỏ theo dõi tiến độ vận chuyển để đảm bảo hàng đến đúng thời gian, đủ số lượng và nguyên vẹn.

- ***Bước 7: Quyết toán và bàn giao hồ sơ***

Sau khi tài xế đã giao hàng thành công cho công ty Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long và gửi thông báo đã giao hàng thành công, công ty Tiếp Vận Đỏ lập hóa đơn (Debit note) bao gồm các chi phí dịch vụ, phí CFS, và các chi phí khác và gửi cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long để yêu cầu thanh toán các chi phí còn lại cho Công ty Tiếp Vận Đỏ.

Song song đó, nhân viên chứng từ của Tiếp Vận Đỏ thực hiện tổng hợp và bàn giao lại cho khách hàng bộ hồ sơ hoàn chỉnh bao gồm: bản sao tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại, vận đơn đường biển (House B/L), phiếu đóng gói, lệnh giao hàng, biên bản giao nhận tại kho CFS và tại điểm giao cuối cùng. Các chứng từ gốc quan trọng sẽ được gửi trực tiếp bằng đường chuyển phát nhanh hoặc bàn giao tận tay tùy theo yêu cầu của khách hàng.

#### **2.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ bằng đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ**

Tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, nguồn nhân lực đóng vai trò cực kỳ thiết yếu trong toàn bộ quy trình giao nhận hàng lẻ nhập khẩu bằng đường biển. Với số lượng nhân

sự không quá nhiều, mỗi cá nhân tại công ty đều đảm nhận nhiều đầu việc khác nhau, từ xử lý chứng từ, làm việc với hãng tàu, điều phối xe đến kiểm tra hàng tại cảng. Trong thực tế, không có sự phân chia phòng ban rõ ràng như tại các công ty logistics lớn mà nhân viên làm việc đa nhiệm theo nhóm.

Một nhân viên Logistics tại công ty không chỉ thực hiện khai tờ khai trên phần mềm ECUS mà còn trực tiếp kiểm tra bộ chứng từ do khách hàng gửi, liên hệ với hãng tàu để lấy lệnh giao hàng (Delivery Order), sau đó in tờ khai, mang hồ sơ xuống cảng Tiên Sa để làm việc với bộ phận giám sát cảng và hải quan cửa khẩu. Đặc biệt trong mùa cao điểm cuối năm, khi lượng hàng nhập khẩu tăng mạnh, có những ngày một nhân viên phải chạy 2 – 3 lượt giữa văn phòng và cảng, làm việc đến tối mới xong thủ tục. Việc thiếu nhân sự khiến công ty khó phân công người chuyên trách cho từng công đoạn. Nếu một nhân viên nghỉ phép hay có việc đột xuất, tiến độ xử lý hồ sơ sẽ bị chậm lại, kéo theo toàn bộ quy trình giao nhận bị ảnh hưởng dẫn đến việc khách không kịp phân phối cho đối tác.

Ngoài ra, do đội ngũ phần lớn là lao động trẻ (25–35 tuổi), tuy năng động nhưng chưa có nhiều năm kinh nghiệm, nên đôi khi xử lý tình huống còn thiếu linh hoạt. Trong một số trường hợp phân luồng đồ đột xuất, nhân viên mới chưa quen cách chuẩn bị hồ sơ kiểm hóa, khiến cho việc thông quan kéo dài hơn bình thường, phát sinh thêm phí lưu container và chi phí lưu bãi. Tuy nhiên, điểm mạnh là các nhân sự đều có tinh thần làm việc nhóm tốt, hỗ trợ lẫn nhau khi cao điểm. Việc trao đổi nội bộ nhanh, không rườm rà về quy trình nội bộ giúp công việc được xử lý linh hoạt hơn, nhất là khi phát sinh tình huống gấp như hàng đến sớm hơn dự kiến hoặc bị sai lệch khối lượng so với invoice.

Thực tế hoạt động cho thấy, chất lượng nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian xử lý hồ sơ, mức độ chính xác của tờ khai, khả năng phản ứng với thay đổi lịch tàu, cũng như hiệu quả phối hợp giữa các khâu. Tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, nếu nhân viên làm việc không sát tiến độ hoặc thiếu kiểm tra chéo, rất dễ phát sinh sai sót trong các bước như đặt booking, nhận hàng tại cảng hay bàn giao cho khách.

Do đó, trong điều kiện nhân lực còn mỏng, công ty cần tập trung vào đào tạo chéo, nâng cao kỹ năng thực hành và xây dựng kế hoạch dự phòng nhân sự khi có khối lượng công việc tăng đột biến. Việc đầu tư đúng vào con người không chỉ giúp quy trình LCL

vận hành ổn định mà còn là yếu tố then chốt giúp công ty giữ chân khách hàng lâu dài trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

**Nhận xét:**

Quy trình giao nhận hàng nhập khẩu tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ được triển khai chuyên nghiệp nhưng vẫn còn một số hạn chế. Yếu tố con người, đặc biệt là sự thiếu kinh nghiệm và chênh lệch về trình độ chuyên môn giữa các nhân viên, dễ dẫn đến sai sót trong khâu chứng từ và thủ tục hải quan, ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ tuy đã được chú trọng nhưng chưa đồng bộ, khiến nhiều công đoạn vẫn xử lý thủ công, làm tăng thời gian và chi phí. Để nâng cao hiệu quả, công ty cần tiếp tục hoàn thiện quy trình, đồng thời đầu tư nâng cao chất lượng nhân lực và hệ thống công nghệ quản lý.

**2.4. Đánh giá quy trình thực hiện nghiệp vụ giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ**

**2.4.1. Kết quả đánh giá**

**a) Ưu điểm**

- **Cam kết đúng thời gian giao hàng**

Tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, cam kết đảm bảo thời gian giao hàng là một trong những yếu tố then chốt nhằm tạo dựng niềm tin và uy tín với khách hàng, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành logistics hiện nay. Với đặc thù là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển – nơi thời gian giao hàng thường kéo dài do sự phụ thuộc vào nhiều bên liên quan và yếu tố khách quan như thời tiết, cảng biển, tàu vận tải, thủ tục hải quan... công ty vẫn nỗ lực kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn để đảm bảo tiến độ theo đúng lịch trình đã cam kết với khách hàng.

Ngay từ khi tiếp nhận thông tin lô hàng, đội ngũ nhân viên chứng từ và hiện trường đã phối hợp linh hoạt để lập kế hoạch xử lý hồ sơ và triển khai các bước giao nhận một cách nhịp nhàng. Việc khai báo hải quan được thực hiện nhanh chóng và chính xác nhờ hệ thống phần mềm khai báo điện tử VNACCS/VCIS. Đồng thời, nhân viên luôn theo dõi sát sao tiến độ thông quan, chủ động liên hệ với các cơ quan chức năng hoặc hãng tàu để xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi và phát sinh chi phí không cần thiết.

Bên cạnh đó, với mạng lưới đối tác vận chuyển nội địa rộng khắp và uy tín, công ty có thể nhanh chóng điều phối phương tiện vận tải phù hợp sau khi hàng được rút khỏi container tại cảng. Tất cả các khâu trong chuỗi hoạt động giao nhận – từ tiếp nhận thông tin, xử lý chứng từ, thông quan, vận chuyển hàng về kho khách hàng – đều được theo dõi và cập nhật liên tục để đảm bảo tiến độ giao hàng đúng thời gian đã cam kết trong hợp đồng dịch vụ.

- **Đảm bảo an toàn hàng hóa**

Đảm bảo an toàn hàng hóa là một trong những tiêu chí hàng đầu trong hoạt động giao nhận tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ. Mặc dù không sở hữu đội phương tiện vận tải hay kho hàng riêng, công ty vẫn thiết lập chặt chẽ các tiêu chuẩn phối hợp và kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với các nhà cung cấp dịch vụ liên kết. Trong suốt quá trình xử lý lô hàng, đội ngũ hiện trường trực tiếp giám sát các khâu như rút hàng khỏi container tại cảng Cát Lái, kiểm đếm số lượng kiện hàng, tình trạng bao bì, niêm phong... nhằm đảm bảo hàng hóa không bị thất lạc, móp méo, hư hỏng.

Các đối tác vận chuyển được công ty lựa chọn đều là những đơn vị uy tín, sở hữu đội xe tải mui bạt, xe thùng kín hoặc container phù hợp với từng loại hàng hóa cụ thể, có thiết bị chèn lót, đai cố định hàng hóa để tránh xô lệch trong quá trình di chuyển. Hơn nữa, công ty cũng thường xuyên cập nhật quy định, hướng dẫn nhân viên và tài xế kiểm tra kỹ lưỡng tình trạng phương tiện, sắp xếp hàng hóa hợp lý để giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận chuyển.

Ngoài ra, khi khách hàng có nhu cầu đặc biệt, công ty cũng sẵn sàng hỗ trợ tư vấn và triển khai các giải pháp đóng gói, bao bọc hàng hóa bằng vật liệu chống sốc, chống ẩm, túi khí chèn hàng... nhằm đảm bảo tính nguyên vẹn tối đa cho từng kiện hàng trong suốt quá trình di chuyển từ cảng về kho.

- **Cam kết bảo hiểm hàng hóa**

Nhằm giảm thiểu tổn thất và tăng mức độ bảo đảm cho khách hàng, Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ luôn khuyến khích khách hàng mua bảo hiểm hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển từ cảng đến kho. Đối với các lô hàng có giá trị cao hoặc dễ hư hỏng, nhân viên công ty sẽ chủ động tư vấn các gói bảo hiểm phù hợp về mức độ đền bù, điều kiện loại trừ và quyền lợi của khách hàng. Điều này không chỉ giúp bảo vệ tài sản của khách mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự chuyên nghiệp và uy tín trong dịch vụ giao nhận mà công ty cung cấp.

Khi xảy ra sự cố, công ty hỗ trợ nhanh chóng làm hồ sơ bồi thường, cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng từ cần thiết như biên bản giao nhận hàng, hình ảnh hiện trạng, phiếu cân... để phối hợp cùng đơn vị bảo hiểm giải quyết quyền lợi cho khách hàng một cách minh bạch và nhanh chóng.

- **Tối ưu hóa chi phí cho khách hàng**

Mặc dù không sở hữu phương tiện vận tải hay kho bãi riêng, Tiếp Vận Đỏ vẫn duy trì mức giá dịch vụ cạnh tranh nhờ vào chiến lược tối ưu hóa nguồn lực thông qua mạng lưới đối tác rộng lớn, đàm phán giá cước hợp lý, giảm chi phí phát sinh không cần thiết. Bên cạnh đó, công ty không phải chịu các chi phí đầu tư cố định lớn như bảo trì xe tải, thuê kho bãi cố định... nên có thể linh hoạt định giá theo từng lô hàng và từng tuyến vận chuyển cụ thể.

Nhân viên điều độ và chăm sóc khách hàng có khả năng đánh giá nhanh về tình hình thực tế, đưa ra phương án vận chuyển tối ưu, tiết kiệm chi phí nhất cho khách hàng mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa – đối tượng khách hàng chính của Tiếp Vận Đỏ – khi họ luôn cân nhắc giữa chất lượng và chi phí trong mỗi quyết định lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ logistics.

- **Năng lực phối hợp và cập nhật công nghệ**

Mặc dù chưa có hệ thống phần mềm quản lý chuyên sâu như các công ty logistics quy mô lớn, nhưng Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ vẫn đang từng bước cải tiến và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động vận hành. Toàn bộ chứng từ được lưu trữ và cập nhật thường xuyên trên hệ thống nội bộ, có thể truy xuất khi cần. Việc khai báo hải quan được thực hiện thông qua phần mềm VNACCS/VCIS tích hợp chữ ký số, giúp đẩy nhanh tiến độ thông quan và hạn chế sai sót.

Bên cạnh đó, công ty cũng duy trì liên lạc chặt chẽ với khách hàng thông qua email, điện thoại và các nền tảng giao tiếp điện tử để cập nhật tình trạng lô hàng theo từng mốc quan trọng: thông quan, rút hàng tại cảng, giao hàng đến kho... Điều này giúp khách hàng luôn chủ động trong việc sắp xếp kho bãi, nhân lực tiếp nhận hàng, cũng như xử lý kịp thời nếu phát sinh sự cố.

## **b) Nhược điểm**

- **Hạn chế về thời gian phản hồi báo giá cho khách hàng**

Tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, hoạt động báo giá dịch vụ giao nhận cho khách hàng phụ thuộc nhiều vào thông tin từ các đối tác vận tải, đại lý hãng tàu và đơn vị gom hàng (consolidator). Với các tuyến vận chuyển quen thuộc hoặc dịch vụ phổ biến, nhân viên kinh doanh có thể gửi báo giá nhanh chóng do đã có dữ liệu mẫu. Tuy nhiên, trong các trường hợp khách hàng có yêu cầu đặc biệt như tuyến đi/đến mới, hàng hóa nhạy cảm, yêu cầu giao nhận kết hợp nhiều phương thức vận tải (đa phương thức), hoặc cần báo giá nhanh để tham gia thầu, nhân viên kinh doanh buộc phải liên hệ nhiều bên để lấy thông tin giá cước, phụ phí, thời gian vận chuyển... dẫn đến việc báo giá bị chậm trễ. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và khả năng giữ chân khách hàng, đặc biệt khi khách cần phản hồi gấp hoặc so sánh giá với nhiều nhà cung cấp khác.

- **Thiếu công cụ hỗ trợ giao tiếp trực tuyến trực tiếp với khách hàng**

Website chính thức của công ty hiện tại mới dừng lại ở mức độ cung cấp thông tin tĩnh về dịch vụ và thông tin liên hệ. Chưa có tích hợp các công cụ tương tác trực tiếp như live chat, chatbox tự động hoặc hệ thống CRM đồng bộ để khách hàng gửi yêu cầu và nhận hỗ trợ tức thì. Trong bối cảnh khách hàng ngày càng ưa chuộng các hình thức giao tiếp nhanh chóng và tiện lợi, việc phải liên hệ qua email hoặc zalo rồi chờ nhân viên hỗ trợ khiến quá trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu dịch vụ trở nên chậm chạp, kém linh hoạt. Đặc biệt trong các trường hợp khẩn cấp, khách hàng có thể bỏ lỡ cơ hội giao dịch do không được tiếp cận thông tin hoặc nhân sự phù hợp kịp thời.

- **Khách hàng không thể chủ động tra cứu tình trạng lô hàng trên nền tảng số**

Vì là đơn vị trung gian và không sở hữu hệ thống phần mềm logistics độc lập tích hợp theo dõi đơn hàng, công ty hiện vẫn phải cập nhật tình trạng lô hàng cho khách chủ yếu qua email hoặc gọi thủ công. Mặc dù một số thông tin như ETA tàu cập, ngày hàng rút container, lịch giao hàng được cập nhật thường xuyên, nhưng khách hàng không có tài khoản để đăng nhập và tra cứu chủ động theo thời gian thực. Điều này khiến họ bị động trong việc kiểm soát quá trình vận chuyển, khó lập kế hoạch nhận hàng, bố trí kho bãi hoặc chuẩn bị nhân sự tiếp nhận.

- **Phụ thuộc vào đối tác dẫn đến khó kiểm soát thời gian giao hàng nội địa**

Công ty không có đội xe riêng nên việc vận chuyển hàng hóa từ cảng về kho khách hàng hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực và lịch trình của các đối tác vận tải nội địa. Trong nhiều trường hợp, việc điều phối xe gặp khó khăn do thiếu xe phù hợp, tài xế không nắm rõ địa điểm giao nhận hoặc yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa (chiều cao, trọng lượng, có cấm tải hay không...). Nếu thông tin từ bộ phận kinh doanh cung cấp cho điều phối chưa đầy đủ, sẽ dẫn đến việc điều xe sai loại, không thể vào kho giao hàng, phải quay đầu đổi xe, gây trễ tiến độ và phát sinh chi phí. Đặc biệt vào các thời điểm cao điểm (giáp Tết, cuối tháng, mùa nhập hàng), tình trạng quá tải xe càng khiến công ty khó kiểm soát lead time.

- **Hạn chế trong việc xử lý sự cố và phối hợp đa bên khi phát sinh rủi ro**

Quá trình giao nhận hàng lẻ bằng đường biển chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố khó kiểm soát như trễ tàu, dồn hàng tại cảng, thay đổi lịch cập cảng, rủi ro hải quan yêu

cầu kiểm tra thực tế,... Khi có sự cố, Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ thường mất thời gian liên hệ, phối hợp với các bên thứ ba (hãng tàu, đại lý, hải quan, đối tác vận tải) để xác minh nguyên nhân và tìm phương án xử lý. Việc không nắm quyền chủ động trong quá trình vận hành khiến công ty khó cam kết chắc chắn với khách hàng về thời gian xử lý, đồng thời phải phụ thuộc vào phản hồi của các đối tác. Trong một số tình huống, điều này có thể gây ảnh hưởng đến uy tín dịch vụ nếu không được giải quyết kịp thời và minh bạch.

- **Chưa có hệ thống công nghệ hỗ trợ quản lý nội bộ hiệu quả**

Tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, hoạt động quản lý quy trình giao nhận hàng lẻ nhập khẩu vẫn chủ yếu thực hiện thủ công qua email, Excel và trao đổi qua điện thoại, Zalo. Công ty chưa có hệ thống phần mềm quản lý vận hành chuyên biệt (như ERP hoặc TMS) kết nối liên thông giữa các bộ phận như Logistics, Kinh doanh, Kế toán... dẫn đến thông tin bị rời rạc, khó kiểm soát tiến độ và dễ xảy ra sai sót trong quá trình phối hợp.

Việc thiếu nền tảng công nghệ tập trung cũng khiến công ty gặp khó khăn trong việc theo dõi tình trạng đơn hàng theo thời gian thực, truy xuất thông tin khi xảy ra sự cố, hoặc thống kê dữ liệu để đánh giá hiệu suất công việc. Điều này ảnh hưởng đến khả năng xử lý nhanh, minh bạch hóa quy trình và mở rộng quy mô hoạt động trong tương lai

#### **2.4.2. Nguyên nhân gây ra**

Những hạn chế trong quy trình giao nhận hàng lẻ container bằng đường bộ tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ xuất phát từ hai nhóm nguyên nhân chính: nhân tố chủ quan (bên trong doanh nghiệp) và nhân tố khách quan (từ môi trường bên ngoài).

##### **a. Nhân tố chủ quan**

Thứ nhất, công ty chưa có đủ tiềm lực tài chính để đầu tư vào hệ thống công nghệ quản lý hiện đại. Là doanh nghiệp vừa và nhỏ, công ty chưa thể triển khai các hệ thống như TMS, CRM hay nền tảng theo dõi đơn hàng theo thời gian thực. Do đó, nhiều hoạt động vẫn được xử lý thủ công hoặc bán thủ công, dẫn đến thiếu tính đồng bộ và giảm hiệu quả vận hành.

Thứ hai, quy trình phối hợp giữa các phòng ban chưa được xây dựng một cách bài bản và chuyên nghiệp. Việc trao đổi thông tin chủ yếu thông qua email hoặc các ứng dụng cơ bản như Zalo khiến thông tin dễ bị chồng chéo, thiếu nhất quán, làm giảm tốc độ xử lý công việc và phản hồi khách hàng.

Thứ ba, công ty chưa trang bị đầy đủ công cụ công nghệ hỗ trợ cho đội ngũ tài xế và nhân viên hiện trường. Việc cập nhật thông tin vẫn phụ thuộc vào phương thức thủ công như gọi điện, nhắn tin, dẫn đến tình trạng thông tin không kịp thời, thiếu chính xác khi phát sinh sự cố trong quá trình vận chuyển.

Thứ tư, nguồn nhân lực còn hạn chế về trình độ công nghệ thông tin và kỹ năng xử lý dữ liệu logistics. Công ty chưa có đội ngũ IT chuyên trách để xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu, tự động hóa báo cáo hay giám sát hiệu quả vận hành, dẫn đến nhiều thao tác thủ công, tốn thời gian và khó kiểm soát.

### **b. Nhân tố khách quan**

Thứ nhất, sự phụ thuộc vào bên thứ ba trong hoạt động vận tải là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả quy trình giao nhận. Do không sở hữu phương tiện vận chuyển, công ty phải thuê xe từ các đối tác bên ngoài. Điều này khiến doanh nghiệp bị động về thời gian, khó kiểm soát chất lượng dịch vụ và dễ phát sinh chi phí khi có thay đổi.

Thứ hai, thông tin từ phía khách hàng đôi khi chưa đầy đủ hoặc thiếu chính xác (về khối lượng, kích thước, địa điểm giao nhận...), dẫn đến việc phải điều chỉnh phương án vận chuyển. Điều này gây chậm trễ trong quá trình giao nhận và làm tăng chi phí phát sinh.

### **Tóm tắt chương 2**

Chương 2 đã tập trung phân tích thực trạng quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ. Nội dung chương đã giới thiệu tổng quan về công ty, cơ cấu tổ chức, nguồn lực và kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2023–2025.

Bên cạnh đó, chương đã đi sâu phân tích các bước trong quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại công ty, từ khâu tiếp nhận yêu cầu khách

hàng, kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan, lấy lệnh giao hàng, làm thủ tục thông quan đến nhận hàng và giao hàng cho khách. Qua quá trình phân tích cho thấy quy trình giao nhận tại công ty được thực hiện tương đối đầy đủ và đáp ứng được nhu cầu khách hàng.

Ngoài những kết quả đạt được như đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm, quy trình xử lý tương đối rõ ràng và khả năng phối hợp với khách hàng khá tốt, công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như xử lý chứng từ còn thủ công, ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ và dễ phát sinh sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Từ việc phân tích thực trạng trên, có thể thấy việc hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp trong thời gian tới.

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG NHẬP KHẨU HÀNG LỄ CONTAINER BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐỒ**

#### **3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty TNHH Tiếp Vận Đồ**

##### **3.1.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động logistics nói chung và giao nhận hàng lẻ nói riêng đang chịu tác động mạnh mẽ từ nhiều yếu tố của môi trường kinh doanh.

Thứ nhất, về môi trường kinh tế, nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế có xu hướng tăng trưởng ổn định, đặc biệt là sự phát triển của thương mại điện tử và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này làm gia tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ hàng lẻ do tính linh hoạt và chi phí phù hợp.

Thứ hai, về môi trường công nghệ, xu hướng chuyển đổi số trong ngành logistics đang diễn ra mạnh mẽ. Các doanh nghiệp lớn đã và đang áp dụng các hệ thống quản lý hiện đại như TMS, WMS, CRM, cũng như công nghệ theo dõi đơn hàng theo thời gian thực. Điều này tạo ra áp lực cạnh tranh lớn đối với các doanh nghiệp chưa đầu tư vào công nghệ.

Thứ ba, về môi trường cạnh tranh, thị trường logistics ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia, bao gồm cả các công ty trong nước và quốc tế. Các doanh nghiệp lớn có lợi thế về vốn, công nghệ và mạng lưới, trong khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ như Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ cần tìm hướng đi phù hợp để duy trì và phát triển.

Thứ tư, về môi trường pháp lý, các quy định liên quan đến vận tải, an toàn giao thông, và quản lý hàng hóa ngày càng chặt chẽ, đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm túc nhằm tránh rủi ro pháp lý.

Từ những phân tích trên, có thể dự báo rằng trong thời gian tới, thị trường logistics sẽ tiếp tục phát triển theo hướng số hóa, chuyên nghiệp hóa và cạnh tranh cao, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện quy trình và nâng cao chất lượng dịch vụ.

##### **3.1.2 Định hướng và mục tiêu phát triển chung**

Công ty cũng định hướng đẩy mạnh phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng (VAS) như gom hàng, đóng gói, dán nhãn, kiểm định, phân phối... để tạo lợi thế cạnh tranh và trở thành nhà cung cấp giải pháp logistics tích hợp, không chỉ dừng lại ở dịch vụ truyền

thống. Song song đó, Tiếp Vận Đỏ sẽ tiếp tục củng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên môn vững, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của khách hàng trong và ngoài nước.

Với những định hướng cụ thể, bài bản và phù hợp với tình hình thị trường, Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ tin tưởng sẽ ngày càng nâng cao vị thế trong ngành logistics, từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành đơn vị tiên phong trong cung cấp dịch vụ logistics tích hợp tại miền Trung Việt Nam và vươn xa trong chuỗi cung ứng khu vực.

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp logistics hàng đầu khu vực miền Trung, Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ định hướng phát triển theo hướng chuyên sâu và tích hợp toàn diện các dịch vụ logistics để đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong bối cảnh thị trường cạnh tranh và biến động liên tục.

Trên cơ sở những thế mạnh sẵn có trong các mảng hoạt động như giao nhận – vận chuyển quốc tế, khai báo hải quan, đại lý tàu biển – môi giới hàng hải, vận chuyển nội địa, dịch vụ kho bãi và đóng gói, công ty đặt mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ hiện tại thông qua việc chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ và mở rộng quan hệ hợp tác với các hãng tàu, hãng vận chuyển lớn trong và ngoài nước. Công ty hướng đến xây dựng hình ảnh là một đối tác tin cậy, cung cấp các giải pháp vận tải – logistics trọn gói với chi phí tối ưu, thời gian linh hoạt và hiệu quả vận hành cao.

Trong giai đoạn 2025–2030, Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ sẽ chú trọng đầu tư vào nền tảng công nghệ quản lý vận hành nội bộ, số hóa toàn bộ dữ liệu nghiệp vụ và triển khai hệ thống theo dõi đơn hàng thời gian thực (track & trace) để nâng cao tính minh bạch và độ chính xác trong hoạt động giao nhận. Đồng thời, công ty định hướng mở rộng hoạt động tại các cảng trung chuyển lớn khu vực miền Trung – Tây Nguyên và tăng cường năng lực giao nhận hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển – một trong những thế mạnh chủ lực – nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương.

Bên cạnh đó, công ty cũng định hướng phát triển dịch vụ vận tải nội địa đa phương thức (đường bộ, đường sắt, đường biển), góp phần kết nối hiệu quả giữa các trung tâm sản xuất – tiêu dùng – cảng biển, giảm thiểu chi phí logistics cho khách hàng. Đặc biệt, việc khai thác hiệu quả hơn các tuyến vận tải từ cảng Đà Nẵng đi TP. Hồ Chí Minh, Hải

Phòng, Hà Nội, cùng các tuyến liên vận quốc tế sang Lào, Campuchia, sẽ là hướng đi chiến lược trong giai đoạn tới.

### **3.2. Hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Đồ**

Quy trình giao nhận hàng nhập khẩu lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ vẫn còn tồn tại một số hạn chế và những nguyên nhân gây ra hạn chế đó. Chương 3 đã tóm tắt ngắn gọn lại các hạn chế để làm cơ sở xây dựng các giải pháp hoàn thiện quy trình. . Do đó, việc hoàn thiện quy trình là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ.

#### **3.2.1. Hạn chế**

##### **a) Nhân sự còn mỏng, chưa đáp ứng khối lượng công việc ngày càng tăng**

Một trong những hạn chế rõ rệt của Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ hiện nay là số lượng nhân sự tại các bộ phận tác nghiệp trực tiếp như chứng từ, khai báo hải quan và điều phối hiện còn khá ít. Trong khi khối lượng công việc ngày càng tăng do số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ hàng lẻ nhập khẩu ngày một nhiều, công ty vẫn chưa kịp mở rộng đội ngũ hoặc tuyển thêm nhân sự chuyên trách. Hậu quả là mỗi nhân viên phải đảm nhận cùng lúc nhiều đầu việc, từ tiếp nhận chứng từ, kiểm tra thông tin, khai báo hải quan cho đến theo dõi thông quan và lấy hàng. Áp lực cao trong thời gian ngắn dễ dẫn đến sai sót trong xử lý chứng từ hoặc trì hoãn trong các khâu nghiệp vụ. Ngoài ra, một số nhân viên mới vẫn chưa được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ LCL hoặc kỹ năng làm việc với các phần mềm khai hải quan điện tử như ECUS5, dẫn đến phụ thuộc nhiều vào người có kinh nghiệm và làm giảm tính chủ động của cả bộ phận.

##### **b) Chưa ứng dụng phần mềm nội bộ chuyên biệt để quản lý quy trình tác nghiệp**

Hiện nay, công ty vẫn đang vận hành quy trình xử lý nghiệp vụ chủ yếu qua email, Excel, và trao đổi qua Zalo. Điều này dẫn đến việc thông tin bị phân tán, thiếu sự thống nhất, và khó theo dõi tiến độ theo từng lô hàng. Việc không có phần mềm nội bộ để kiểm soát tiến trình công việc khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đánh giá năng suất lao động của nhân viên cũng như xác định chính xác bước nào gây ra chậm trễ trong quy trình. Trong môi trường logistics, nơi mỗi phút trễ có thể dẫn đến chi phí phát sinh lớn, thì việc thiếu hệ thống giám sát nghiệp vụ là một điểm yếu đáng kể.

**c) Cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ nghiệp vụ còn phụ thuộc vào đối tác bên ngoài**

Công ty hiện không sở hữu kho CFS riêng, cũng không có xe tải, xe nâng hay thiết bị kiểm đếm hàng hóa. Toàn bộ hoạt động lưu kho, đóng dỡ hàng, cũng như vận chuyển nội địa sau khi thông quan đều phải thuê ngoài, đặc biệt là phụ thuộc hoàn toàn vào kho CFS Danalog tại cảng Tiên Sa – Đà Nẵng. Trong những thời điểm cao điểm hoặc xảy ra sự cố tại kho, việc không chủ động được về mặt cơ sở vật chất khiến công ty mất quyền kiểm soát tiến độ giao hàng, dễ dẫn đến tình trạng hàng bị lưu kho lâu, phát sinh phí lưu bãi, hoặc ảnh hưởng đến cam kết thời gian giao với khách hàng.

**d) Thiếu hệ thống tài liệu quy trình hóa chuẩn hóa nghiệp vụ**

Mặc dù các nhân viên tại công ty đều có kinh nghiệm xử lý các lô hàng lẻ, nhưng đến thời điểm khảo sát, công ty vẫn chưa có bộ tài liệu hướng dẫn chuẩn hóa quy trình cho từng bước, từ tiếp nhận booking, kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan, đến lấy hàng. Điều này khiến công việc chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân. Khi có nhân viên nghỉ việc, hoặc luân chuyển vị trí, việc chuyển giao nghiệp vụ gặp khó khăn. Ngoài ra, việc thiếu quy trình hóa cũng gây bất lợi khi công ty cần đào tạo nhân viên mới hoặc mở rộng quy mô hoạt động.

**e) Quy trình tiếp nhận thông tin khách hàng chưa hiệu quả**

Quy trình tiếp nhận booking và chứng từ từ khách hàng hiện vẫn đang được thực hiện qua email hoặc Zalo, chưa có hệ thống lưu trữ tập trung theo từng mã lô hàng hoặc mã khách hàng. Thực tế trong một số trường hợp, khách hàng gửi thiếu thông tin hoặc gửi rải rác nhiều lần gây khó khăn cho nhân viên trong việc tổng hợp hồ sơ khai báo. Ngoài ra, khi cần truy xuất lại chứng từ cho một lô hàng đã giao nhận xong, việc tìm kiếm thủ công cũng mất thời gian và không hiệu quả.

**3.2.2: Các giải pháp**

**a) Tăng cường nhân sự chuyên trách và nâng cao chất lượng đào tạo nghiệp vụ**

Qua quá trình khảo sát thực tế tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ, cho thấy một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xử lý các lô hàng lẻ nhập khẩu là do thiếu hụt nhân sự chuyên trách ở các bộ phận chứng từ, khai báo hải quan và theo dõi thông quan. Cụ thể, trung bình một nhân viên phải đảm nhận từ 3 đến 4 công đoạn: tiếp

nhận hồ sơ, kiểm tra chứng từ, khai báo VNACCS và theo dõi lô hàng tại kho CFS Danalog. Áp lực công việc dồn dập không chỉ dẫn đến tình trạng quá tải, mà còn làm gia tăng sai sót nghiệp vụ, kéo dài thời gian xử lý và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cho khách.

Bên cạnh đó, lực lượng nhân sự mới thường thiếu kinh nghiệm thực tiễn, chưa thành thạo phần mềm khai báo như ECUS5, dẫn đến tình trạng phụ thuộc vào cá nhân có thâm niên, thiếu tính kế thừa và khó mở rộng khi số lượng lô hàng tăng nhanh trong các mùa cao điểm. Do đó, giải pháp tăng cường nhân sự và đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu nhằm mục tiêu phân tách công việc hợp lý hơn, giảm áp lực cho từng cá nhân, đồng thời nâng cao năng lực vận hành cho toàn bộ quy trình giao nhận hàng lẻ.

### ***Mục tiêu cụ thể của giải pháp***

Giải pháp nhằm giảm tải áp lực cho nhân sự hiện tại, từ đó rút ngắn thời gian xử lý mỗi lô hàng và giảm tỷ lệ sai sót trong nghiệp vụ chứng từ và khai báo hải quan. Thông qua việc bổ sung nhân sự chuyên trách và tổ chức đào tạo nội bộ bài bản, công ty có thể nâng cao năng suất làm việc, đảm bảo tiến độ giao nhận ổn định hơn. Đồng thời, giải pháp cũng giúp xây dựng đội ngũ kế cận, sẵn sàng đáp ứng khi khối lượng công việc gia tăng hoặc phát sinh tình huống bất thường trong quá trình xử lý lô hàng.

- Giải pháp bao gồm hai nội dung chính:

#### ***(1) Tuyển bổ sung nhân sự chuyên trách:***

- Bổ sung ít nhất 02 nhân sự mới, gồm:
  - 01 nhân viên chứng từ: phụ trách tiếp nhận booking, kiểm tra bộ chứng từ nhập khẩu và xử lý hồ sơ khai báo.
  - 01 nhân viên khai báo hải quan: thực hiện lập tờ khai VNACCS, chuẩn bị hồ sơ thông quan và theo dõi kết quả phân luồng.
  - Ưu tiên tuyển ứng viên đã có kinh nghiệm thực tế trong mảng logistics hoặc từng làm trong các công ty giao nhận hàng lẻ để rút ngắn thời gian đào tạo.

#### ***(2) Tổ chức đào tạo nghiệp vụ bài bản:***

- Nội dung đào tạo: hướng dẫn toàn bộ quy trình xử lý lô hàng lẻ tại công ty, từ tiếp nhận thông tin đến khai báo, lấy hàng tại kho CFS Danalog.

- Hình thức đào tạo: nhân viên cũ hướng dẫn trực tiếp theo phương pháp "kèm cặp tại chỗ", kết hợp học case study từ lô hàng thực tế.
- Công cụ hỗ trợ: sử dụng phần mềm ECUS5, hệ thống VNACCS mô phỏng

• **Cách thức triển khai**

| <b>Nội dung</b>            | <b>Chi tiết triển khai</b>                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kế hoạch nhân sự</b>    | Tuyển 2 nhân viên: 1 chứng từ, 1 khai báo hải quan. Thử việc 2 tháng, đánh giá cuối kỳ.                                                                                                                                                                         |
| <b>Thời gian thực hiện</b> | Tháng 7 – 8/2025: Tuyển dụng; Tháng 8 – 9/2025: Đào tạo nghiệp vụ và thực hành.                                                                                                                                                                                 |
| <b>Chi phí dự kiến</b>     | - Lương thử việc: $\sim 6 \text{ triệu/người/tháng} \times 2 \text{ tháng} \times 2 \text{ người} = \sim 24 \text{ triệu đồng}$ .<br>- Chi phí đào tạo nội bộ (phụ cấp nhân sự hướng dẫn): $\sim 2 \text{ triệu đồng}$ . - Tổng: $\sim 26 \text{ triệu đồng}$ . |
| <b>Cơ sở vật chất</b>      | Không phát sinh nhiều: sử dụng văn phòng hiện có, máy tính, phần mềm ECUS5 đã cấp.                                                                                                                                                                              |
| <b>Đơn vị phụ trách</b>    | Phòng hành chính – nhân sự phối hợp với bộ phận giao nhận tổ chức tuyển dụng, đào tạo.                                                                                                                                                                          |

Việc bổ sung nhân sự chuyên trách cho các bộ phận tác nghiệp sẽ giúp phân chia công việc hợp lý hơn, giảm tải cho từng cá nhân, từ đó hạn chế sai sót và trễ tiến độ trong xử lý chứng từ, khai báo hải quan và theo dõi lô hàng. Đồng thời, năng suất lao động được cải thiện, cho phép công ty xử lý nhiều lô hàng hơn trong cùng một khoảng thời gian mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ.

• **Yêu cầu tuyển dụng đối với nhân sự mới:**

- Tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành logistics, xuất nhập khẩu, thương mại quốc tế hoặc các ngành liên quan.
- Có kiến thức cơ bản về quy trình giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, đặc biệt là hàng nhập khẩu LCL.
- Thành thạo tin học văn phòng và có khả năng sử dụng các phần mềm khai báo hải quan như ECUS5/VNACCS là một lợi thế.
- Đối với vị trí nhân viên khai báo hải quan, ưu tiên ứng viên đã từng trực tiếp truyền tờ khai và xử lý hồ sơ thông quan thực tế.

- Có khả năng đọc hiểu chứng từ tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu như Invoice, Packing List, Bill of Lading, Arrival Notice.
- Cẩn thận, có tinh thần trách nhiệm, chịu được áp lực công việc và có khả năng phối hợp với các bộ phận liên quan trong quá trình xử lý lô hàng.
- Ưu tiên ứng viên có từ 6 tháng đến 1 năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty logistics, forwarder hoặc doanh nghiệp giao nhận hàng lẻ container.

### ***Đánh giá tính khả thi và hiệu quả sau khi áp dụng giải pháp***

Giải pháp tuyển thêm 02 nhân sự chuyên trách cho bộ phận chứng từ và khai báo hải quan có tính khả thi cao vì không đòi hỏi đầu tư lớn. Cơ sở vật chất hiện có như văn phòng, máy tính, phần mềm ECUS5 và hệ thống khai báo VNACCS đã sẵn sàng, chỉ phát sinh chi phí nhân sự thử việc và đào tạo nội bộ, với tổng chi phí khoảng 26 triệu đồng.

Về hiệu quả dự kiến sau khi áp dụng:

- Thời gian xử lý mỗi lô hàng lẻ có thể rút ngắn từ khoảng 2 ngày xuống còn 1,4 ngày, do giảm tình trạng quá tải, mỗi nhân viên chỉ tập trung vào khâu chuyên trách.
- Số lượng lô hàng xử lý trung bình mỗi tháng trên toàn bộ bộ phận có thể tăng thêm 30–40%, tức nếu hiện tại mỗi tháng xử lý 20–25 lô, có thể tăng lên 28–35 lô sau khi bổ sung nhân sự.
- Tỷ lệ sai sót khi khai báo (ví dụ: khai nhầm mã HS, thiếu chứng từ,...) có thể giảm từ khoảng 5–6% xuống dưới 3%, do có người phụ trách riêng và được đào tạo sát thực tế.

Ngoài ra, việc có thêm người sẽ giúp linh hoạt hơn trong xử lý các tình huống phát sinh như phân luồng đồ, bổ sung chứng từ, hoặc thay đổi thời gian lấy hàng. Về lâu dài, đây cũng là bước chuẩn bị nhân lực cho kế hoạch mở rộng dịch vụ của công ty mà không phụ thuộc quá nhiều vào một vài cá nhân giàu kinh nghiệm

### **b) Giải pháp ứng dụng phần mềm quản lý quy trình giao nhận – Odoo ERP**

Giải pháp này hướng đến mục tiêu tăng cường khả năng kiểm soát quy trình giao nhận hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ, thông qua việc ứng dụng một phần mềm quản lý quy trình tổng thể. Với phần mềm phù hợp, công ty có thể số hóa các khâu nghiệp vụ, quản lý tập trung thông tin, giảm phụ thuộc vào thao tác thủ công và tăng năng suất làm việc cho các bộ phận chứng từ, khai báo hải quan và điều phối.

Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ hiện là doanh nghiệp logistics quy mô vừa, chưa có đội ngũ kỹ thuật CNTT nội bộ. Do đó, việc lựa chọn phần mềm phải dựa trên các tiêu chí:

- Chi phí hợp lý và không đòi hỏi đầu tư hạ tầng lớn
- Dễ sử dụng cho người không chuyên về công nghệ
- Có thể tùy biến linh hoạt theo quy trình nghiệp vụ giao nhận
- Triển khai nhanh, hiệu quả ngắn hạn rõ ràng

Odoo là phần mềm quản trị doanh nghiệp mã nguồn mở phổ biến, có phiên bản SaaS không cần cài đặt máy chủ, hỗ trợ tiếng Việt, và có cộng đồng triển khai rộng tại Việt Nam. Với các module linh hoạt, Odoo có thể giúp công ty thiết lập quy trình nghiệp vụ một cách bài bản, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với nguồn lực hạn chế hiện nay.

- **Các chức năng chính áp dụng từ Odoo**

| Module trong Odoo        | Ứng dụng cụ thể tại Tiếp Vận Đồ                                                     |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Project</b>           | Quản lý quy trình theo từng lô hàng: phân chia đầu việc, theo dõi tiến độ từng bước |
| <b>Documents</b>         | Lưu trữ bộ chứng từ như invoice, packing list, BL, C/O... gắn với từng lô hàng      |
| <b>Discuss/Chat</b>      | Giao tiếp nội bộ thay Zalo, có tích hợp thông báo tự động khi đến hạn xử lý         |
| <b>Timesheet</b>         | Ghi nhận thời gian xử lý mỗi bước nghiệp vụ của từng nhân viên                      |
| <b>Email Integration</b> | Tự động ghi nhận booking và thông tin chứng từ gửi từ email khách hàng              |

Mỗi lô hàng nhập khẩu hàng lẻ sẽ được tạo thành một “dự án mini”, trong đó các bước như: tiếp nhận chứng từ – kiểm tra – khai báo – nhận phân luồng – lấy hàng – bàn giao đều được thể hiện rõ trên hệ thống. Nhân viên phụ trách từng khâu cập nhật tiến độ, đính kèm chứng từ và hoàn tất bước xử lý trên giao diện phần mềm.

- **Lộ trình triển khai**

| Giai đoạn            | Nội dung cụ thể                                                                                              |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 1</b>        | Liên hệ, ký hợp đồng với đối tác triển khai (có thể chọn Portcities, Viindoo...) và thống nhất quy trình mẫu |
| <b>Tuần 2–3</b>      | Cài đặt phần mềm (dùng Odoo Online hoặc Odoo Community), tạo quy trình thử nghiệm cho 3–5 lô hàng thực tế    |
| <b>Tuần 4</b>        | Tổ chức đào tạo nội bộ cho nhân viên (tối thiểu 5 người), lấy phản hồi và hiệu chỉnh giao diện người dùng    |
| <b>Tuần 5 trở đi</b> | Chính thức áp dụng toàn bộ hệ thống, chuyển giao vận hành cho bộ phận khai thác                              |

- **Chi phí triển khai ước tính**

| Hạng mục                   | Chi phí ước tính                         |
|----------------------------|------------------------------------------|
| Gói Odoo Online (5 user)   | ~2 triệu VNĐ/tháng                       |
| Chi phí triển khai ban đầu | 15 – 25 triệu VNĐ (tùy mức độ tùy chỉnh) |
| Chi phí đào tạo nội bộ     | 3 – 5 triệu VNĐ                          |
| Chi phí vận hành hằng năm  | Dưới 25 triệu VNĐ/năm                    |

=> Tổng chi phí ban đầu ước tính từ 20 – 30 triệu VNĐ, có thể điều chỉnh tùy chọn module.

### ***Tính khả thi***

Việc ứng dụng phần mềm Odoo vào quản lý quy trình giao nhận hàng lẻ được đánh giá là có tính khả thi cao trong bối cảnh hiện nay tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ. Trước hết, Odoo cung cấp phiên bản SaaS – chạy trên nền tảng điện toán đám mây – nên không yêu cầu công ty phải đầu tư máy chủ riêng hay thuê đội ngũ IT chuyên biệt. Điều này rất phù hợp với năng lực tài chính và quy mô hoạt động của một doanh nghiệp vừa như Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ.

Chi phí triển khai ban đầu cho một hệ thống Odoo cơ bản, tùy thuộc vào số lượng module sử dụng, hiện dao động trong khoảng 20–30 triệu đồng, nằm trong phạm vi ngân sách có thể kiểm soát được. Ngoài ra, Odoo có giao diện tiếng Việt, thân thiện và dễ sử dụng, giúp nhân viên chứng từ, khai báo – vốn không có nền tảng công nghệ – vẫn dễ dàng làm quen và thao tác.

Đáng chú ý, tại Việt Nam đã có một số đối tác triển khai Odoo uy tín như Portcities, Viindoo, những đơn vị này có nhiều kinh nghiệm thực tế và cung cấp dịch vụ trọn gói, giúp doanh nghiệp có thể triển khai hệ thống nhanh chóng trong vòng 4–5 tuần, không ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động thường ngày.

### **Hiệu quả mang lại**

Xét về hiệu quả, việc áp dụng Odoo vào quy trình giao nhận hàng lẻ hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích rõ rệt. Trước tiên là về thời gian xử lý, phần mềm hỗ trợ tự động hóa một số bước trong việc xử lý hồ sơ, theo dõi tiến độ và quản lý chứng từ, giúp mỗi lô hàng tiết kiệm trung bình khoảng 0,7 ngày làm việc, tương đương rút ngắn gần 28% thời gian hoàn tất hồ sơ so với phương pháp thủ công trước đây.

Từ đó kéo theo năng suất lao động tăng đáng kể. Với khối lượng công việc được quản lý hiệu quả hơn và quy trình rõ ràng hơn, mỗi nhân viên có thể xử lý thêm từ 3–5 lô hàng mỗi tháng, mà không cần phải làm thêm giờ hay tăng chi phí nhân sự.

Hơn nữa, hệ thống giúp chuẩn hóa quy trình làm việc, hạn chế tình trạng sai sót phổ biến như bỏ sót chứng từ, khai báo sai mã HS, hoặc gửi nhầm thông tin cho khách hàng – những lỗi có thể dẫn đến chi phí phát sinh hoặc làm chậm thời gian thông quan. Việc ghi nhận toàn bộ thao tác theo từng bước công việc cũng giúp tăng tính minh bạch, hỗ trợ ban quản lý trong việc giám sát, đánh giá hiệu suất và xử lý các vấn đề phát sinh một cách nhanh chóng và minh bạch hơn.

Đặc biệt, việc triển khai Odoo sẽ mở đường cho chiến lược chuyển đổi số toàn diện trong tương lai. Phần mềm có khả năng kết nối với các hệ thống khác như phần mềm kế toán (MISA, Fast...), hệ thống CRM quản lý khách hàng, hoặc thậm chí tích hợp với phần mềm khai hải quan ECUS. Đây là nền tảng kỹ thuật vững chắc giúp công ty tiến tới mô hình vận hành số hóa, giảm phụ thuộc vào thao tác thủ công và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường logistics ngày càng số hóa.

Tóm lại, cả về mặt kỹ thuật, tài chính và vận hành, việc ứng dụng phần mềm Odoo được đánh giá là khả thi và mang lại hiệu quả thực tế cao cho Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ trong mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý quy trình giao nhận hàng lẻ nhập khẩu bằng đường biển.

### **3.3.3. Điều kiện và cách thức thực hiện các giải pháp**

Để các giải pháp hoàn thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ được triển khai hiệu quả trong thực tế, doanh nghiệp cần xây dựng đầy đủ các điều kiện cần thiết về nhân lực, công nghệ, tài chính cũng như cơ chế phối hợp giữa các bộ phận liên quan. Đồng thời, công ty cần có kế hoạch

triển khai cụ thể cho từng giải pháp nhằm đảm bảo tính đồng bộ, hạn chế phát sinh rủi ro và nâng cao hiệu quả áp dụng trong quá trình vận hành.

Trong bối cảnh ngành logistics ngày càng cạnh tranh gay gắt, yêu cầu về tốc độ xử lý chứng từ, khả năng phối hợp với hãng tàu, cơ quan hải quan và chất lượng chăm sóc khách hàng ngày càng cao. Vì vậy, việc triển khai các giải pháp hoàn thiện quy trình giao nhận không chỉ mang ý nghĩa cải thiện hoạt động nội bộ mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

#### **a) Điều kiện thực hiện các giải pháp**

##### **➤ Điều kiện về nguồn nhân lực**

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả triển khai các giải pháp cải thiện quy trình giao nhận. Đối với hoạt động giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển, nhân viên không chỉ cần nắm vững nghiệp vụ logistics mà còn phải có khả năng xử lý tình huống linh hoạt do quy trình này liên quan đến nhiều bên như hãng tàu, kho CFS, cơ quan hải quan, khách hàng và đơn vị vận tải.

Do đó, công ty cần chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên thông qua:

- Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ định kỳ về nghiệp vụ xuất nhập khẩu và khai báo hải quan điện tử.
- Cập nhật thường xuyên các quy định mới liên quan đến chính sách hải quan, thuế nhập khẩu và quy định quản lý chuyên ngành.
- Hướng dẫn nhân viên nhận biết và xử lý các lỗi thường gặp trong quá trình kiểm tra chứng từ, truyền tờ khai và giao nhận hàng hóa.
- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và chăm sóc khách hàng cho nhân viên kinh doanh và giao nhận.

Ngoài ra, công ty cần xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các phòng ban như bộ phận kinh doanh, chứng từ, giao nhận và kế toán nhằm đảm bảo thông tin được trao đổi nhanh chóng, chính xác và hạn chế tình trạng chồng chéo trách nhiệm trong quá trình xử lý lô hàng.

Bên cạnh việc đào tạo chuyên môn, doanh nghiệp cũng cần xây dựng tinh thần trách nhiệm và tính chủ động cho nhân viên. Trong hoạt động giao nhận thực tế, nhiều tình

huống phát sinh như chậm tàu, sai thông tin chứng từ, phát sinh kiểm hóa hoặc thiếu chứng từ bổ sung đòi hỏi nhân viên phải xử lý nhanh chóng để hạn chế chi phí lưu kho, lưu bãi và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cho khách.

➤ ***Điều kiện về cơ sở vật chất và công nghệ***

Trong hoạt động logistics hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình giao nhận đóng vai trò rất quan trọng. Nếu vẫn duy trì quá nhiều thao tác thủ công sẽ dễ xảy ra sai sót, thất lạc chứng từ và làm chậm tiến độ xử lý lô hàng.

Vì vậy, Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ cần đầu tư và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giao nhận như:

- Trang bị hệ thống máy tính có cấu hình ổn định phục vụ khai báo hải quan điện tử.
- Đảm bảo đường truyền internet hoạt động liên tục để tránh gián đoạn trong quá trình truyền tờ khai.
- Xây dựng hệ thống lưu trữ chứng từ điện tử nhằm hạn chế thất lạc hồ sơ và thuận tiện trong việc tra cứu dữ liệu.
- Đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận để hỗ trợ theo dõi tiến độ lô hàng nhanh chóng hơn.

Ngoài ra, công ty cần tăng cường ứng dụng các phần mềm quản lý logistics nhằm hỗ trợ:

- Theo dõi lịch tàu và thời gian hàng đến.
- Quản lý thông tin khách hàng và lô hàng.
- Kiểm soát tiến độ xử lý chứng từ.
- Theo dõi công nợ và chi phí phát sinh.

Việc áp dụng công nghệ không chỉ giúp tiết kiệm thời gian xử lý mà còn giúp doanh nghiệp nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động giao nhận.

Bên cạnh đó, công ty cũng cần duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định với hãng tàu, đại lý, đơn vị vận tải nội địa và kho CFS nhằm đảm bảo quá trình nhận hàng, lấy lệnh giao hàng và xử lý phát sinh được thực hiện thuận lợi hơn.

➤ ***Điều kiện về tài chính***

Các giải pháp như đào tạo nhân viên, nâng cấp hệ thống phần mềm hoặc mở rộng quy mô dịch vụ đều cần có nguồn kinh phí phù hợp để triển khai. Do đó, doanh nghiệp cần xây

dựng kế hoạch tài chính cụ thể cho từng giai đoạn thực hiện nhằm tránh phát sinh áp lực tài chính quá lớn trong ngắn hạn.

Công ty có thể ưu tiên triển khai các giải pháp mang tính cấp thiết trước như:

- Đào tạo nhân viên nghiệp vụ.
- Chuẩn hóa quy trình xử lý chứng từ.
- Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu khách hàng.

Sau đó mới từng bước đầu tư vào các giải pháp có chi phí cao hơn như phần mềm quản lý logistics tổng thể hoặc mở rộng cơ sở vật chất phục vụ giao nhận.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần kiểm soát tốt các chi phí phát sinh trong quá trình giao nhận như phí lưu container, lưu bãi, phí chỉnh sửa chứng từ hoặc phí kiểm hóa nhằm hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

#### **b) Cách thức thực hiện các giải pháp**

##### **➤ *Đối với giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

Công ty cần xây dựng kế hoạch đào tạo nhân sự theo từng giai đoạn cụ thể. Đối với nhân viên mới, doanh nghiệp nên tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ thực tế kết hợp với việc cung cấp tài liệu quy trình nội bộ để giúp nhân viên nhanh chóng làm quen với công việc.

Đối với nhân viên đang làm việc, công ty nên:

- Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm xử lý lô hàng thực tế.
- Định kỳ đánh giá kỹ năng chuyên môn.
- Cập nhật các thay đổi về quy định hải quan và vận tải quốc tế.
- Khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học nghiệp vụ logistics hoặc xuất nhập khẩu bên ngoài doanh nghiệp.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc rõ ràng nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức chủ động của nhân viên trong quá trình xử lý công việc.

##### **➤ *Đối với giải pháp ứng dụng công nghệ vào quy trình giao nhận***

Việc ứng dụng công nghệ nên được triển khai theo từng bước để phù hợp với quy mô và khả năng tài chính của doanh nghiệp.

Trong giai đoạn đầu, công ty có thể:

- Sử dụng hệ thống lưu trữ chứng từ điện tử thay cho lưu hồ sơ giấy hoàn toàn.

- Thiết lập file theo dõi tiến độ xử lý lô hàng dùng chung giữa các bộ phận.
- Tăng cường trao đổi chứng từ qua email và nền tảng trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian.

Sau khi hệ thống vận hành ổn định, công ty có thể tiếp tục đầu tư các phần mềm quản lý logistics chuyên sâu nhằm:

- Quản lý lịch trình giao nhận.
- Kiểm soát chi phí phát sinh.
- Theo dõi tiến độ xử lý tờ khai.
- Quản lý dữ liệu khách hàng và lịch sử giao dịch.

Việc áp dụng công nghệ cần đi kèm với đào tạo nhân viên sử dụng hệ thống nhằm đảm bảo tính đồng bộ và hạn chế sai sót trong quá trình vận hành.

#### ➤ ***Đối với giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận***

Trong quá trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container, việc phối hợp giữa các bộ phận đóng vai trò rất quan trọng. Nếu thông tin không được truyền đạt đầy đủ hoặc chậm trễ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan và giao hàng.

Do đó, công ty cần:

- Quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong mỗi công đoạn.
- Thiết lập quy trình xử lý công việc thống nhất.
- Cập nhật tiến độ lô hàng thường xuyên giữa các bộ phận thông qua email hoặc hệ thống dữ liệu chung.
- Tổ chức họp nội bộ định kỳ để đánh giá các vấn đề phát sinh và đưa ra hướng xử lý phù hợp.

Ngoài ra, đối với những lô hàng phát sinh sự cố như sai chứng từ, chậm tàu hoặc kiểm hóa, các bộ phận cần phối hợp nhanh chóng để xử lý và hạn chế phát sinh chi phí ngoài kế hoạch.

#### ➤ ***Đối với giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng***

Công ty cần xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp hơn trong toàn bộ quá trình giao nhận hàng hóa. Nhân viên cần chủ động:

- Thông báo lịch tàu và thời gian hàng đến cho khách hàng.
- Cập nhật tình trạng thông quan và giao hàng.

- Hỗ trợ khách hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến chứng từ hoặc thủ tục hải quan.
- Giải đáp nhanh chóng các thắc mắc của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ.

Bên cạnh đó, công ty nên xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin khách hàng nhằm thuận tiện trong việc chăm sóc và duy trì quan hệ hợp tác lâu dài.

### **3.3. Kiến nghị**

- **Kiến nghị đối với Công ty TNHH Tiếp Vận Đồ.**

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành: Công ty cần đầu tư phát triển hoặc mua bản quyền các phần mềm quản lý vận tải, quản lý kho bãi và khai báo hải quan điện tử có tính năng đồng bộ, giúp tự động hóa các bước như nhập dữ liệu lô hàng, xử lý chứng từ, theo dõi trạng thái vận chuyển và giao hàng. Việc này sẽ giảm thiểu sai sót do nhập liệu thủ công, tiết kiệm thời gian xử lý và tăng tính chính xác trong báo cáo.

- Xây dựng quy trình làm việc chuẩn hóa, phân rõ trách nhiệm: Hiện tại nhiều công đoạn xử lý hồ sơ, kiểm tra hàng hóa, phối hợp vận chuyển vẫn còn chồng chéo hoặc chưa rõ ràng trách nhiệm giữa các bộ phận. Công ty cần xây dựng quy trình chi tiết từng bước, phân công rõ ràng nhiệm vụ từng cá nhân để tránh sai sót, chậm trễ và tăng khả năng kiểm soát tiến độ thực hiện.

- Tăng cường đào tạo chuyên môn và kỹ năng công nghệ cho nhân viên: Nhân viên làm thủ tục hải quan, giao nhận cần được cập nhật liên tục kiến thức về chính sách hải quan mới, kỹ năng sử dụng phần mềm khai báo hải quan điện tử, và kiến thức về vận tải đường biển, đặc biệt với hàng lẻ có đặc thù phức tạp hơn hàng nguyên container. Công ty nên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ định kỳ và hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài.

- Phát triển hệ thống đối tác vận tải và kho bãi uy tín, linh hoạt: Vì công ty không sở hữu kho bãi và phương tiện vận tải riêng, nên cần xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đơn vị vận tải, kho bãi có năng lực, đáng tin cậy. Đồng thời thường

xuyên đánh giá năng lực, chất lượng dịch vụ của đối tác để đảm bảo việc vận chuyển hàng lẻ luôn được thực hiện đúng tiến độ, giảm thiểu rủi ro hàng hóa bị hư hỏng, thất lạc.

- Nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và thông tin minh bạch: Cần thiết lập kênh giao tiếp rõ ràng, nhanh chóng với khách hàng để cập nhật thông tin hàng hóa, tình trạng vận chuyển, giải quyết kịp thời các khiếu nại hoặc vướng mắc. Công ty có thể xây dựng hệ thống tra cứu trực tuyến trạng thái lô hàng để khách hàng chủ động theo dõi, giảm áp lực cho nhân viên chăm sóc.

- **Kiến nghị đối với Nhà nước**

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình thông quan: Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các thủ tục hành chính theo hướng giảm bớt giấy tờ, quy trình phức tạp trong việc nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là đối với hàng lẻ thường có nhiều kiện hàng nhỏ ghép chung. Việc rút ngắn quy trình, giảm các bước không cần thiết sẽ giúp doanh nghiệp logistics giảm chi phí và thời gian lưu thông hàng hóa.

- Phát triển hạ tầng logistics đồng bộ và hiện đại: Cần tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống cảng biển, khu vực ICD, kho bãi tập trung, đồng thời phát triển hệ thống đường bộ, đường sắt kết nối cảng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và lưu kho hàng hóa. Hạ tầng tốt sẽ giúp giảm tình trạng ách tắc, chi phí phát sinh không cần thiết cho doanh nghiệp giao nhận.

- Ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp logistics: Nhà nước nên có các chính sách về thuế, phí ưu đãi cho các doanh nghiệp logistics đầu tư công nghệ mới, nâng cao năng lực dịch vụ, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa như Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ mở rộng hoạt động.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành logistics: Hỗ trợ phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu về logistics, quản lý chuỗi cung ứng, công nghệ thông tin trong logistics tại các trường đại học và trung tâm đào tạo nghề để tạo nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển ngành logistics hiện đại.

- **Kiến nghị đối với Cơ quan Hải quan**

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và tự động hóa quy trình: Cơ quan hải quan cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông quan điện tử, triển khai công nghệ nhận dạng tự động (như RFID, AI phân tích hình ảnh container) để rút ngắn thời gian kiểm tra, kiểm soát hàng hóa, đặc biệt với hàng lẻ nhập khẩu có số lượng kiện hàng lớn.
- Đơn giản hóa và minh bạch hóa thủ tục hải quan: Cần giảm thiểu các yêu cầu bổ sung hồ sơ không cần thiết, đồng thời công khai minh bạch các quy định, thủ tục để doanh nghiệp dễ dàng thực hiện. Đẩy mạnh công khai các biểu mẫu, danh mục hàng hóa bị kiểm tra chi tiết để doanh nghiệp có thể chủ động chuẩn bị hồ sơ.
- Tăng cường phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thông quan: Cơ quan hải quan nên thiết lập các kênh hỗ trợ trực tuyến, điện thoại để doanh nghiệp kịp thời nhận được hướng dẫn, giải đáp khi gặp khó khăn. Đồng thời, có thể tổ chức các buổi tập huấn về nghiệp vụ, chính sách mới cho doanh nghiệp logistics định kỳ.
- Nâng cao năng lực và đạo đức công vụ của cán bộ hải quan: Tổ chức đào tạo chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ hải quan nhằm giảm thiểu hiện tượng gây phiền hà, nhũng nhiễu doanh nghiệp. Tăng cường giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ làm nhiệm vụ kiểm tra, thông quan để đảm bảo phục vụ doanh nghiệp công bằng, hiệu quả.
- Ứng dụng phương pháp quản lý rủi ro thông minh: Áp dụng phân tích dữ liệu lớn, đánh giá rủi ro tự động để tập trung kiểm tra các lô hàng có nguy cơ cao, từ đó tạo thuận lợi tối đa cho các lô hàng ít rủi ro, trong đó có hàng lẻ nhập khẩu.

### **Tóm tắt chương 3**

Chương 3 bài báo cáo nêu ra một số giải pháp góp phần cải thiện quy trình giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ. Cụ thể là, giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực cho công ty bằng các nghiệp vụ, kỹ năng cho nhân viên hay nâng cấp cơ sở vật chất thiết bị phục vụ cho công việc như nâng cấp hệ thống máy tính và đường truyền mạng. Đồng thời đưa ra một vài kiến nghị nhà nước và cơ quan Hải quan để giúp cho hoạt động giao nhận hàng nhập khẩu hàng lẻ container bằng đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ đạt được hiệu quả cao hơn.

## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ngành logistics ngày càng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu, đòi hỏi các doanh nghiệp dịch vụ phải không ngừng nâng cao hiệu quả quy trình nghiệp vụ. Trên cơ sở đó, khóa luận đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về giao nhận hàng lẻ container nhập khẩu bằng đường biển, đồng thời phân tích quy trình thực tế tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ nhằm đánh giá những kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, công ty đã xây dựng quy trình giao nhận tương đối đầy đủ, tuân thủ quy định pháp luật và có sự phối hợp hiệu quả với các đối tác như hãng tàu, đại lý và kho CFS. Tuy nhiên, quy trình vẫn còn một số hạn chế như thời gian báo giá chưa nhanh, thông tin khách hàng chưa đồng bộ, khai báo hải quan còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công và thiếu hệ thống quản lý tập trung để theo dõi lô hàng.

Từ thực trạng đó, khóa luận đã đề xuất các giải pháp như chuẩn hóa quy trình báo giá, ứng dụng phần mềm quản lý nội bộ, nâng cao năng lực nhân sự trong khai báo hải quan điện tử và tăng cường ứng dụng công nghệ trong theo dõi, lưu trữ dữ liệu. Các giải pháp được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, có tính khả thi và góp phần nâng cao

Khóa luận được thực hiện trên cơ sở thu thập thông tin, khảo sát thực tế và nghiên cứu quy trình giao nhận hàng hóa tại Công ty TNHH Tiếp Vận Đỏ. Mặc dù tác giả đã cố gắng tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, song do giới hạn về thời gian, kinh nghiệm và phạm vi nghiên cứu, đề tài khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý, nhận xét từ quý thầy cô và các chuyên gia trong lĩnh vực để tiếp tục hoàn thiện nội dung nghiên cứu trong thời gian tới.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. GV. THs.Trần Thị Hải, Bài giảng kinh doanh xuất nhập khẩu – Trường đại học Kiến Trúc Đà Nẵng
2. Nguyễn Thanh Long (2006), Thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cục hải quan TP Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp
3. Khóa luận của Trường đại học Kiến Trúc, Trường Cao đẳng Thương mại,
4. Nguyễn Duy Quang (2007), Định hướng và các giải pháp đối với các doanh nghiệp giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển đổi sang cung cấp dịch vụ Logistics và quản trị chuỗi cung ứng tại TP.HCM trong giai đoạn hiện nay

Danh mục tài liệu truy cập trên mạng

1. Hải quan Việt Nam [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn)
2. Tra cứu thông tin hàng đi – hàng đến  
<http://tracuucontainer.danangport.com:40004/p/container/>
3. Bộ công thương Việt Nam <https://moit.gov.vn/>

# PHỤ LỤC

## 1. Thông báo hàng đến



### MS VTEC SHIPPING

63 Xuan Hong Str., Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Tel: 84-28-39481888 Fax: +84 - 28 3948 3338  
Website: msvtec.com.vn Email: msvtec@msvtec.com.vn

Số (No.) : SI0825100010-1

Lần (Time) : 2 (29/10/2025)

### THÔNG BÁO HÀNG ĐẾN

#### Arrival Notice

KÍNH GỬI (To) : HA LONG TRADING & SERVICES CO., LTD  
340B, HOANG VAN THU ST, TAN SON NHAT WARD, HCM CITY, VIETNAM

Chúng tôi xin trân trọng thông báo lô hàng sau đây của Quý cơ quan được nhập về với các chi tiết sau:  
We are pleased to inform you that your below shipment will import on:

Người gửi (Shipper) : ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO.,LTD  
Tàu (Vessel) : SITC DALIAN Chuyển (Voy.) : 2528S  
Từ (From) : SHANGHAI Đến cảng (Terminal) : TIEN SA, DA NANG  
Ngày đến (ETA) : Oct 30, 2025 Final Destination : KHO DANALOG - 34CEC01  
P/M Term : COLLECT Vận đơn chính (M-B/L) : GXSAG25101054  
Ghi chú (Note) : CFS/CFS Vận đơn phụ (H-B/L) : EL251055892

| SỐ CONTAINER<br>Container No.                 | SỐ LƯỢNG<br>Quantity | TÊN HÀNG HÓA<br>Description | TRỌNG/KHỐI LƯỢNG<br>Weight/Measurement |
|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------------------|
| PART OF CONTAINER<br>SITU9234157 / SITE155840 | 38<br>PACKAGES       | INDUSTRIAL SEWING MACHINE   | 2,047.000 KGS<br>9.676 CBM             |

#### GIAO HÀNG THEO: TELEX RELEASE

|                                     |               |       |     |           |    |                         |
|-------------------------------------|---------------|-------|-----|-----------|----|-------------------------|
| <input checked="" type="checkbox"/> | D/O           | 1.000 | SET | 658,625   | 8% | 658,625 (VND)           |
| <input checked="" type="checkbox"/> | HANDLING      | 1.000 | SET | 658,625   | 8% | 658,625 (VND)           |
| <input checked="" type="checkbox"/> | CFS           | 9.676 | CBM | 500,555   | 8% | 4,843,370 (VND)         |
| <input checked="" type="checkbox"/> | THC           | 9.676 | CBM | 210,760   | 8% | 2,039,314 (VND)         |
| <input checked="" type="checkbox"/> | CIC           | 9.676 | CBM | 131,725   | 8% | 1,274,571 (VND)         |
| <input checked="" type="checkbox"/> | OCEAN FREIGHT | 9.676 | CBM | 1,317,250 |    | 12,745,711 (VND)        |
| <b>Total Before Tax</b>             |               |       |     |           |    | <b>22,220,216 (VND)</b> |
| <b>Total Tax</b>                    |               |       |     |           |    | <b>757,961 (VND)</b>    |
| <b>Total After Tax</b>              |               |       |     |           |    | <b>22,978,177 (VND)</b> |

**Tiếp theo của số H-B/L EL251055892**  
(H-B/L No.)

1/ Quý khách vui lòng chuyển khoản các chi phí theo thông tin tài khoản sau:

Tên Tài khoản thụ hưởng : MS VTEC SHIPPING

-Ngân hàng : ACB - PGD. HOÀNG VĂN THỤ

Số tài khoản : 3638883638

-Ngân hàng : VIETCOMBANK - CN. SÀI GÒN CHỢ LỚN

Số tài khoản : 0251002701927

-Ngân hàng : EXIMBANK, CN. TP HCM

Số tài khoản : 200014851046405

2. Quý khách vui lòng kiểm tra các nội dung trên thông báo này. Nếu có nội dung không khớp với chứng từ, quý khách vui lòng thông báo đến bộ phận hàng nhập, theo thông tin liên hệ của nhân viên gửi thông báo, đồng thời KHÔNG MỞ TỜ KHAI HẢI QUAN đến khi có thông tin chính xác.

3. Khách hàng chịu mọi chi phí lưu kho phát sinh nếu lấy hàng trễ

**MS VTEC CÓ CUNG CẤP DỊCH VỤ KHAI HẢI QUAN VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA THEO YÊU CẦU.**

Quý khách cần thêm thông tin, vui lòng liên hệ chúng tôi theo số điện thoại sau:

LÊ MINH HIẾU 0929201041 028-39481888 EXT 114

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

## 2. Phiếu đóng gói (Packing List)

**浙江中森缝纫机有限公司**  
**ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.**  
 3 BUILDING, NO. 818 HAIFENG ROAD, TAIZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA  
 TEL: 0576-88221258 FAX: 0576-88221138

| FROM (SHIPPER) :<br>ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.<br>3 BUILDING, NO. 818 HAIFENG ROAD,<br>TAIZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA<br>TEL: 0576-88221258 FAX: 0576-88221138<br>Email: zusun@zusun.com |                           | <b>装箱单</b><br><br><b>PACKING LIST</b>                      |                  |            |             |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------|------------------|------------|-------------|---------------|
| TO (CONSIGNEE) :<br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>340B HOANG VAN THU ST, WARD TAN SON NHAT .<br>HCM CITY . VIETNAM<br>Tel: 84- 0916752736<br>Mail: halong@halonghlh.com                               |                           | INVOICE NO: ZS025194-M<br><br>INVOICE DATE: OCT 16TH, 2025 |                  |            |             |               |
| MAKRS<br>& NOS.                                                                                                                                                                                               | DESCRIPTION               | QTY<br>SETS                                                | Package<br>CASES | G.W<br>KGS | N.W.<br>KGS | VOLUME<br>CBM |
| N/M                                                                                                                                                                                                           | INDUSTRIAL SEWING MACHINE |                                                            |                  |            |             |               |
|                                                                                                                                                                                                               | CM-9688XH-PF/ECV-DPC-T-H9 | 6                                                          | 6                | 1056,00    | 837,00      | 6,672         |
|                                                                                                                                                                                                               | CM-3883P-DD               | 6                                                          | 12               | 411,00     | 348,00      | 1,254         |
|                                                                                                                                                                                                               | CM-364-QD3                | 10                                                         | 20               | 580,00     | 500,00      | 1,750         |
| TOTAL:                                                                                                                                                                                                        |                           | 22                                                         | 38               | 2047,00    | 1685,00     | 9,676         |

浙江中森缝纫机有限公司  
 ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.



### 3. Vận đơn (Bill of lading)

|                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Shipper</b><br>ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO., LTD.<br>3 BUILDING, NO. 818 HAIFENG ROAD,<br>TAIZHOU CITY, ZHEJIANG PROVINCE, CHINA<br>TEL: 0576-88221258 FAX: 0576-88221138<br>Email: zusun@zusun.com |                                                                                                                                         | <b>B/L NO.</b> EL251055892                                                                                                                                                                         |                                                                                                |
| <b>Consignee</b><br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>3408 HOANG VAN THU ST,<br>WARD TAN SON NHAT . HCM CITY . VIETNAM<br>Tel: 84- 0916752736<br>Mail: halong@halonghhl.com                             |                                                                                                                                         |  <b>ET International Logistics Co., Ltd.</b><br>Stock Code: 835405                                                |                                                                                                |
| <b>Notify Party</b><br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>3408 HOANG VAN THU ST,<br>WARD TAN SON NHAT . HCM CITY . VIETNAM<br>Tel: 84- 0916752736<br>Mail: halong@halonghhl.com                          |                                                                                                                                         | <b>BILL OF LADING ORIGINAL</b>                                                                                                                                                                     |                                                                                                |
| <b>Pre-carriage by</b><br>SHANGHAI, CHINA                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                         | <b>Place of Receipt</b><br>SHANGHAI, CHINA                                                                                                                                                         |                                                                                                |
| <b>Ocean Vessel</b><br>SITC DALIAN 2528S                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                         | <b>Port of Loading</b><br>SHANGHAI, CHINA                                                                                                                                                          |                                                                                                |
| <b>Port of Discharge</b><br>DA NANG, VIETNAM                                                                                                                                                                |                                                                                                                                         | <b>Place of Delivery</b><br>DA NANG, VIETNAM                                                                                                                                                       |                                                                                                |
| <b>Container No.</b><br>SITU9234157/SITE155840/40HC                                                                                                                                                         | <b>Seal No. Marks &amp; Nos.</b><br>38 PACKAGES<br>HALONG TRADING & SERVICES CO., LTD<br>DA NANG, VIETNAM<br>MADE IN CHINA<br>C/N: 1-38 | <b>Kind of Packages; Description of Goods</b><br>INDUSTRIAL SEWING MACHINE<br>HS CODE : 84522900<br>CFS-CFS LCL                                                                                    | <b>Gross Weight</b><br>2047KGS<br><b>Measurement</b><br>9.676CBM                               |
| <b>TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS)</b><br>SAY THIRTY EIGHT PACKAGES ONLY                                                                                                                  |                                                                                                                                         | <b>SHIPPER'S LOAD, COUNT &amp; SEAL</b><br>SAY THIRTY EIGHT PACKAGES ONLY                                                                                                                          |                                                                                                |
| <b>MS VTEC SHIPPING AGENT</b><br>63 XUAN HONG ST., BAY HIEU WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM<br>ID : 0300401524-034<br>TEL: 84-28-39481888, HP 84 935 145 195, Ms. Thuy<br>Email: import.group@msvtec.com.vn |                                                                                                                                         | <b>TELEX RELEASE</b><br>For and on behalf of<br>ET International Logistics Co., Ltd.<br><br>Department Manager |                                                                                                |
| <b>Ex Rate</b>                                                                                                                                                                                              | <b>Prepaid at</b><br>SHANGHAI                                                                                                           | <b>Payable at</b><br>SHANGHAI                                                                                                                                                                      | <b>Place and date of issue</b><br>SHANGHAI OCT 26, 2025                                        |
| <b>Total Prepaid</b>                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                         | <b>No. of Original B/L</b><br>THREE                                                                                                                                                                | <b>Signed for the Carrier AS AGENT FOR THE CARRIER:</b><br>ET INTERNATIONAL LOGISTICS CO., LTD |
| By _____<br>(TERMS CONTINUED ON BACK HEREOF)                                                                                                                                                                |                                                                                                                                         | AUTHORIZED SIGNATURE                                                                                                                                                                               |                                                                                                |

## 4. Lệnh giao hàng



### MS VTEC SHIPPING

63 Xuan Hong Str., Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Tel: 84-28-39481888 Fax: +84 - 28 3948 3338  
Website: msvtec.com.vn Email: msvtec@msvtec.com.vn

Số : SI0825100010-1

### LỆNH GIAO HÀNG (DELIVERY ORDER)

**KÍNH GỬI:** HẢI QUAN CẢNG TIỀN SA, ĐÀ NẴNG; KHO DANALOG - 34CEC01  
CÁC CƠ QUAN HỮU QUAN

Công ty MS VTEC SHIPPING trân trọng yêu cầu Quý cơ quan giao lô hàng cho:

**Consignee:** HA LONG TRADING & SERVICES CO., LTD  
340B, HOANG VAN THU ST, TAN SON NHAT WARD, HCM CITY, VIETNAM

|                                     |                       |                                      |                         |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|-------------------------|
| <b>Tàu / Chuyển</b><br>(Vessel/Voy) | : SITC DALIAN / 2528S | <b>Đến ngày</b><br>(Date of Arrival) | : Oct 30, 2025          |
| <b>Từ</b><br>(From)                 | : SHANGHAI            | <b>Đến cảng</b><br>(Terminal)        | : TIEN SA, DA NANG      |
| <b>Vận đơn chính số</b><br>(M-B/L)  | : GXSAG25101054       | <b>Final Destination</b>             | : KHO DANALOG - 34CEC01 |
| <b>Vận đơn phụ số</b><br>(H-B/L)    | : EL251055892         | <b>Kho CFS</b>                       | : KHO DANALOG - 34CEC01 |

| SỐ CONTAINER<br>Container No.                  | Loại<br>Type | SỐ LƯỢNG<br>Quantity | TÊN HÀNG HÓA<br>Description | TRỌNG/KHỐI LƯỢNG<br>Weight/Measurement |
|------------------------------------------------|--------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------------------|
| PART OF CONTAINER.<br>SITU9234157 / SITE155840 | CFS/CFS      | 38<br>PACKAGES       | INDUSTRIAL SEWING MACHINE   | 2,047.000 KGS<br>9.676 CBM             |

Rất cảm ơn sự hợp tác và ủng hộ của Quý khách hàng

Ký nhận đủ bộ chứng từ  
Ngày

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 11 năm 2025

Họ và tên:  
Số điện thoại:  
Mã số thuế:

MS VTEC SHIPPING

Ngô Hồng Quang Luân



**QUANTERM LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD**  
 Zone B, 05th Floor, Software Park, No.02 Quang Trung  
 Street., Da Nang City, Viet Nam  
 Tel: +84-236-3-888-963 Fax: +84-236-3-888-964  
 E-mail: info@quanterm.com.vn Website: www.quanterm.com



Quanterm **Logistics**

Số : QIM075928-18

## LỆNH GIAO HÀNG (DELIVERY ORDER)

**KÍNH GỬI:** CẢNG DANANG, DANALOG  
**To:** HẢI QUAN CẢNG DANANG, DANALOG

Công ty **QUANTERM LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD** trân trọng yêu cầu Quý cơ quan giao lô hàng cho:

**Consignee:** MS VTEC SHIPPING  
 63 XUAN HONG ST., BAY HIEN WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

**Tàu / Chuyến** : SITC DALIAN / 2528S **Đến ngày** : Nov 01, 2025  
*(Vessel/Voy)* *(Date of Arrival)*  
**Từ** : SHANGHAI **Đến cảng** : DANANG, DANALOG  
*(From)* *(Terminal)*  
**Vận đơn chính số** : SITGSHDAQ260324 **Vận đơn phụ số** : GX5AG25101054  
*(M-B/L)* *(H-B/L)*

| SỐ CONTAINER/ SỐ NIÊM CHỈ<br>Container No./ Seal No.                             | Loại<br>Type | SỐ LƯỢNG<br>Quantity | TÊN HÀNG HÓA<br>Description | TRỌNG KHỐI LƯỢNG<br>Weight/Measurement |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------|-----------------------------|----------------------------------------|
| A PART OF 01X40'HC<br>SITU9234157/SITE155840<br><br>AS PER BILL<br>Surrender B/L | CPS/CPS      | 38 PKGS              | AS PER BILL OF LADING       | 2,047.0000 KGS<br>9.6760 CBM           |

Rất cảm ơn sự hợp tác và ủng hộ của Quý khách hàng  
 (Thank you for your support always!)

Ký nhận đủ bộ chứng từ (D/O receiver's signature)  
 Ngày (date)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2025  
 TL Giám Đốc  
 PHÒNG NGHIỆP VỤ  
 For and on behalf of

**Lưu ý quan trọng:**  
 Vui lòng cơ email của chúng tôi để được xác nhận và dùng IDO  
 nếu khách hàng đồng ý hình thức nhận hàng qua email tại kho  
 DANALOG.  
 document.dan@quanterm.com.vn  
 cu.dan@quanterm.com.vn

QUANTERM LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.  
 AS AGENT

5. Danh sách hàng hóa

09:32 4/11/25

Chi cục Hải quan khu vực XII  
Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng



Ngày 04 tháng 11 năm 2025

DANH SÁCH HÀNG HÓA  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN  
Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát: Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng - 34CEC01: CFS LOGISTICS DN - 3

2. Đơn vị XNK: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long

3. Mã số thuế: 0302263830

4. Số tờ khai: 107670264000

5. Trạng thái tờ khai: Thông quan

9. Số quản lý hàng hóa: 261025EL251055892
6. Ngày tờ khai: 03/11/2025 - 02/11/2025

7. Loại hình: Nhập kinh doanh tiêu dùng

8. Luồng: Xanh

| STT | SỐ LƯỢNG HÀNG<br>(1) | TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG<br>(2) | LƯỢNG HÀNG HÓA<br>THỰC TẾ QUA KHU VỰC<br>GIÁM SÁT HẢI QUAN<br>(3) | XÁC NHẬN CỦA<br>CÔNG CHỨC HẢI QUAN<br>(4) |
|-----|----------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1   | 38.0 PACKAGE         | 2047.0 Kilogam               |                                                                   |                                           |

Kết xuất dữ liệu lúc: 04/11/2025 09:32 AM

Lưu bằng kẻ

- Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí “Số lượng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
  - Cột số (2) lấy từ tiêu chí “Tổng trọng lượng hàng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
  - Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:
    - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.
    - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
  - Trường hợp giả trị tại cột (1):
    - + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
    - + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

6. Tờ khai hải quan

<IMP>

1/5

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0767026400

Số tờ khai107670264000Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra1Mã loại hìnhA11 3 [ 4 ]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai8452

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCKCDANANGMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng ký03/11/2025 11:18:40Ngày thay đổi đăng kýThời hạn tái nhập/ tái xuất

Người nhập khẩu

Mã0302263830

TênCông Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hà Long

Mã bưu chính+84

Địa chỉ340B HOANG VAN THU , PHUONG TAN SON NHAT , THANH PHO HO CHI MINH , VIET NAM

Số điện thoại028 38119970

Người ủy thác nhập khẩu

Mã

Tên

Người xuất khẩu

Mã

TênZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ3 BUILDING,NO.818 HAIFENG ROAD,TAIZHOU CITY

Mã nướcZHEJIANG PROVINCECHINA

Mã nướcCN

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn1261025EL251055892Địa điểm lưu kho34CEC01CFS LOGISTICS DN

2Địa điểm dỡ hàngVNDTSANG TIEN SA(D.NANG)

3Địa điểm xếp hàngCNSHASHANGHAI

4Phương tiện vận chuyển9999SITC DALIAN 2528S

5Ngày hàng đến02/11/2025

Số lượng38 PKNgày hàng và số hiệu

Tổng trọng lượng hàng (Gross)2.047 KGM

Số lượng container

Ngày được phép nhập kho đầu tiên

Mã vận bản pháp quy khácMO

Số hóa đơnA - ZS025194-M

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành16/10/2025

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnA - FOB - USD -22.740

Tổng trị giá tính thuế607.055.611

Tổng hệ số phân bổ trị giá22.740 -

Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1-

2-

3-

4-

5-

6-

Mã phân loại khai trị giá

Khai trị giá tổng hợp-

Các khoản điều chỉnh

Phí vận chuyểnA - VND -12.745.711

Phí bảo hiểmD - -

Mã tênMã phân loạiTrị giá khoản điều chỉnhTổng hệ số phân bổ

1-

2-

3-

4-

5-

Chi tiết khai trị giá

Phương thức thanh toán T/T - Nhà sản xuất : ZHEJIANG ZUSUN SEWING MACHINE CO.,LTD - 26102544

Tên sắc thuếTổng tiền thuếSố dòng tổng

1VThuế GTGT48.564.449VND3

2

3

4

5

6

Tổng tiền thuế phải nộp48.564.449VND

Số tiền bảo lãnh

Tỷ giá tính thuếUSD-26.135

Mã xác định thời hạn nộp thuế0

Người nộp thuế1

Mã lý do đề nghị BP

Phân loại nộp thuếA

Tổng số trang của tờ khai5

Tổng số dòng hàng của tờ khai3

**Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)**

|                                        |                                            |                                     |             |
|----------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|-------------|
| Số tờ khai                             | <b>107670264000</b>                        | Số tờ khai đầu tiên                 | /           |
| Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                                            |                                     |             |
| Mã phân loại kiểm tra                  | 1                                          | Mã loại hình                        | A11 3 [ 4 ] |
| Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai | CKCDANANG                                  | Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai | 8452        |
| Ngày đăng ký                           | 03/11/2025 11:18:40                        | Mã bộ phận xử lý tờ khai            | 00          |
|                                        | Ngày thay đổi đăng ký                      | Thời hạn tái nhập/ tái xuất         |             |
| Số đính kèm khai báo điện tử           | 1                                          | 2                                   | 3           |
| Phần ghi chú                           | Hợp đồng số : ZS025194-M - ngày 16/10/2025 |                                     |             |

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp

Số quản lý người sử dụng

00029

Phân loại chỉ thị của Hải quan

|    | Ngày | Tên | Nội dung |
|----|------|-----|----------|
| 1  | / /  |     |          |
| 2  | / /  |     |          |
| 3  | / /  |     |          |
| 4  | / /  |     |          |
| 5  | / /  |     |          |
| 6  | / /  |     |          |
| 7  | / /  |     |          |
| 8  | / /  |     |          |
| 9  | / /  |     |          |
| 10 | / /  |     |          |

**Mục thông báo của Hải quan**

|                                             |                                 |
|---------------------------------------------|---------------------------------|
| Tên trưởng đơn vị Hải quan                  | Trưởng Hải quan CK cảng Đà Nẵng |
| Ngày cấp phép                               | 03/11/2025 14:02:06             |
| Ngày hoàn thành kiểm tra                    | 03/11/2025 11:18:40             |
| Phân loại thẩm tra sau thông quan           |                                 |
| Ngày phê duyệt BP                           | / /                             |
| Ngày hoàn thành kiểm tra BP                 | / /                             |
| Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu |                                 |
| Tổng số tiền thuế chậm nộp                  |                                 |

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)

|                                       | Địa điểm | Ngày đến | Ngày khởi hành |
|---------------------------------------|----------|----------|----------------|
| Thông tin trung chuyển                | 1        | / /      | -              |
|                                       | 2        | / /      | -              |
|                                       | 3        | / /      | -              |
| Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế |          | / /      |                |

**Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)**

|                                        |                       |                                     |             |
|----------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------|
| Số tờ khai                             | <b>107670264000</b>   | Số tờ khai đầu tiên                 | /           |
| Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                       |                                     |             |
| Mã phân loại kiểm tra                  | 1                     | Mã loại hình                        | A11 3 [ 4 ] |
| Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai | CKCDANANG             | Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai | 8452        |
| Ngày đăng ký                           | 03/11/2025 11:18:40   | Mã bộ phận xử lý tờ khai            | 00          |
|                                        | Ngày thay đổi đăng ký | Thời hạn tái nhập/ tái xuất         |             |

&lt;01&gt;

|                |                                                                                                                                                                                                 |                  |  |                               |     |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|-------------------------------|-----|
| Mã số hàng hóa | 84522900                                                                                                                                                                                        | Mã quản lý riêng |  | Mã phân loại tái xác nhận giá | [ ] |
| Mô tả hàng hóa | Máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy cuộn sườn đa chức năng tốc độ cao - Hiệu ZUSUN - Model : CM-9688XH-PF/ECV-DPC-T-H9 - 220V - Hàng đồng bộ tháo rời , mỗi 100% ( 1 Bộ = 1 cái ) |                  |  |                               |     |

|                                                                  |                  |                 |                           |                              |
|------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|---------------------------|------------------------------|
| Số của mục khai khoản điều chỉnh                                 |                  | Số lượng (1)    | 6                         | SET                          |
| Trị giá hóa đơn                                                  | 13.800           | Số lượng (2)    | 6                         | PCE                          |
| Thuế nhập khẩu                                                   |                  | Đơn giá hóa đơn | 2.300                     | USD SET                      |
| Trị giá tính thuế(S)                                             | 368.397.864,1953 | VND             | Trị giá tính thuế(M)      | -                            |
| Số lượng tính thuế                                               |                  |                 | Đơn giá tính thuế         | 61.399.644,03255 - VND - SET |
| Thuế suất                                                        | A                | 0% -            | Mã áp dụng thuế tuyệt đối |                              |
| Số tiền thuế                                                     |                  | VND             | Nước xuất xứ              | CN = CHINA = B01             |
| Số tiền miễn giảm                                                |                  | VND             | Mã ngoài hạn ngạch        |                              |
| Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                  |                 |                           |                              |
| Danh mục miễn thuế nhập khẩu                                     |                  | -               |                           |                              |
| Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu                          |                  |                 |                           |                              |

**Thuế và thu khác**

| 1 | Tên               | Thuế GTGT        |     | Mã áp dụng thuế suất                      | VB245 |
|---|-------------------|------------------|-----|-------------------------------------------|-------|
|   | Trị giá tính thuế | 368.397.864,1953 | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | 8%               |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | 29.471.829,1356  | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                  | VND |                                           |       |
| 2 | Tên               |                  |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                  | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                  | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                  | VND |                                           |       |
| 3 | Tên               |                  |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                  | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                  | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                  | VND |                                           |       |
| 4 | Tên               |                  |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                  | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                  | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                  | VND |                                           |       |
| 5 | Tên               |                  |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                  | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                  | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                  | VND |                                           |       |

**Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)**

|                                        |                       |                                     |             |
|----------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------|
| Số tờ khai                             | <b>107670264000</b>   | Số tờ khai đầu tiên                 | /           |
| Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                       |                                     |             |
| Mã phân loại kiểm tra                  | 1                     | Mã loại hình                        | A11 3 [ 4 ] |
| Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai | CKCDANANG             | Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai | 8452        |
| Ngày đăng ký                           | 03/11/2025 11:18:40   | Mã bộ phận xử lý tờ khai            | 00          |
|                                        | Ngày thay đổi đăng ký | Thời hạn tái nhập/ tái xuất         |             |

&lt;02&gt;

|                |                                                                                                                                                                                            |                  |  |                               |     |
|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|-------------------------------|-----|
| Mã số hàng hóa | 84522900                                                                                                                                                                                   | Mã quản lý riêng |  | Mã phân loại tái xác nhận giá | [ ] |
| Mô tả hàng hóa | Máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy 3 kim móc xích động cơ liên trục tốc độ cao - Hiệu ZUSUN - Model : CM-3883P-DD - 220V - Hàng đồng bộ tháo rời, mới 100% ( 1 Bộ = 1 cái ) |                  |  |                               |     |

|                                                                  |                     |                           |                      |     |
|------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------|-----|
| Số của mục khai khoản điều chỉnh                                 |                     | Số lượng (1)              | 6                    | SET |
| Trị giá hóa đơn                                                  | 1.890               | Số lượng (2)              | 6                    | PCE |
| Thuế nhập khẩu                                                   |                     | Đơn giá hóa đơn           | 315 USD              | SET |
| Trị giá tính thuế(S)                                             | 50.454.490,0963 VND | Trị giá tính thuế(M)      | -                    |     |
| Số lượng tính thuế                                               |                     | Đơn giá tính thuế         | 8.409.081,682717 VND | SET |
| Thuế suất                                                        | A 0%                | Mã áp dụng thuế tuyệt đối |                      |     |
| Số tiền thuế                                                     | VND                 | Nước xuất xứ              | CN = CHINA = B01     |     |
| Số tiền miễn giảm                                                | VND                 | Mã ngoài hạn ngạch        |                      |     |
| Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                     |                           |                      |     |
| Danh mục miễn thuế nhập khẩu                                     | -                   |                           |                      |     |
| Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu                          |                     |                           |                      |     |

**Thuế và thu khác**

| 1 | Tên               | Thuế GTGT           |  | Mã áp dụng thuế suất                      | VB245 |
|---|-------------------|---------------------|--|-------------------------------------------|-------|
|   | Trị giá tính thuế | 50.454.490,0963 VND |  | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | 8%                  |  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | 4.036.359,2077 VND  |  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND                 |  |                                           |       |
| 2 | Tên               |                     |  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND                 |  | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | VND                 |  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND                 |  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND                 |  |                                           |       |
| 3 | Tên               |                     |  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND                 |  | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | VND                 |  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND                 |  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND                 |  |                                           |       |
| 4 | Tên               |                     |  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND                 |  | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | VND                 |  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND                 |  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND                 |  |                                           |       |
| 5 | Tên               |                     |  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND                 |  | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | VND                 |  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND                 |  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND                 |  |                                           |       |

**Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)**

|                                        |                     |                                     |             |
|----------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|-------------|
| Số tờ khai                             | <b>107670264000</b> | Số tờ khai đầu tiên                 | /           |
| Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                     |                                     |             |
| Mã phân loại kiểm tra                  | 1                   | Mã loại hình                        | A11 3 [ 4 ] |
| Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai | CKCDANANG           | Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai | 8452        |
| Ngày đăng ký                           | 03/11/2025 11:18:40 | Mã bộ phận xử lý tờ khai            | 00          |
|                                        |                     | Ngày thay đổi đăng ký               |             |
|                                        |                     | Thời hạn tái nhập/ tái xuất         |             |

&lt;03&gt;

|                |                                                                                                                                                               |                  |  |                               |     |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|-------------------------------|-----|
| Mã số hàng hóa | 84522900                                                                                                                                                      | Mã quản lý riêng |  | Mã phân loại tái xác nhận giá | [ ] |
| Mô tả hàng hóa | Máy móc dùng trong sản xuất may công nghiệp - Máy vắt gấu - Hiệu ZUSUN - Model : CM-364-QD3- Điện áp 220V - Hàng đồng bộ tháo rời , mỗi 100% ( 1 Bộ = 1 cái ) |                  |  |                               |     |

|                                                                  |                      |                           |                      |     |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|-----|
| Số của mục khai khoản điều chỉnh                                 |                      | Số lượng (1)              | 10                   | SET |
| Trị giá hóa đơn                                                  | 7.050                | Số lượng (2)              | 10                   | PCE |
| Thuế nhập khẩu                                                   |                      | Đơn giá hóa đơn           | 705 USD              | SET |
| Trị giá tính thuế(S)                                             | 188.203.256,7084 VND | Trị giá tính thuế(M)      | *                    |     |
| Số lượng tính thuế                                               |                      | Đơn giá tính thuế         | 18.820.325,67084 VND | SET |
| Thuế suất                                                        | A 0%                 | Mã áp dụng thuế tuyệt đối |                      |     |
| Số tiền thuế                                                     | VND                  | Nước xuất xứ              | CN - CHINA - B01     |     |
| Số tiền miễn giảm                                                | VND                  | Mã ngoài hạn ngạch        |                      |     |
| Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                      |                           |                      |     |
| Danh mục miễn thuế nhập khẩu                                     | -                    |                           |                      |     |
| Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu                          |                      |                           |                      |     |

**Thuế và thu khác**

| 1 | Tên               | Thuế GTGT            |     | Mã áp dụng thuế suất                      | VB245 |
|---|-------------------|----------------------|-----|-------------------------------------------|-------|
|   | Trị giá tính thuế | 188.203.256,7084 VND |     | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | 8%                   |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | 15.056.260,5367 VND  |     |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND                  |     |                                           |       |
| 2 | Tên               |                      |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                      | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                      |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                      | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                      | VND |                                           |       |
| 3 | Tên               |                      |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                      | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                      |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                      | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                      | VND |                                           |       |
| 4 | Tên               |                      |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                      | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                      |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                      | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                      | VND |                                           |       |
| 5 | Tên               |                      |     | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế |                      | VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                      |     | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      |                      | VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm |                      | VND |                                           |       |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

### 1. Thông tin chung

- Họ tên sinh viên: Nguyễn ~~Viết~~ Thành
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- MSSV: 2154050183
- Đơn vị thực tập: Công ty TNHH Tiếp Vận Đà
- Vị trí thực tập: Thực tập sinh Chứng từ

### 2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Qua thời gian rèn luyện của chị  
chăm chỉ học tập & chịu khó học hỏi  
từ các anh chị đi trước

Người nhận xét

(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Ngọc Vân